

PHỎ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ-BIỆN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn: 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ V ★ SỐ 90 ★ 15-10-62

- 1.— Sự quan-hệ giữa văn-hóa
và ca vũ-nhạc Nông-Bằng-Giang 6 — 12
- 2.— La bàn, thuốc súng, chữ in Nguyễn-Triệu 13 — 16
- 3.— Căn nhà của Tuấn (truyện ngắn) Hà-Thy 17 — 21
- 4.— Cuộc bài trừ bệnh Ung-thư Võ-quang Yến 22 — 30
- 5.— Chiều nghĩa trang (thơ) Ngọc-Lam-Huyền 31
- 6.— Cụ bà Phan-Bội-Châu Thiện-Sinh 32 — 38
- 7.— Lá vàng (thơ) Tâm-Tĩnh 39
- 8.— Kẻ thù số 1 của Phụ-nữ Christo Abel 40 — 41
- 9.— Giang-sơn Việt-Nam: tỉnh Phú-Yên Nguyễn-dinh-Tư 42 — 50
- 10.— Nhân vật xuân thu Thiếu-Sơn 51 — 56
- 11.— Xem triển lãm tranh dự thi lịch Esso Châu-Giang 57 — 59
- 12.— Danh nhân thế-giới: Charlie Chaplin. Tề-Xuyên 60 — 67

- 13.— Một giấc mơ hoa Duyên-Hồng 68 — 73
- 14.— Tình tha-hương (thơ). Nguyễn-văn Cồn 74 — 75
- 15.— Tuấn, chàng trai nước Việt Nguyễn-Vỹ 76 — 82
- 16.— Sắc hồng thắm (thơ) Hương-Nguyên 83
- 17.— Phê bình sách mới Thâm-thệ-Hà 84 — 90
- 18.— Minh ơi! Diệu-Huyền 91 — 98
- 19.— Thơ « Hoang-vu » dịch Đặng-Công-Thắng 99 — 101
- 20.— Xã-giao theo đời sống mới. Tân-Phong 102 — 107
- 21.— Cái chết của Néron (truyện dịch) Tô-Thùy-Yên 108 — 113
- 22.— Lợi ngược (truyện dài) Nguyễn-Vỹ 114 — 119
- 23.— Mồ hôi nước mắt Lý-Chân 120 — 121
- 24.— Thư bạn đọc Phỏ-Thông 122 — 130

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp-chí PHỎ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai cáo của các tác-giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỎ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỎ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỎ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

VĂN - HÓA



và

CA VŨ - NHẠC

★ **NÔNG-BẰNG GIANG**
(Tokyo)

NHÂN đoàn ca-vũ nhạc Việt-Nam đến Nhật-bản trình diễn, tôi muốn nói một vài cảm nghĩ của tôi sau khi đã xem qua lần ra mắt đầu tiên của họ tại **TOKYO YOMIURI HALL** ngày 9-9-1962. Tôi không có tham vọng viết bài này để phê-bình về nghệ-thuật ca-vũ-nhạc, vì tôi tự biết tôi không hiểu nhiều về bộ môn này lắm, nhưng không vì thế mà tôi không biết thưởng thức nghệ-thuật ca-vũ-nhạc. Tôi đã được nhiều dịp thưởng-thức qua tài nghệ của nhiều phái đoàn văn nghệ quốc-tế như **Nhật, Philippines, Brazil, Spain, Mexico, Pháp, Mỹ, Nga...** qua những lần trình diễn về đại nhạc hòa tấu, kịch nghệ, **Opera**, dân vũ...

Viết bài hôm nay, ngoài ý muốn của cá nhân tôi, còn có cả ý muốn của một số đồng anh em sinh-viên khác. Đối với nghệ thuật ca-vũ-nhạc, tôi không có cao vọng nghiên cứu để tự tìm cho tôi một thú vui sống, trong cuộc đời tình cảm, mà tôi chỉ dùng nó để làm phương tiện tiêu khiển, và giải trí trong những lúc tôi cảm thấy đơn độc, những khi vui say, hoặc những lúc thấy rằng cần phải đắm hồn trong im lặng. Tôi mê say nó nhưng không mấy khi tôi nói về nó, vì nó không là hướng đi của tôi. Đây là một điều đáng tiếc.

Nhưng hôm nay tôi lại nói đến nó, không phải vì nghệ thuật của nó mà chính vì tinh thần văn-hóa của nó. Vì văn-nghệ

cũng là một phần của văn hóa hướng chúng ta đến con đường **THIỆN, MỸ**. Văn nghệ là những gì thuộc về tình cảm, trái lại văn hóa bao hàm cả hai phần tình cảm và lý trí. Lý trí bao giờ cũng có khuynh hướng đưa chúng ta đến mục đích của Chân và Thiện. Mà tinh thần văn hóa ấy là gì nếu không phải là mục đích « truyền bá trí thức trong đại chúng, nâng cao trình độ văn hóa của quốc dân » như nhà văn Nguyễn Vỹ đã viết trong **Phổ Thông số 1**, bộ cũ. Với mục đích « nâng cao trình độ văn hóa của quốc dân và truyền bá trí thức trong đại chúng » tưởng cũng đã là trách nhiệm nặng nề khó khăn rồi, huống hồ đi tuyên truyền văn-hóa quốc dân ra ngoại-quốc. Trong tinh-thần tuyên-truyền văn-hóa ấy, thử xét xem « Phái đoàn văn-hóa Việt-Nam » đã làm được gì trong những ngày đầu lưu diễn tại Nhật-bản.

Từ lâu chúng tôi đã được tin « Phái đoàn văn-hóa Việt-Nam » — tin đăng ở Nhật báo dưới danh nghĩa **Vietnamese Cultural mission** — sẽ đến Nhật bản trình diễn, và « Phái đoàn văn-hóa Việt-Nam » này lại được

sự giúp đỡ của tòa đại sứ Việt-Nam tại Nhật-bản, hội Việt-Nhật và nhật báo **YOMIURI SHINBUN**. Một điều làm chúng tôi hơi ngạc-nhiên là chúng tôi không hề được sứ quán Việt-Nam, và hội Việt-Nhật thông báo về tin đến của « Phái đoàn văn-hóa Việt-Nam » này, vì từ bấy lâu nay hai cơ quan này vẫn thường liên-lạc với sinh viên chúng tôi trong vấn-đề văn-hóa. Thật là một điều rất đáng tiếc đối với sinh viên quốc ngoại chúng tôi, những người đang đặt tất cả tâm-trí vào việc « truyền bá trí thức trong đại chúng và nâng cao văn-hóa quốc dân ». Sự kiện ấy chúng tôi xem như là một hiện tượng địa chấn thường xuyên đã xảy ra ở Nhật-bản, nên chúng tôi không bỏ ý định đến thưởng thức tài-nghệ của họ, trong mục đích tuyên-truyền văn-hóa cao đẹp ấy. Vì chúng tôi, những sinh viên quốc ngoại bao giờ cũng đặt tất cả những cảm tình riêng biệt đối với những người đồng hương, nhưt là những người đã tự đặt cho họ một trách nhiệm cao đẹp như việc tuyên truyền văn-hóa Việt-nam tại Nhật-bản.

SỰ QUAN HỆ GIỮA VĂN HÓA VÀ CA VŨ NHẠC

Đến rạp **YOMIURI**, điều thất vọng đầu tiên của tôi là nhận thấy rạp quá nhỏ, và khi nhìn qua lối kiến trúc cũng như màu sắc ghế nệm, tôi không ngờ rạp này lại thâm niên như thế. Điều nhận xét của tôi không phải là không đúng lắm, vì trong lúc trình diễn, màn kéo không chạy, nghệ thuật ánh sáng quá kém, và sân khấu quá xấu đến cái độ tồi tệ, chẳng những đã xấn-xùi mà còn bị nhiều lỗ hư hỏng. Điều ấy chúng ta cũng không thể than phiền được, vì đây có phải là rạp hát chuyên nghiệp đâu, mà nó chỉ là một công đường thâm niên của tờ nhật báo **YOMIURI**.

Tất cả chương trình của đêm trình diễn viết bằng ba thứ tiếng Nhật-Anh-Việt với những hàng tựa lớn.

Vietnamese cultural mission.

Phái đoàn văn hóa Việt-nam

Vietnam Artists troop

Việt-nam Geijutsu dan

Đoàn nghệ thuật Việt-nam.

Chương trình chỉ ghi những màn dân vũ, mà không ghi những phần đơn ca, có lẽ đây

là phần phụ thuộc chẳng? Phần dân vũ gồm những màn: múa nón, gieo mạ, nhảy trống, múa lên đồng, cọt, múa quạt, múa mọi... Bộ ba hợp ca, nhảy với chúng tôi, (**vocal trio, dance with us**) và những màn trình diễn của Trần văn Trạch... Ngoài ra còn có những phần độc tấu về trống và đàn cò với cái tit rất là hách: **Instrument solo Vietnamese jazz performance.**

Bở ngỡ đầu tiên đã đến với tôi, khi bắt đầu bằng những màn dân-vũ lạ mắt. Những vũ điệu như giặt lụa, múa nón, múa quạt, có lẽ tôi đã xem qua hàng chục lần ở đây rồi, nhưng hôm ấy tôi vẫn nhận thấy khá đẹp. Tôi rất ngạc nhiên khi biết rằng phái đoàn đã đem sự mê tín mù quáng của người dân quê như lên đồng cọt trừ tà ma, làm dân vũ để trình diễn dưới hình thức tuyên truyền văn-hóa nước nhà tại Nhật-Bản. Trong màn dân-vũ này tôi đã nhận thấy những động tác chậm, rồi đột ngột nhanh dần, nhanh đến độ cuồng loạn, hỗn độn mà chính tôi đã phải ôm bụng cười, vì trong những động tác điên dại ấy, tôi đã bắt gặp những nhịp điệu của vũ điệu twist và mambo.

SỰ QUAN HỆ GIỮA VĂN HÓA VÀ CA VŨ NHẠC

Những màn dân vũ, với những động tác chậm nhanh không đều, đã làm cho tôi liên tưởng đến những bước chân chậm chạp, trên khắp các nẻo đường Saigon, và những phản ứng nhiệt vọng của người Việt-nam, qua những lần nổi dậy quyết liệt để chiến đấu với kẻ thù của dân tộc, và để phản đối những gì đi trái với nguyện vọng chính đáng của dân ta. Trong một vài phút, tôi đã đề tâm hồn trọn vẹn chìm sâu vào lòng thời gian, qua những màn dân vũ. Nhưng lối hóa trang Trung-hoa của nam nữ nghệ-sĩ trong những màn vũ ấy, đã làm cho tôi có ý nghĩ là tôi đang xem đoàn văn-nghệ Trung-hoa hơn là Việt-nam.

Tờ nhật báo Anh ngữ, **THE MAINICHI DAILY NEWS**, ra ngày 12-9-1962 đã phê-bình những màn vũ này, tưởng cũng không phải là một điều quá đáng. Khi nhìn qua lối hóa trang của màn dân vũ «múa mọi», «nhảy trống», với những chiến sĩ cầm lao nhọn, những người con gái cầm cung, và từ những động tác chậm, dịu dàng, tiếp theo những cử động đột ngột nhanh, thô bạo, đã cho tác

giả **Michael Lombardi** có những cảm nghĩ về ảnh-hưởng sâu đậm của hai nền văn-hóa Ấn-độ, Trung-hoa trong văn-hóa Việt-Nam.

Trong phần thứ hai của chương-trình trình-diễn, cho tôi một cảm nhận về một vài nét sống động của xã hội Việt-nam trong hoàn cảnh hiện tại, giả như màn trình diễn của bộ ba hợp ca hòa tấu (bass, guitar, trống). Có lẽ đây là màn lộn xộn nhất, một sự hòa hợp giữa mới và cũ. Một bài hát vui nhộn mà mười năm trước đây, có lẽ là đề tài đã được khai thác ở một vài khía cạnh nào đó trong cuộc đời của các me tây. (... ôi rừng mái rừng me, cô mặc áo thắm cô che dù hồng... Cô lấy chồng tây đen). Cũng ở màn này, tôi nghe thấy được những gì mà người miền nam mê thích (vọng cổ), và những điệu vũ đang thịnh hành như twist, mambo...

Chính vì sự hỗn độn ấy, nếu chỉ nên đem trình diễn ở các phòng trà hoặc, quán rượu ở Việt-nam, tôi nghĩ có lẽ được hoan nghênh nhiều hơn là đem cái hỗn độn ấy trình diễn ở

ngoại-quốc, trong đêm đầu tiên ra mắt công chúng tại Nhật-bản, nhất là dưới hình thức ấy còn có sứ mệnh tuyên truyền văn-hóa nữa. Màn này cũng như màn trình diễn của một anh bạn nghệ-sĩ nọ, bằng lối bắt chước, giả tiếng chó cắn nhau, mèo, heo kêu... đã bị tác giả **Michael Lombardi** phê bình một cách khắc khe. Tác-giả **Michael Lombardi** đã tỏ vẻ phần nộ, khi xem hai màn giải trí tiêu khiển rẻ tiền này của phái-đoàn văn-hóa Việt-nam.

Và tác giả **Michael** đã đặt ra vấn đề dùng danh-từ không thích hợp của «Đoàn nghệ thuật Việt Nam», dưới danh nghĩa «Phái-đoàn văn-hóa Việt-Nam».

Ở đây tôi cũng nhận thấy lời phê bình

của **Michael Lombardi** không phải là không có lý. Tôi tán đồng quan-điểm của tác giả **Michael Lombardi**, vì tôi cảm thấy người ta đã lạm dụng danh-từ văn-hóa rất nhiều. Tôi cảm thấy điều ấy trước khi tôi xem trình diễn, vì dưới hình thức tuyên truyền văn-hóa, «Phái đoàn Văn-hóa Việt-Nam» còn có mục đích khác. Vì nếu chỉ với mục đích tuyên truyền văn-hóa thì việc gì phải đến đóng đô đề trình diễn thường xuyên ở hộp đêm **MIKADO**. Trình diễn xen kẽ với các ban vũ nhạc khác.



↑ Buổi họp mặt của Đoàn nghệ-sĩ Việt nam và sinh viên Việt-nam tại Nhật-bản.

Chúng tôi không quá khắc khe phê bình như tác giả **Michael Lombardi**, vì chúng tôi đã cảm thông được những khuyết điểm đó một phần nào, nhưng chúng tôi rất bất mãn, về thái độ tuyên truyền văn-hóa Việt-Nam, tại Nhật-Bản của phái đoàn này. Sinh viên quốc nội, và sinh viên quốc ngoại chúng tôi, là những người đang, và sẽ chịu trách nhiệm rất nhiều về tương lai của nền văn-hóa quốc-dân, nên chúng tôi có quyền phần nộ, bất mãn, chống đối những ai đã có thái độ tuyên truyền văn-hóa không đúng đắn. Vì thái độ tuyên truyền văn hóa ấy vô tình hay hữu ý đã làm cho sinh viên quốc ngoại chúng tôi tự cảm thấy hổ thẹn, không những chỉ là cái nhục riêng rẽ của sinh viên quốc ngoại chúng tôi, mà tôi nghĩ nó là cái nhục quốc thề, đối với một dân-tộc đã tự hào, hãnh-diện với một lịch-sử văn-hóa bốn nghìn năm.

Những khuyết điểm của «Phái đoàn Văn-hóa Việt-Nam», có lẽ phần lớn đều do ban tổ chức. Ban tổ chức không có một tấm chương trình rõ ràng, những màn đơn ca đã trình diễn không

có ghi ở tấm chương trình phát cho khán giả, và khi các nữ ca sĩ ra máy vi-âm hát, không có một lời giới-thiệu nào của ban tổ-chức. Giả như ban tổ-chức phải giới-thiệu nữ ca sĩ X... sẽ đơn ca bản Y. chẳng hạn. Ban tổ chức cũng không giới thiệu một vài câu đề có thể nói lên ý nghĩa của toàn bài hát. Chính vì khuyết điểm ấy, nên ngay đến như tôi mà còn lờ mờ về những bài hát ấy thay, nói chi đến người ngoại-quốc. Khi nghe những bài hát trống quân... lên đồng..., người Nhật đã bảo với chúng tôi nghe như tiếng Ấn-độ. Cũng chính vì khuyết điểm này mà tác giả **Michael Lombardi** đã phê bình một cách buồn cười, **Michael Lombardi** bảo rằng những màn vũ thường bị đứt khoảng, có lẽ để cho các cô thay đổi trang phục; giả như thường thường cứ giữa những màn vũ, lại có một cô mặc áo dài ra trước máy vi-âm, lú lo những con số bình-dân Việt-nam. Thật là buồn cười, các nữ ca-sĩ cố gắng trình diễn bài hát mà **Michael Lombardi** lại bảo là «lú lo», thì quả thật là một điều

hiều lắm đáng tiếc. Một bài hát buồn lê thê đã được nữ ca-sĩ cố gắng trình diễn bằng một giọng trầm buồn lặng, nhẹ nhàng lên tâm hồn tôi một cảm giác buồn tê tái, tôi cảm nghe như tiếng nước nở của lá thu rơi. Một người Nhật khác đã tỏ ra nhiều thông cảm hơn, nên đã hỏi chúng tôi: « Tại sao lại có một tâm sự buồn da diết như thế? ».

Ngoài những khuyết điểm trên, chúng ta còn nhận thấy kỹ thuật ánh sáng quá kém, nghệ thuật trang trí sân khấu gần như không đề ý tới, tất cả mọi hoạt cảnh đều có tính chất thiên-nhiên. Những động tác của nam nữ nghệ sĩ trong những màn vũ chưa được điều luyện lắm, những sự rời rạc, lộn xộn trong khi chuyển biến, làm cho khán-giả cảm thấy thiếu tính chất và màu sắc nghệ-thuật. Phần lớn những màn dân vũ của « Phái đoàn Văn-hóa Việt-Nam » trình diễn, không biểu hiện được những gì gọi là văn-hóa Việt Nam đối với đại chúng, mà nó chỉ nói lên một vài ảnh hưởng sâu đậm của văn-hóa Trung hoa, Ấn-độ trong văn hóa Việt-Nam qua lối hóa trang của họ.

Chúng tôi cũng biết Ca-vũ-Nhạc cũng là bộ môn của nghệ thuật, nhưng không phải vì thế mà bất cứ loại ca xướng nào, vũ điệu, âm nhạc gì cũng được

gọi là nghệ-thuật. Trong tinh thần nghệ thuật của ngành ca-vũ-nhạc, tôi nghĩ đoàn Ca-vũ-Nhạc Việt-Nam dưới danh hiệu là « Đoàn nghệ-thuật Việt-Nam » tưởng cũng đã là quá đáng rồi, huống hồ lại lấy danh nghĩa là « Phái đoàn văn-hóa Việt-Nam ».

Trong tinh thần tuyên truyền văn-hóa Việt-Nam tại Nhật bản của « Phái đoàn văn-hóa Việt-Nam », chúng tôi cảm thấy thất vọng rất nhiều. Chẳng những chúng tôi thất vọng vì tính chất nghệ-thuật của nó, mà chúng tôi còn cảm thấy bất mãn vì thái độ tuyên truyền văn-hóa. Ở đây, chúng tôi hy vọng những ai có tham vọng tuyên truyền, nâng cao văn-hóa quốc dân, hãy có thái độ đúng đắn hơn. Vì mục đích của văn-hóa là gì nếu không phải là khuynh hướng, nhằm phổ biến, khai phóng, bồi bổ cho bản tính tự nhiên, để có thể nâng cao trình độ dân-trí từ chỗ đã man đến ba mục tiêu chính của Chân, Thiện, Mỹ, ngõ hầu thực hiện một sinh hoạt xã hội cao hơn, để có thể hủy diệt những điều hổ thẹn hiện tại đang đè nặng trong tâm hồn của chúng ta, vì trình độ văn-hóa thấp kém của dân-tộc chúng ta.

NÔNG-BẮNG-GIANG
(Tokyo, 10-9-62)

LA - BÀN

thuốc súng

CHỮ - IN

*là những thứ
của Trung-Hoa
phát-minh đầu tiên*

★ NGUYỄN TRIỆU

HỒ I tưởng lại khi còn niên thiếu, tôi có được coi một tờ báo Quảng-châu đã viết mấy câu này :

« Ngoại quốc dùng thuốc súng chế tạo ra đạn để đánh giặc, Trung-quốc chỉ dùng làm pháo đốt kính Thần và khoe khoang ngày Tết. Ngoại-quốc dùng Kim La-bàn đi hết bề họ sang bề kia.

Trung-quốc chỉ dùng nó cắm hướng nhà và xem đất để mồ mả... Ngoại-quốc dùng thuốc phiện trị bệnh, Trung-quốc thì ăn nó như cơm... Ngoại-quốc đánh mà-chuộc để tiêu-khiên, Trung-quốc thì lấy nó để ăn thua sát-phạt lẫn nhau... Đáng tiếc những vật như la-bàn và thuốc súng, chính mình phát minh ra mà tự mình không biết lợi-dụng, chỉ biết dùng làm trò chơi, trong khi người ta dùng nó vào việc lớn, vân-vân... »

Mấy câu cảm khái nhẹ-nhàng và thâm thiết làm sao !

Cứ theo sách Tàu thì La-bàn, thuốc súng, chữ in, cho đến cả nghề làm giấy nữa, đều là vật đẻ ra ở Trung-quốc từ chín mươi thế-kỷ trước, rồi sau truyền sang Âu-Châu mới được thực dụng lớn lao, vì thế mà nhà danh-sĩ H. G. Wells soạn bộ « Thế giới sử cương » đã viết rằng : Trung-quốc ở trong Thế-Giới thật đã có một hồi lâu dài, giữ được địa-vị tiên-tiến, mãi đến ngàn năm, tới khoảng hai thế-kỷ 15 và 16, Tây-phương tìm được Mỹ-châu và mở mang nghề in mà truyền rộng tư-tưởng, sách vở về giáo-dục và khoa-học, mở

ra một kỷ-nguyên mới, bấy giờ Trung-quốc mới thụt lùi lại sau người ta. »

Vậy thử tìm xem lai-lịch mấy món phát-minh quan-hệ ấy, hẳn cũng là một việc có ích cho sự trí-thức.

Theo Giáo-sư Trúc-khả-Trinh đã viết trong « Đông-phương tạp-chí » hồi đó, việc người Tàu dùng kim Chi-Nam tức là La-bàn để nhắm phương-hướng đi bề, thấy chép trong bút-ký của Châu-Húc đời Bắc-Tống (917-1126) là lần thứ nhất.

Song Diêu - thiệu - Hoa làm quyền « Bản-quốc lịch-sử » cho lớp Trung-học, có nói rằng từ đời chiến-quốc người ta đã biết tìm ra công dụng của từ-thạch (磁石) có tính hút sắt. Về sau có người nhân đó chế tạo ra La-bàn, đến đời Bắc-Tống mới thông-dụng cho các thầy địa-lý và những tàu và thuyền-bè đi bề, tìm ra phương-hướng, không bị đi lạc. Thuở xưa, không phải viết chữ từ (磁) như bây giờ, mà viết chữ 慈 lấy ý là bà từ-mẫu dắt con đi ví như từ-thạch hút sắt. Trong sách « Lã-thị Xuân - thu » đã có chuyện « Từ-thạch triệu thiết »

(慈石召鐵) (đá nam-trâm vời sắt chạy lại) xem thế thì rõ Trung-quốc phát minh ra công dụng của từ-thạch đã lâu đời lắm vậy...

Song người ta cũng có thể tin rằng Trung-quốc chế-tạo ra La-bàn vào khoảng thế-kỷ thứ 10. Đến thế-kỷ 12 mới do người A-Rập truyền sang châu Âu. Từ đấy, người Ý, người Bồ-Đào-Nha, người Y-pha-nho mới có vật xem hướng đi bề mà ra ngoài vòng Địa-Trung-Hải.

Sau Kha-luân-bổ (Christophe Colomb) tìm ra Mỹ-châu cũ g nhờ La-bàn.

Giáo-sư John Fiske chép sử Bắc-Mỹ-châu nhìn nhận rằng lúc bấy giờ, nếu ông Kha-luân-bổ không có La-bàn, thì giữa bề mênh-mông, biết đâu là phương-hướng nhất-định mà đi, và cội đất liền mới, sao mà phát-hiện ra được.

Nếu theo sử ta, Thì nước Tàu từ đời nhà Chu, đã biết dùng chỉ-nam-châm. Lúc ấy họ Việt-Thường sai sứ đem cống chim trĩ, rồi quên mất đường về, Chu Công cho xe chỉ-nam đưa về bản-quốc.

Xe chỉ-nam tức là La-bàn chứ gì!

Đến như thuốc súng, gốc tích phát-minh chế-tạo từ đời nào, Trúc-khả-Trinh và Diêu-thiệu-Hoa đều chịu không thể khảo-cứu... Duy đến đời Bắc-Tống, thấy trong « quan-thư » là sách của nhà Vua sai làm, có chép cách thức chế-tạo thuốc súng. Qua đời Nam-Tống (1227-1271) có Ngu-doãn-Văn từng dùng giấy gói chặt lưu-hoàng và than bột làm ra pháo, dùng để đánh giặc. Rồi Ngụy-Thăng lại chế bác xa bắn đạn đi xa hơn hai trăm bước.

Đời Lý-Tôn có người chế ra thứ đạn, gần như lưu-dạn đời nay, nhồi thuốc pháo trong ống tre to, châm ngòi mà ném qua trại giặc.

« Quan-thư » nói trên, tức là bộ sách « Võ Kinh Tổng yếu » của Tăng-công-Lượng ở đời Bắc Tống vâng mạng Vua sai làm. Trong sách có chép cả phương pháp làm thuốc súng, cốt nhất là *Diêm-tiên*, *lưu-hoàng* và than củi tán nhỏ ra.

Thuốc súng truyền sang Mông-Cồ trước hết.

Rồi nó theo Thành-Cát-Tur-Hãn (Gengis Khan) sang Âu-châu đánh Áo, đánh Nga; quân Mông-cồ đã dùng cái lợi-

khí của Trung-quốc đã phát-minh đó đánh bên địch, thành ra thuốc súng truyền qua Tây-phương.

Có nhiều nhà Khảo-cứu Tây-phương không chịu nhìn-nhận điều ấy, nói rằng từ đời La-Mã, Hy-Lạp xưa kia, Tây-phương đã từng biết dùng thuốc súng rồi!

Về nghề in, ai không nghĩ Gutenberg (1397-1468) là ông Tồ phát-minh ra lối khắc rời từng chữ, sắp lại thành bản. Nhưng Trung-Quốc bảo rằng trước Gutenberg những 400 năm, họ đã biết lối in hoạt-tự (chữ rời) rồi!

Đời Tống-nhân-Tôn, (thái-tử Phạt-Mã 1038) có người tên là Tất-Thăng (畢昇) dùng keo nắn lại mà khắc từng chữ rời, để trên lửa cho khô đi, rồi sắp lại trên bản sắt mà in rất mau chóng.

Quả thế thì Tất-Thăng đã đi bước trước Gutenberg, nhưng lạ sao người Tàu không biết lợi dụng và mở mang cách in như thế để chi đến đời Mãn-Thanh cũng vẫn còn phải khắc bản gỗ chậm chạp và tốn nhiều công-phu!

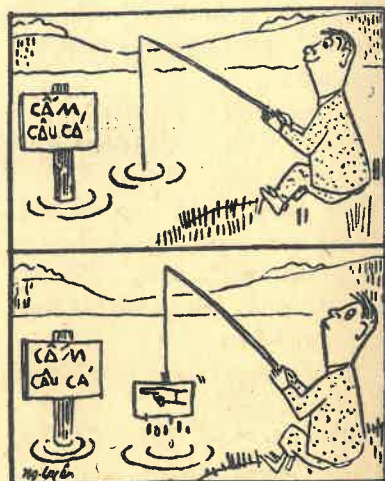
Cả nghề làm giấy, cũng là phát-minh từ Trung-quốc.

Giáo-sư Trúc-Khả-Trinh, trong một bài nói về Trung-Quốc đã đóng góp vào thế-giới khoa-học những gì? Quả-quyết rằng nước Tàu biết làm giấy trước nhất Thiên-hạ...

Niên-hiệu Nguyên-hưng rằm đầu vua Hòa-đế nhà Đông-Hán, (tức là năm 105 theo Tây-lịch) có người tên là Sái-Luân nghĩ ra cách dùng những vải cũ, giẻ rách chế-tạo thành giấy. Cứ theo bác-sĩ T.F. Carter nước Mỹ, — ấy là lời Trúc-Khả-Trinh nói — đã điều-tra, thì hồi thế kỷ thứ 2, ở các miền Tây-Vực Lâu-Lan đã có giấy Tàu phát-hiện. Qua thế-kỷ thứ 4 truyền đến Thô-lô-phiên, thứ 5 truyền đến Tân-cương, thứ 8 đến A-thích-Bá (Arabie). Mãi thế-kỷ thứ 10 mới truyền vào Ai-Cập. Người Ai-Cập bắt chước ngay phương-pháp của Trung-quốc mà làm giấy. Rồi đến thế-kỷ thứ XII nghệ-thuật ấy mới vòng đường Phi-châu mà đến Y-pha-Nho và Pháp. Qua thế-kỷ XV truyền sang nước Anh. Nghề làm giấy thịnh-hành ở Âu-Châu là từ đây.

Thì ra La - bàn đề thông thương tung-hoành trên mặt bể, thuốc súng để chinh-phục thiên-hạ, giấy và nghề in để truyền bá tư - tưởng, học - thuật, là những lực-lượng căn-bản của các cường-quốc đời nay đều phát-minh từ Trung-quốc hàng ngàn năm xưa, thế mà chính người Tàu không biết lợi dụng, ngày nay trở lại đi mua của người và bị những vật ấy giá-ngự mình nữa là khác.

NGUYỄN TRIỆU



TRANH KHÔNG LỜI
(Họa-sĩ Nguyễn-Ưuên)



cho chúng ta.

Buổi trưa nay Tuấn đã đem tiền tới đặt cọc cho chủ nhà. Chỉ nội tuần sau, gia đình Tuấn sẽ dọn tới căn nhà xinh xắn ấy. Từ đó, Tuấn sẽ làm chủ một căn nhà hoàn toàn của mình. Niềm khao khát bấy lâu đã đạt được, Tuấn thỏa mãn vô cùng.

Tuấn thật không thề nguyền với 20.000đ, dành dụm bấy lâu anh đã mua nổi một căn nhà xinh xắn chừng ấy. Điều kiện thật quá dễ dãi: Căn nhà được chủ nhân ngả giá 30.000đ. Là người nghèo, ông hiểu rõ hoàn cảnh của những người đồng giới, nên chỉ lấy trước 15.000đ. Số còn lại sẽ được trả dần làm 10 tháng. Ngày dọn nhà đã được định vào tuần sau, 30/10/62. Tuấn

c ầ n n h à c ù a T u ầ n

★ HÀ-THY

truyện ngắn

TỜ báo được trải rộng giữa giường để lót măm cơm cho khỏi rơi vãi. Vợ chồng Tuấn và đứa con trai lớn quây quần ăn một bữa cơm chiều vui vẻ. Nhìn đứa bé gái mười hai tháng nằm ở góc giường, Tuấn mỉm cười thật tươi. Anh nói với vợ bằng một giọng hài lòng:

— Bé Thu đem may mắn lại

tính nhăm: mình sẽ trả xong tiền, nhà vào tháng 8 năm 1963. Năm đó bé Thu đã hơn 2 tuổi, và thằng Thanh, đứa con trai lớn, đã lên 4.

Húp một muỗng canh ngọt Tuấn nghĩ đến lúc anh mạnh bạo gõ cửa căn nhà ấy. Thoạt đầu, Tuấn chỉ có ý định hỏi thăm chơi cho vui mà thôi. Chủ nhân tiếp đãi thật niềm

nở. Giá cả và điều kiện làm Tuấn ngạc nhiên, sung sướng. Buông bát đũa, Tuấn lấy tấm giấy biên nhận tạm của chủ nhà ra đọc lại một lần nữa cho vợ con nghe :

...Tôi Lê Bình Cước, 50 tuổi, căn cước số... cấp tại..., có nhận của ông Trần Anh Tuấn, 38 tuổi, căn cước số... cấp tại..., số tiền 15.000\$, tiền đặt trước một nửa giá mua căn nhà số... đường Bàn Cờ, Saigon.

Saigon, ngày...

Giấy tờ sẽ được điều chỉnh đăng hoàng vào ngày Tuấn dọn đến nhà mới.

Vợ Tuấn nheo mắt nhìn chồng, rồi mỉm cười thật duyên. Tuấn bảo vợ :

— Còn dư mấy ngàn, mình phải mua một bộ bàn ghế và vài thứ cần dùng. Chả gì cũng đã...

— Có nhà rồi !

Vợ Tuấn tiếp lời chồng. Chị nghĩ đến một cuộc đời mới mở ra trước mắt với bao nhiêu hứa hẹn đẹp-đẽ.

Nghe chồng tả sơ qua căn

nhà, chị nghĩ đến việc trồng một cây trướng cá ở trước cửa để lấy bóng mát. Nhà bác Tư ở đầu ngõ, con cái đầy đàn ; chúng hợp nhau chơi dưới bóng mát của tàn cây mỗi trưa nắng, đã là một hình ảnh thật đẹp, thật vui làm chị mơ ước nhiều từ lâu. Nghĩ đến chồng, chị thương chò người bạn trăm năm vô cùng. Chưa bao giờ Tuấn có được niềm « hãnh diện » làm chủ một căn nhà.

Hồi ông thân Tuấn còn sinh tiền, gia-đình Tuấn cũng phải dời chỗ ở luôn, không bao giờ ở một chỗ nhất định, vì nếp sống chật vật. Tuấn là con trai lớn của gia-đình vẫn còn sung sướng hơn các em của anh. Hồi mới có một mình Tuấn, gia đình còn ở thuê một căn nhà kha khá, dần dà khi các em Tuấn theo nhau ra đời, cha mẹ Tuấn phải thay đổi chỗ ở luôn, và những căn nhà mới bao giờ cũng nhỏ hơn, tăm tối hơn. Đến đứa em thứ sáu của Tuấn, gia-đình đã phải ở chung chạ với hai gia-đình khác trong một căn nhà.

Bây giờ các em Tuấn đã mỗi người có một cuộc sống riêng

tư, vì tất cả đều đã trưởng thành. Cuộc sống của các em Tuấn cũng không được « mát mặt » cho lắm. Hơn nữa « *anh em kiến giá nhất phận* », nhờ nhối nhau kẻ cũng khó. Từ hồi lấy vợ đến nay, Tuấn cảm thấy vững vàng hơn trong bước đi vào đời của mình. Hai vợ chồng Tuấn ăn dè-dặt hà tiện, cố dành dụm từng đồng. Họ ở chung đụng với 5 gia-đình trong một gian nhà thuê chung nhau. Ở chung chạ quả có nhiều bức bối, nhưng biết sao. Vợ chồng Tuấn đã tính toán chí lý : Nếu muốn cho mát mặt sau này, phải chịu cực khổ bây giờ. Với số lương 3000\$, mỗi tháng của Tuấn, họ có thể thuê riêng một căn nhà thật dễ. Nhưng đã ở thuê như vậy, chỉ tạm thời « mát mặt », rồi cuộc mọn đời cũng chỉ đi ở thuê mà thôi. Tuấn bàn với vợ cứ chịu khó thuê một giường 200\$, mỗi tháng thế này để cố dành dụm cho « mai sau » *mua nhà*.

Và bây giờ, đến khi đứa con thứ hai của Tuấn được 12 tháng, vợ chồng Tuấn cũng đã dành dụm được 20.000\$. Số tiền to tát ấy ướt đầy mồ hôi nước mắt của vợ chồng Tuấn. Họ định

khi đã dành dụm được 40.000\$, sẽ mua một miếng đất nho nhỏ rồi cất nhà. Còn bây giờ, với 20.000\$, họ làm được gì. Làm gì có nhà, đất rẻ như vậy ở một chốn « phồn hoa » mỗi thước đất là một thước vàng như ở Saigon bây giờ !

Nhưng Trời quả chiều người. Dịp may đã đến với Tuấn thật hân hũu.



Vợ Tuấn mỉm cười nói với chồng :

— Thật mình vui quá hóa dại : mua bàn ghế ngay bây giờ, còn những 2 ngày nữa mới dọn nhà, xếp vào đâu chứ ? Em nghĩ cứ đến hôm dọn nhà mình mua cũng vừa.

Tuấn nhìn vợ thật âu yếm. Nàng bao giờ cũng tính toán kỹ càng. Anh bảo vợ sang mời bác Sáu đạp xe ba bánh, người đàn ông độc nhất, trừ Tuấn, cùng ở chung trong nhà, sang uống chút rượu già từ.

Bữa rượu nhiều buồn vui xen lẫn. Bác sáu thấy cảnh vui của Tuấn mà buồn rầu nghĩ đến phận mình. Biết bao giờ bác có thể mua nổi một căn nhà như

Tuấn. Rồi đây con cái bác cũng lại tiếp tục cuộc sống ở thuê chung đậu như bác. Buồn.

★

Vợ chồng Tuấn thức dậy thật sớm. Hôm nay dọn nhà ; may mắn lại nhằm ngày chủ nhật, Tuấn khỏi phải xin phép chủ. Bác Sáu phụ giúp vợ chồng Tuấn dọn nhà. Tuấn đạp xe đến trước đề sửa soạn nhà cửa chờ bác Sáu chở giường chiếu tới. Vợ Tuấn và hai đứa nhỏ sẽ đi chuyển xe cuối cùng.

Đọc đường, Tuấn gặp đến ba bốn đám dọn nhà. Tuấn nghĩ : có lẽ hôm nay là một ngày Thanh Long, Hoàng Đạo chỉ đó nên thiên hạ dọn nhà nhiều. Hai chiếc xe ba bánh của một gia đình khác cũng cùng dọn đến cùng một đường với Tuấn. Ủa, họ cùng dọn đến chung ngõ à ?

Khi Tuấn đến căn nhà của mình thì mấy chiếc xe kia cũng vừa tới. Hai thanh niên lạ nhìn Tuấn tiến đến gõ cửa nhà Tuấn một cách ngạc nhiên. Họ cũng đến gõ cửa như Tuấn. Tất cả đều ngạc nhiên nhìn nhau. Tuấn nói :

— Chào các bác, hôm nay tôi dọn đến căn nhà này, chúng mình sẽ là xóm làng.

Hai thanh niên kia nhìn Tuấn, họ tỏ vẻ không hiểu Tuấn nói gì. Một người lên tiếng :

— Bác dọn đến căn này ?

Tuấn gật đầu, vẻ hạnh diện lóe lên đôi mắt.

Nhưng niềm hạnh diện của Tuấn không giữ được lâu quá 2 giây, khi hai thanh niên kia chìa cho Tuấn xem mảnh giấy « biên nhận tạm » của chủ nhà ; niềm hạnh diện của Tuấn vụt biến mất.

Tuấn kinh ngạc, chìa giấy « biên nhận tạm » của mình cho hai thanh niên kia xem. Cùng một nét chữ, cùng một chủ nhân, cùng một điều kiện « dễ dãi », cùng một căn nhà ; nhưng bán cho hai người.

Tức giận cùng độ, cả ba đẩy cửa vào nhà. Chủ nhân đã đi khỏi.

Đến nước này tất cả mới vỡ lẽ : bị gạt.

Chủ nhân « dễ dãi » đã dễ dãi với cả hai.

Bọn chủ mua « lỗ tầu » chỉ

còn nước kéo nhau đi có bớt. Đến bớt một lúc lâu, họ gặp thêm 8 người nữa cũng đến bớt có tự sự như họ.

Thì ra lão chủ nhà lưu manh đã gạt cả 10 người bằng một căn nhà. Căn nhà chỉ giá 30.000\$, với tính « thương người », hẳn đã thu vô được 150.000\$ rồi cao chạy xa bay.

Viên Cảnh Sát Trưởng nói mấy lời an ủi mọi người và hứa sẽ dốc toàn lực vào điều tra,

tìm bắt tên chủ nhà kia.

Ở bớt cảnh-sát ra, Tuấn đạp xe thật vội. Đọc đường, Tuấn gặp bác Sáu đang loay hoay vá bánh xe, vì bác đã tham lam chở nặng quá, nên bánh bị bẹp. Tuấn khoát tay biếu bác Sáu trở lui. Bác Sáu không hiểu.

Nhưng khi vỡ lẽ, bác Sáu không thể nào cười nổi một tiếng !

HÀ-THY



★ ÔNG CÓ VỢ CHƯA

Một công chức trẻ tuổi đi công cán ở trọ tại một khách sạn. Vừa ra khỏi phòng, đi xuống cầu thang thì có một thiếu-nữ trẻ đẹp như hoa, hấp tấp bước đến và tươi cười hỏi :

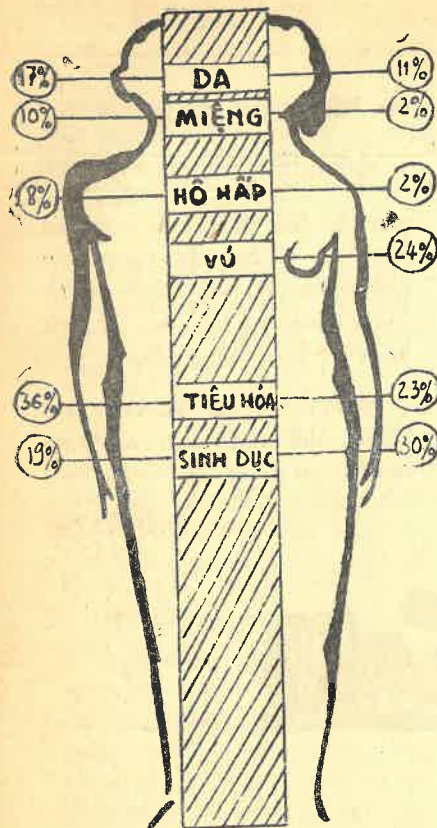
— Xin lỗi, ông có vợ chưa ?

Ông này bơ ngơ, suy nghĩ vòt giây rồi tính rằng có lẽ nói thật lúc nào cũng hơn, nên ông ta vội đáp :

— Dạ có rồi.

Thiếu nữ quay ngay lưng lại, vừa nói :

— Thế thì ông làm ơn gài lại cái « cọt-xê » của tôi bị sút dùm cho !



MỘT CON SỐ ĐÁNG
ĐƯỢC KHUYẾN-KHÍCH:
HIỆN NAY KHOA-HỌC ĐÃ
CÓ THỂ CỨU ĐƯỢC 40%
BỆNH NHÂN UNG THƯ

C UỘC BÀI T RỪ BỆNH

U N G T H Ư

UNG THƯ TRÊN CƠ THỂ

Từ thuở nhân-loại có mặt trên quả địa-cầu, người ta không ngớt tìm phương chống bệnh hoạn: thương hàn, thổ tả, ho lao,... dần dần đầu hàng chịu thua. Nhưng đến nay bệnh ung thư vẫn còn hăm dọa, khủng khiếp đến nỗi những người chưa mắc bệnh cũng đã lo sợ ngấm

★ **VÔ QUANG-YẾN**
(Paris)

ngấm. Không lúc nào Khoa-học đã từng triệu tập tất cả các ngành, các môn hăng mong đánh lui chứng bệnh ghê sợ kia Trên khắp thế giới hiện nay biết bao

CUỘC BÀI TRỪ BỆNH UNG THƯ

phòng thí nghiệm, chuyên viên đủ loại y, lý, hóa, sinh, thống kê toán học góp công kiếm cách diệt trừ ung thư.

Bệnh ung-thư là sao, từ đâu sinh ra mà ghê gớm như vậy?

● CÁC TẾ BÀO DÂY LOẠN THÀNH UNG THƯ

Bệnh ung thư là một chứng bệnh có đã lâu đời. Trong sử sách Ai-cập, Ấn-độ, từ 15 thế kỷ trước Thiên-chúa đã thấy nói đến. Những cỗ sinh vật từ đệ nhị kỷ nguyên đã có mang sừng phù trong xương. Con người thời tiền sử đau đớn vì ung thư không khác gì chúng ta bây giờ. Thật không ngoa khi người ta nói bệnh ung thư phát ra đồng thời với nguyên thủy sinh vật. Cũng đã từ lâu các nhà bác học theo dõi, học hỏi, cố gắng tìm một dấu vết để hiểu biết thêm về chứng bệnh. Ngày nay tất cả những phương pháp tối tân, các phát minh mới lạ đều được đưa ra dùng. Những nhà sinh vật học cắt tế bào ra từng mảnh mỏng bằng một phần triệu ly rồi xem xét với những kính hiển vi điện tử có thể phóng lớn gấp một triệu lần. Những nhà lý học chế ra những chất đồng vị phóng xạ dùng để theo dõi đời sống, cơ

chế của tế-bào. Những nhà hóa học thiết lập tương quan giữa các hóa chất và ung thư. Những nhà sinh lý học khảo sát tác dụng của các giếu tố và kích thích tố lên tế bào. Khác các nhà di tính học theo dõi tính cách di truyền của chứng bệnh trên thú vật từ đời này qua đời khác. Đồng thời các nhà toán học tính toán cơ cấu và tìm hiểu cơ chế của những phân tử ung độc hay có thể phát ung thư. Ngay những nhà thống kê học cũng góp phần với những khám phá về ảnh hưởng của đồ ăn, thuốc hút, khí hậu,... trên bệnh nhân. Hằng năm, các cuộc hội nghị triệu tập hằng ngàn khảo cứu viên đủ mọi giới, mọi ngành, mọi phương để trao đổi ý kiến, tài liệu, hầu mong thúc đẩy cuộc tiêu trừ được chóng tiến. Mặc dầu bao nỗi khó khăn đã vượt qua, Khoa-học còn đang thất bại trước hung thần. Khoa học đã nắm được tế bào mang bệnh mà chưa tìm ra được manh mối, định đoạt được duyên do...

Tế bào của cơ thể rất mỏng manh. Mỗi một thay đổi còn con của nhiệt độ, áp lực, điện lực, phát quang, đều có ảnh hưởng ít nhiều lên tế bào. Vì những lý do ấy, tế-bào có thể ngừng hay giảm bớt hoạt động lại. Một trong những hoạt động quan trọng của tế bào là tính chất phân chia sinh sản tế bào.

Theo Carrel và Metchnikoff, tế bào không thể đào thải ra ngoài những cặn bã sẽ dần dần bị đầu độc. Lumière thì lại cho chất keo trong nguyên sinh chất vì mất nước, kết thành từng cục và làm tê liệt các bộ phận của tế bào. Có khi tế bào như nổi cơn điên, hoặc ngừng phân chia, hoặc sinh sản tứ tung, lẫn áp và tiêu diệt các tổ chức bên cạnh. Người ta gọi tình trạng ấy là **ung thư**. Tất cả các tế bào của cơ thể, bất kỳ ở tổ chức nào cũng có thể dấy loạn khi có một ảnh hưởng khác thường. Hiện người ta chưa chứng minh được cơ chế làm sao tế bào biến ra ung thư như vậy. Thời gian từ lúc tế bào lành mạnh bị ảnh hưởng can thiệp vào cho đến lúc tế bào thay đổi thành nguy kịch có thể trong khoảng vài ba tháng cũng như vài chục năm. Nhiều yếu tố như sức chịu đựng của tế bào, phẩm lượng của ảnh hưởng khác thường hay nhiều loạn tác dụng khác nhau... định đoạt số phận của ung thư. Những ảnh hưởng khác thường duyên do có thể tự ngay trong hay ở ngoài vào, nguyên thủy lý hoặc hóa học. Những hóa chất có lẽ chịu trách nhiệm nhiều nhất về sự phát xuất ung thư.

● THUỐC LÁ DÍNH DÁNG KHÁ NHIỀU VỚI BỆNH UNG THƯ

Cuối thế kỷ thứ 18, nhà giải phẫu học Anh PERCIVAL POTT đã nhận thấy các chú bé nạo ống khói hay mất chứng bệnh này. Sau ấy, các bác sĩ đề ý các công nhân các nhà máy chế hay dùng chất nhuộm và các công nhân vận dụng dầu hắc cũng hay dễ bị ung thư. Đến năm 1920, hai nhà bác học Nhật YAMAGIWA và ICHIKAWA chứng minh dầu hắc gây nên ung thư trên da thỏ. Từ phát minh ấy, nhà hóa học Anh KENNAWAY năm 1930, tách được từ dầu hắc hóa chất đầu tiên có thể gây ra ung thư: chất benzanthraxen. Hiện nay, non 1000 hóa chất gây ung thư đã được tìm và chế ra, trong số ấy những chất như benzopyren và methylchölänthren vô cùng mãnh liệt. Ngay đây cần phải động đến vụ thuốc lá mà giấy mực cũng đã đề nhiều. Sở thống kê cho biết số người hút thuốc bị mất bệnh ung thư rất nhiều. Năm 1956, trong một bản báo cáo ở tờ báo Y-khoa Anh-quốc, các nhà bác học kết tội thuốc lá trong bệnh ung thư phổi. Gần đây, năm 1960, Hội đồng quốc tế về sức khỏe cũng kết luận khói thuốc lá gây ra ung thư trong

phổi. Ta nên biết trong thuốc lá có chất nicotin, theo khói thuốc vào cơ thể, là một chất nhựa vô cùng hiểm độc. Mỗi một điếu thuốc chỉ cho vào 1 hay 2 miligam, nhưng cứ hút mỗi ngày mười hai mươi điếu trong khoảng vài chục năm thì cơ thể sẽ nhận vào bao nhiêu? Các nhà chuyên môn cho biết nếu đem số lượng nicotin trong một bao thuốc lá tiêm vào máu ngựa thì ngựa chết tức khắc sau vài ba phút! Nếu chất nicotin không liên quan gì đến ung thư thì các nhà hóa học đã tách được từ khói thuốc ra một hóa chất gây ung thư rất mãnh liệt là chất benzopyren đã nói ở trên.

Ngoài thuốc lá ra, khí quyền ô uế cũng tai hại cho hai lá phổi không kém gì. Giáo sư KREYBERG người Na-uy dẫn chứng dân quê ít bị ung thư phổi hơn các công chức làm việc ở thị thành, trong các bàn giấy. Giáo sư Nga Shabad tìm kiếm chất benzopyren trong không khí. Ngoài chất này, không khí thị thành còn chứa rất nhiều chất cacbon ôxít từ các máy xe hơi mà ra, độc vô chừng cho cơ thể. Với tiến triển khoa học, lại thêm nhiều chất nhuộm được đưa vào thức ăn. Người ta biết hiện nay một số lớn có thể gây ra ung thư ở gan và bong

bóng. Ngay trong cách nấu ăn hằng ngày cũng cần phải đề ý: mở nóng có thể gây ung thư ở gan và dạ dày. Chất benzopyren đã thấy trên kia không những có trong khói thuốc và khói ở thị thành, mà còn được tìm ra trong nhiều loại cá và thịt ướp khói. Các loại phân hóa học cũng chứa nhiều chất độc. Các chất này có thể theo cây cỏ hoặc thú vật mà vào cơ thể. Các chất độc gây ung thư không những từ ngoài vào mà cũng có sẵn trong cơ thể: các axit chölüt và desôxychölüt, vì ở trong phòng thí nghiệm từ hai axit này người ta đã chế ra được chất methylchölänthren là một chất gây ung thư rất mạnh.

Bên cạnh các hóa chất, các ảnh hưởng nguyên thủy lý học cũng không kém bề quan trọng. Các cú dấm, các bức xạ sẵn có trong ánh nắng mặt trời có thể gây ung thư trên da. Quang tuyến X và các bức xạ từ các chất phóng xạ phát ra cũng nguy hiểm không kém gì. Ngoài những vụ sinh sản quái thai, bác sĩ Schubert, người Mỹ, lên tội các bụi phóng xạ sau mỗi kỳ thử bom nguyên tử đã làm tăng phân số trẻ con bị ung thư vì sữa bị đầu độc. Như tường khí hậu cũng có

ảnh hưởng ít nhiều trong bệnh ung thư : sở thống kê cho biết người xứ lạnh dễ bị bệnh hơn dân ở miền nóng. Các sâu bọ, nhất là những loại ký sinh, vì cọ xát với da thịt hoặc vì tiết ra chất độc, cũng là một nguồn phát sinh ung thư. Trước vô số ảnh hưởng bên trong bên ngoài có thể gây nên bệnh, các nhà bác học cố tìm hiểu duyên do vì sao tế bào dấy loạn và sinh sản tứ tung, hầu mong trị bệnh ngay tận gốc.

★ KHÔNG PHẢI ĐỂ CÓ ĐƯỢC BỆNH UNG THƯ

Một vấn đề đã được bàn cãi nhiều mà đến nay vẫn chưa dứt khoát là tính chất di truyền của bệnh ung thư. Các công tác của bà Maud Slye, người Mỹ, chứng minh bệnh ung thư có ảnh hưởng di truyền trên các giống chuột. Nhưng hiện nay các nhà bác học biết được thêm ảnh hưởng này chỉ rõ ràng hoặc phát xuất khi nào gặp những yếu tố cần yếu và cuộc lưu truyền rất là phức tạp. Bệnh ung thư có thể lây không ?

Thường những bệnh hay lây là những bệnh có vi trùng. Đến nay người ta đã tìm ra được vi trùng trong các sùng phù trên thú vật nhưng chưa bao giờ tìm ra được trên cơ thể con người. Đầu thế kỷ này, một môn đệ của Pasteur là Amédée Borrel đã đề nghị bệnh ung thư do vi trùng gây nên. Gần đây, nhà bác học có tiếng chuyên môn về ung thư người Pháp, bác sĩ Charles Oberling, vừa mới mất, cũng ủng hộ thuyết này. Năm 1920, lần đầu tiên nhà bác học Mỹ Peyton Rous tìm ra được vi trùng ung thư ở một loại gà đặt tên là Plymouth Rock. Năm 1932, một khảo cứu viên Mỹ khác, Shope, tìm ra được vi trùng ung thư ở thỏ. 5 năm sau, bác sĩ Bittner chứng minh nếu cho chuột con bú sữa chuột mẹ bị bệnh ung thư thì cũng bị mất bệnh. Dùng kính hiển vi điện tử xem xét, người ta tách ra được nhiều hạt nhỏ trong sữa mà các nhà chuyên môn cho là vi trùng. Người ta chưa chứng minh được như vậy trên con người. Vậy thuyết ung thư vi trùng chỉ đang còn là một giả

thuyết. Do đấy, bệnh ung thư không lây được.

Hiện nay, muốn gây ung thư lên con người thì chỉ có cách là đem tiêm hoặc ghép những mảnh ung thư lên cơ thể. Tuy nhiên, theo bác sĩ Southam, người Mỹ, không phải ghép vào ai cũng được và khi nào ghép cũng thành công vì trong cơ thể có nhiều hóa chất, đặc biệt là chất prôperdin, làm quân tự vệ đánh đuổi ung thư ở ngoài vào. Thật vậy nhiều nhà bác học khác như Louis Pillemer, Cornelius Packard Rhoads, cũng chứng minh sức chịu đỡ của con người chống ung thư tỷ lệ với số lượng chất prôperdin chứa trong cơ thể. Chất prôperdin là một loại prôtêin trong máu tìm ra được năm 1954 tại viện bệnh lý học Cleveland.

Một giả thuyết khác về nguyên do bệnh ung thư là tính chất ngẫu biến của tế bào, nghĩa là tế bào tự nhiên thay hình đổi dạng và hình dạng mới tiếp tục di truyền cho những thế hệ sau. Nhà mổ xẻ Anh Lockhart-Mumery còn cho là hai ngẫu biến

đã tiếp tục nhau : ngẫu biến thứ nhất gây ra sùng phù nhẹ, ngẫu biến thứ nhì biến sùng phù ra thành ung thư. Ngẫu biến có thể là tự nhiên sinh ra hay do những bức xạ gây nên. Một bác sĩ gốc Trung-hoa, Shihman Chang, đã gây được ngẫu biến bằng cách lấy mất chất đường ở máu ra. Khác, nhà sinh vật học George Beadle và nhà hóa học Eduard Tatum, cả hai đều là người Mỹ và được giải Nobel y học năm 1958, chứng minh một hiện tượng hóa học cũng có thể gây nên ngẫu biến.

Sau cùng, theo nhà sinh vật học Đức, Otto Heinrich Warburg, được giải Nobel y học năm 1931, thì nguyên do của chứng bệnh là thiếu dưỡng khí. Tế bào bị đầu độc : nhiều tế bào chết, các tế bào khác còn lại, vì thiếu dưỡng khí tức năng lượng, dùng phương pháp lên men để sống nhưng lúc ấy hết còn sống bình thường như trước. Đây là căn bản bệnh ung thư. Có nhiều nhà bác học cho rằng thiếu dưỡng khí là vì sự tiêu thụ vitamin bị thay đổi mà ai cũng biết các chất vitamin quan trọng

cho cơ thể biết đường nào ; cũng nhờ các chất vitamin mà đã ăn có thể đưa năng lượng vào tế bào. Trong các chất vitamin, có lẽ hai chất vitamin C và A là cần yếu nhất.

Nói tóm lại, trong các thuyết đã được đưa ra chưa một thuyết nào giảng được cơ chế tế bào đang lành mạnh trở nên thành bệnh. Cuộc thay đổi biến chuyển ra sao người ta cũng chưa rõ. Nhưng khoan vội bi quan, Khoa học đang tiến và cùn tiến nhiều.

● MỘT NGÀY GẦN ĐÂY KHOA HỌC SẼ THẮNG UNG THƯ

Từ 20 năm nay, y học đạt hành công trong biết bao lĩnh vực : các trùng streptococ, staphylococ bị penixilin triệt hạ ; bệnh ho lao đầu hàng trước thuốc streptomixin, P. A. S., isôniazit,... bệnh sốt thương hàn thụt lùi trước thuốc cloromixêtin, cortidôn và nhiều thuốc kháng sinh khác .. Chúng bại liệt con trẻ nguy hiểm biết bao chừng cũng đang thất thế trước các thuốc tiêm. Vậy thì đối với ung thư, người ta

cũng nghĩ ngay đến các loại thuốc đề tiêu trừ. Theo hai nhà bác học Pháp, ông và bà Pullman, trong số 30.000 hóa chất đã được đem thử, độ 2-3 trăm chất có ít nhiều hoạt động chống ung thư, nhưng khoảng độ 20 chất xứng được đem khảo cứu thêm. Ở bên Mỹ hiện nay hằng năm độ 50.000 chất được đem thử và khoảng vài chục chất được giữ lại đem đi thí nghiệm. Nhưng đến nay chưa một chất nào chữa lành bệnh. Hội nghị chống ung thư ở Berlin năm 1959 tuyên bố không thể chữa ung thư với chất thuốc. Ngay cả những chất thuốc kháng sinh mạnh liệt trong vụ chữa các bệnh khác cũng trở thành vô dụng.

Nguồn diệt ung thư thứ nhì là các bức xạ như quang tuyến X hay các bức xạ chất radium. Các bức xạ thật hiệu nghiệm để chữa ung thư ở da, lưỡi, môi,... nhưng rất khó dùng nhất là khi ung thư nằm ở trong cơ thể, vì các bức xạ cũng có thể giết chết các tổ chức lành mạnh ở kế bên. Các bức xạ của chất radium mạnh hơn quang tuyến X nhưng lại rất đắt và rất độc. Gần đây các chất

phóng xạ rẻ tiền hơn cũng đã được dùng : bore, photpho, iôt,... và nhất là cobalt.

Hiện nay các nhà bác học Roskine và Khonieva cũng đang tiến hành trong một phương pháp diệt ung thư khác : các ông cho tiêm vào sùng phù một loại ký sinh có nhiệm vụ chỉ tiêu diệt các tế bào hư hỏng. Thí nghiệm đến nay chưa được hoàn hảo vì hễ ngừng tiêm thì sùng phù lại hiện ra. Theo bác-sĩ Samuel Graff thì nên chữa ung thư theo xác lý : tế bào thiếu dưỡng khí nên thành hư, vậy chỉ nên cho dưỡng khí nhiều vào thì bệnh ắt lành. Nhiều nhà bác học như bác sĩ Kidder thì lại đề nghị một phương pháp khác dựa trên căn bản lừa phỉnh tế bào : họ cho vào sùng phù những chất tương tự với hóa chất mà tế bào cần dùng ; từ đấy tế bào bệnh sẽ sản xuất ra những tế bào khác hết còn hư hỏng nữa. Các chất này gọi là các phản biến thể. Thí nghiệm trên chuột đã đem lại kết quả mỹ mãn nhưng trên người thì chưa thành công. Sau cùng cũng nên nhắc qua phương pháp dùng bức xạ để cho tiết kích thích tổ.

Phương pháp này đã đạt được ít nhiều kết quả làm dừng chậm tiến ung thư ở vú.

Phương pháp đề nghị để chữa bệnh ung thư nhiều vô kể. Thuốc men chế ra cũng nhiều vô chừng nhưng chưa có một loại nào có thể tiết trừ chứng bệnh ghê gớm kia. Trong lúc chờ đợi tương cũng nên đề ý tới vấn đề phòng bị. Lẽ tất nhiên nên tránh các hóa chất dễ nguy hiểm. Về mặt nhiệt độ không có gì rõ ràng nhưng người ta thấy những người hay ăn nóng dễ bị bệnh. Phải coi chừng những loại súc vật chăn nuôi được cho ăn các thuốc kháng sinh hoặc kích thích tố để được chóng lớn. Phải coi chừng các thứ khoai được chiếu quang tuyến để dễ tích trữ. Ngoài ra nhiều chi tiết đặc biệt nên biết : ánh nắng mặt trời quá độ có thể nguy hiểm cho da thịt ; những nốt ruồi, mụn sẹo nên đề ý chớ cắt nặn. Thầy thuốc thường khuyên nên sống điều hòa, tránh tất cả những gì thái quá có thể làm mệt yếu cơ thể. Một điều đáng ngại cho chúng ta là bệnh ung thư lúc phát sinh không làm cho người đau đớn hay nổi sốt

như các cơn bệnh khác. Chỉ có soi điện hay cắt một mảnh thịt đưa ra quan sát thì mới biết được. Gần đây, nhiều phương pháp mới cũng được sáng chế ra : thử nước tiểu, thử máu,... Ở bên Mỹ có một máy điện tử chỉ cần một phút là cho biết mảnh thịt quan sát có mắc bệnh hay không. Khoa học đã tiến nhiều nhưng còn phải tiến nữa mới hồng hạ ung-thư. Bên

phần dân chúng cũng phải hợp lực, có bồn phạt đi thầy thuốc khám ngay nếu thấy có gì bất thường : biết bao bệnh nhân không chữa được vì đã quá chậm !

Một con số đáng được khuyến khích : hiện nay Khoa-học đã có thể cứu được 40% bệnh nhân ung-thư !

VÕ-QUANG-YẾN



★ BÀN GIAO

Các nhân viên nhà-đền đi thăm tiền đề, thăm nước thường phụ trách mỗi người một khu vực và họ rất quen thuộc với khu-vực ấy, nhà nào có chó dữ hay người chủ-nhà tánh tình như thế nào, họ đều biết rõ.

Mỗi lần họ nhai đời qua khu vực khác, thường ghi những đặc điểm của khu vực mình đi « bàn giao » lại cho đồng-nghịệp thay thế.

Một nhân viên vừa được dời qua nơi khác, đã ghi lại những đặc điểm của khu vực mình đi « bàn giao » lại cho người thay thế như sau :

— Nhà số X... đường Y .. chó rất dữ mà hiền, bà chủ có vẻ hiền mà rất dữ.

chiều nghĩa trang

Bên mồ chị, ghen ngào em khóc
Đôi hàng mi u-uất nhớ thương
Ngàn năm hai cõi nhớ thương !
Chị em cách biệt — Ôi buồn làm sao !
Nỗi đau khổ — lệ trào khoe mắt
Em cúi đầu, gục mặt oán than.
Trách ai ? — Thần chết hung tàn
Cướp người yêu mến của đàn em thơ.
Mùa thu đến bơ vơ sầu thảm
Đám mây chiều ảm đạm thê lương.
Phương tây ngã bóng tà dương
Nghĩa trang quạnh vắng, hoàng hôn trở về.
Hàng thông đứng ủ ê xóa tóc
Gió thu đưa tiếng khóc nỉ non.
Của người em gái cô-đơn
Ngồi bên mồ chị khóc thương mỗi chiều.
Đêm buồn nhẹ, cô liêu buồn bã
Quanh em đều nhuộm cả tóc tang
Gió lùa mái tóc mơn man
Em thơ gục thiếp, ôm choàng mồ xanh.
Em mơ thấy đêm trăng mờ tỏ
Chị diu em dưới ngõ đầy hoa.
Em reo : Hoa đẹp, ôi chà
Chị ơi ! Hãy hái đóa hoa màu hồng.
Nhưng mà chị khóc rờn chẳng nói
Em sững-sờ, lay gọi : Chị ơi !
Vừa em tỉnh giấc bồi hồi,
Hương tàn gần hết, sương rơi lạnh-lùng...

★ NGỌC-LAM-HUYỀN

chiều sáng trong
giới nữ lưu
phương Đông
nói chung và
người phụ nữ
Việt - Nam nói
riêng. Đó chính
là trường hợp
cụ Bà Phan-Bội-
Châu vậy.

**«Mày nên biết, nếu không có mẹ mày,
thời chỉ của cha mày đã hư hỏng
những bao giờ kia»**
(Lời cụ Phan-Bội-Châu gởi con)

Cụ Bà húy là Huyền, họ
Thái, người thôn Đức-nâm,
làng Diên-lân, huyện Nam-đan,
tỉnh Nghệ-an. Thân phụ là
cụ Thái-văn-Giai, cùng với
thận sinh cụ Phan vốn là chỗ
bạn học. Cứ như lời cụ Phan,
trong bức thư gởi cho con,
thì cụ Bà lớn hơn cụ Phan
một tuổi, tức sinh nhằm
khoảng năm Bình-dân (1866).

Con nhà nho phong, đạo
đức làm nền, Cụ Bà được
thân phụ đính duyên cho từ
buổi mới lên một. Mãi tới
năm 23 tuổi, cái tuổi chín chắn
của một người con gái đã hiểu
thế nào là bổn-phận dâu thảo,
vợ hiền, cụ Bà mới về làm
dâu nhà họ Phan.

Lúc bấy giờ thân mẫu cụ
Phan mất đã được tám năm.
Nhà chỉ còn cha chồng già yếu
và người em gái bé bỏng. Cụ

Phan ngồi dạy học, phương
xa, quanh năm vắng nhà, bao
nhiều việc gia đình đều trông
cậy vào một tay cụ Bà cả.
Gạo trong nhà thường không
chứa quá hai ngày, lại thêm
món thuốc thang cho cha
chồng, cái gánh nặng ấy cụ
Bà chỉ nhờ vào đôi quang gánh
sớm chiều trong suốt mười
năm dư. Thế nhưng « không
một sắc buồn, không một tiếng
giận ».

Ấy là chưa nói đến cái tính
hiếu khách, hào phóng của
chồng. Thường khi từ trường
quán trở về, cụ Phan tất mang
theo năm mười người khách,
những lúc ấy, cái ăn cái uống
nhất thiết cũng do tay cụ Bà lo
toan. Mà có đồng lương đồng
bổng gì cho cam, theo lời cụ
Phan kể lại con, cụ Bà chưa
từng mớ đến một xu của chồng.

CỤ BÀ PHAN BỘI CHÂU

★ THIÊN-SINH

CHIẾU chí chồng là khó,
giúp chồng làm nên chí-sĩ
càng khó nhiều hơn (1);
nhượng chồng cho một người
đàn bà khác mà cơm vẫn lành,
canh vẫn ngọt lại càng khó
bội phần. Phi một người đàn
bà có đức độ hơn người, một
nền giáo dục khuôn phép
(theo lễ giáo xưa), không thể
có được những hành vi cao
cả như vậy.

Hơn thế, người đàn bà ấy,
chịu cảnh chán đơn gỏi chiếc

trải ngoài 20 năm để chồng
theo đuổi chí hướng, cho đến
ngày nằm xuống, vẫn một
mức trầm lặng, cái trầm lặng
ẩn chứa đầy sự hy-sinh xả kỷ.

Dù mất đi trong âm-thâm,
cô quạnh; nhưng tâm gương
trong của người đàn bà ấy còn

(1) Trích câu đối của Hoàng-
Đức-Trạch diếu cụ Bà Phan-Bội-
Châu :

« Thừa phụ chí nan, thành kỳ
phu vị chí-sĩ thả vu nãa.

Năm 34 tuổi, cụ Phan thi đỗ Giải-nguyên. Với ai khác đã toan mơ tưởng đèn cảnh võng trước kiệu sau, trái lại cụ Bà rất thấu hiểu chí hướng của chồng : cụ Phan sở dĩ cô giựt cho được cái Giải nguyên là không ngoài mục đích mượn cái lót khoa danh ấy để tiện tiếp xúc với sĩ phu trong nước. Chí mưu quốc của cụ Phan nhen nhúm từ ngày còn nhỏ thôi, song chưa có dịp thi thỏ được cũng vì hai lẽ : nhà còn có cha già luôn năm đau yếu. em dại, lại thêm cụ là con độc đinh, chưa có một chút trai nào để nối dõi tông môn.

Ngắm hiểu được ý đó, cụ Bà vui lòng đứng ra cưới cho cụ Phan một người vợ lẽ để rồi đêm đêm lui ra ngoài, nhường sự êm-âm gởi chẵn cho ai kia. Nếu không phải một người đàn bà cao-thượng, chịu quên mình hầu đem lại hạnh phúc cho bao kẻ khác, đâu dễ có hành vi cao cả như thế ?

Chẳng những thế thôi, cụ Bà còn coi người thứ thế này hơn em ruột, chiều hôm

ôm-ấp đùm bọc đưa con của em như thế con của mình. Điều ấy khiến cha chồng sung-sướng khôn xiết. Trước giờ phút lâm chung, người cho gọi cụ Bà đến bên giường và căn dặn cùng cụ Phan : « Ta chết rồi, mấy phải hết sức dạy cháu ta, và hết sức thương yêu vợ mấy. Vợ mấy thờ ta rất hiếu, chắc trời cũng làm phúc cho nó ».

Từ năm cụ Phan 36 tuổi cho tới ngày xuất dương, tâm thân rày đây mai đó, kết giao bạn đồng tâm đồng chí, mưu việc lớn. Nhất cử nhất động của chồng, cụ Bà đều ngầm biết tất cả, song một mực kín nhem. Chỉ có một lần kia, nhân thầy chồng ngồi một mình, cụ Bà dựa cột khẽ thốt : « Thấy toan bắt cộ đó mà ? Con chưa thấy bắt, người ta đã biết nhiều, sao thế ? »

Quả có vậy, người ta đã biết nhiều đến chồng cụ Bà và hơn thế, người ta còn tìm cách hạ cánh chim Bàng ấy cho bằng được. Từ đây cụ Phan phải bốn ba hải-ngoại, để lại bao nhiêu bôn phận cho cụ Bà :

*Ngọt bùi thiệp đa hiếu nam
Dạy con đèn sách, thiệp làm
phụ thân (CPN)*

Ngán ấy đã thôi đâu, cụ Bà, bà Hai và các con còn phải chịu bao cơn thịnh nộ, sầm sét của nhà đương cuộc mỗi khi có một biến động nào xảy ra.

Trong hơn hai mươi năm trời dấn vật, ngậm đắng nuốt cay như thế, cụ Bà vẫn kiên gan chông đỡ với ngoại cảnh cùng sinh kẻ gia đình để cụ Phan được rảnh tay lo việc nước. Mỗi người cách biệt một phương trời, âm tín không thông, còn mặt không rõ ; ấy thế mà ngày cụ Phan bị bắt về nước, gặp nhau tại thành tỉnh Nghệ hơn nửa tiếng đồng hồ, cụ Bà chỉ thốt vồn vện có một câu : « Vợ chồng ly biệt nhau hơn hai mươi năm, nay được một lần gặp mặt Thấy, trong lòng tôi đã mãn túc rồi. Từ đây trở về sau, chỉ trông mong cho Thấy giữ được lòng xưa, Thấy làm những việc gì mặc Thấy, Thấy đừng phiền nghĩ tới vợ con ».

Ơi ! Lời nói cao cả ấy, cho đến ngày sắp cái quan, cụ Phan vẫn ghi chặt trong tâm khảm để rồi viết nên bức thư thông-thiệp gởi các con, kể công lao một bậc hiền phụ.

Cụ Bà mất ngày mùng một tháng tư năm Bính-tý, tức 21-5-1936, sau cơn trọng bệnh, hưởng thọ 70 tuổi. Cho đến giờ phút cuối cùng này, cụ Bà vẫn lặng tiếng im hơi, không để các con báo cụ Phan biết.

Tuy nhiên cụ Phan đã biết và không những thế, cả quốc dân đều lay làm bùi ngùi, thương tiếc khi hay tin người thiều phụ Nam-đàn ấy từ biệt cõi đời. Bảy mươi năm, một đời người, « vợ chồng « thật » gần năm mươi năm mà quan quả « già » đã gần bốn mươi năm; sống, chẳng mấy hồi tương tụ, chết, lại chỉ tin tức nghe hơi » (1).

(1) Những đoạn có đóng dấu ngoặc kép «...» đều trích trong bức thư của cụ Phan gởi con đăng trên báo TIẾNG DÂN số 918 ngày 4-6-36 của cụ Huỳnh-Thúc Kháng.

Công luận phẩm bình, không nói ai cũng rõ cảm tình quốc dân đối với cái chết của người hiền phụ thế nào rồi. Chỉ xin trích dẫn lời sau đây của thuật giả Thao-Trung-Lan, trong cuốn «Gương cự nữ giới — Bà Phan-Bội-Châu» (2) để làm kết luận cho bài nhỏ này: «Ở trong áo vải, chần nâu mà ẩn núp cái lòng trong sạch, cái tiết cao thượng, cái chí khẳng khái, tức cho rằng cái tên chí-sĩ của Phan-Bội-Châu có nửa phần của Bà ở trong ấy, cũng không phải là quá đáng».

★

Thi văn phúng điều cụ Bà có nhiều, chúng tôi xin trích một ít câu đối chữ Hán và quốc văn hầu Quý vị đồng lãm.

1.— Truy điệu cụ Bà Phan Sào-Nam

Chồng kẻ công lao với vợ con

Xem qua chừng hững cái tin buồn.

Sống lia đã tỏ lòng bằng tuyết,

Chết biệt còn vang tiếng nước non.

Đề nhớ đề thương trời đất
thọ

Có hình có họa xác phàm
suông (3)

Đời Bà đành chẳng điều
di hận,

Không hồ cùng ông dạ sắt
son.

NHƯ-SƠN (Gò-Công)

(Báo Công luận ngày 27-6-36)

2.— Câu đối bằng quốc văn

● Tinh cờ gặp khách năm châu, hơn ba mươi năm chồng có như không, cò đứng vững mới ghê, ngậm đắng nuốt cay tròn đạo mẹ.

Khen khéo giữ nền tứ đức, ngoài bảy chục tuổi sống đau hơn chết, thôi về mau cho khoẻ, đến công giả nợ nặng vai con.

SÀO-NAM

● Nghe nói bà gian truân hiền phụ, chồng vắng nhà lo

(2) Imprimerie TIẾNG DÂN, Huế.

(3) Câu này nguyên tác làm vận «chung» xuất vận, thuật giả Thảo Trung-Lan chữa lại là «suông».

tính vẹn trăm đường; nhà còn tề, chống hân còn tề, dâu bề cuộc tàn, vui đất ngàn thu khôn nát ngọc.

Nhấn hồi ông thất bại anh hùng, vợ với nước thương yêu cùng một mối, nước như rửa, vợ nay như rửa, non sông khí uất, đập trời một tiếng muốn quăng gươm.

SIÊU-TÙNG

● Dầu thơm Trưng-Nữ, mệnh-mông mặt nước hồ Tây, lũ Rồng Tiên sa sút trăm chiều trai có ra gì chưa nói gái.

Giọng hát Trang-Chu, phàng-phật bên thuyền bên Ngự, nợ sông núi nặng nề lắm nỗi, bà không ròn lại để giùm ông.

NGUYỄN-ĐÌNH-KIÊN

● Dưới vì nhà, trên vì nước, cụ vội bỏ đi đâu trông vơi bồn mặt mệnh-mông, tát bên vãn nhờ lòng vợ thuận.

Con khóc mẹ, cháu khóc bà, tôi không buồn sao đáng! bầm ruột năm canh tức tôi, đời trời còn nặng mỗi thù chung.

ĐẶNG-THÁI-THỤ

3.— Câu đối chữ Hán

● Tráp niên dư cảm sát bất tương vãn, thế phong cò vũ, chỉ ảnh vi phu, như hướng sản nhi huy nhiệt lệ.

Cửu tuyền hạ thân bằng như kiến vãn, điển hải di sơn, hữu thủy tương bá, thiên xai lão hán bà không quyền.

SÀO-NAM

Cụ Minh-Viên Huỳnh-thúc-Kháng dịch:

Ba mươi năm cảm sát khéo xa nhau, mưa sầu gió thảm, chỉ bóng làm chồng, ngồi ngó trẻ còn rơi lệ nóng.

Dưới chín suối thân bằng như hỏi đến, lấp biển đời non, nào ai giúp bác, chỉ lựa mình lão múa tay không.

● Từ gia vãn lý, túy kiên tử do cam, ngũ dạ vãn kê, đãi đán chăm biên qua đục vũ.

Qui quốc thập niên, sanh ly tình cánh khổ, nhưt thanh biệt hạc, vọng phu sơn thượng thạch trường bi.

ĐÀO-DUY-ANH
TÔN-QUANG-PHIỆT

Cụ M. V. dịch :

Từ nhà m ôn dậm, rượu túy
kiến (4) đơng nồng, gà gáy
năm canh, bên gối chống gươm
ngồi đợi sáng.

Về nước mười năm, cảnh
sanh ly càng khổ, hạc kêu một
tiếng, đầu non hóa đá (5) tạc
nên bia.

● Phân loan chiết phụng,
vương tôn quy bất quy, kinh
trập niên cần khuông kiếm cử,
tân khổ bị thường ; bán thể
bảo ly ưu, hải giác thiên nhai,
bệ nhục anh hùng khoan nội
cổ.

Viên hạc trùng sa, quốc hồn
tĩnh vị tĩnh, cạnh lưỡng địa
từ biệt sanh ly, phong trần
cực mục ; thồn ai vô tịnh thổ,
sơn thanh thủy bích, đoàn
viên hương hòa bỏ tha sanh.

MAI-ĐĂNG-ĐỆ

Cụ M.V. dịch :

Chia loan rẽ phụng, vương tôn về
chả về ? Ba mươi năm sớm
tần chiều tảo, tân khổ đủ mùi ;
góa chắt gánh đời lo, góc biên
chun trời hào kiệt khỏi phần nhà
cửa lụy.

Sâu cát vượn rừng, quốc hồn
tĩnh chử tĩnh ? Xót hai ngà
thác biệt sống lìa, phong trần
chán mắt ; nơi nào tìm đất sạch,
non xanh nước biếc, lửa hương
dành đợi kiếp sau bồ.

● Thừa phu chí nan, thành

kỳ phu vi chí sĩ thả vưu nan ;
thệ đồng tâm vi nhất phần tử
chỉ quốc dân, nội ngoại thù
đố, sơn trọng các phần kiên
bán đơm.

Từ tường lý khổ, sanh tiền
cửu bất tương kiên ung cánh
khổ ; ký phiên diện ư tam
thập niên chi đại biệt, can tỵ
sổ ngữ, thạch nhân đương hạ
lệ thiên hàng.

HOÀNG-BỨC-TRẠCH

Cụ M.V. dịch : Chiều chí
chồng là khổ, giúp chồng làm
nên chí sĩ càng khó nhiều hơn ;
thệ đồng lòng lo một phần tử
quốc dân, hai ngà trong ngoài,
núi nặng kê vai chia nửa gánh.

Chết lìa nhau vẫn đau, sống
không được gặp nhau lại đau
xấp mảy ; giáp nửa giờ sau ba
mươi năm cách mặt, mấy lời
gan phôi, đá sa giọt lệ nhỏ đời
hàng. (6)

THIỆN-SINH

(4) Điền nàng Tề-Khương dãi
rượu, giục công-tử Trùng-Nhĩ lên
đường lo việc nước.

(5) Tích Vọng phu thạch

(6) Tôn trọng tài liệu, người
viết xin trích dẫn nguyên văn
những câu đối này tên các tác
giả.

lá vàng

Lá vàng rụng bên thềm hoa vắng,
Lá nhẹ bay lẳng lẳng đến gần
Bên hoa lá sẽ ngả nằm
Ngủ yên một giấc ngàn năm lìa cảnh !
Lá vàng rụng bên giòng xanh biếc
Lá nhẹ bay từng chiếc... ngập ngừng...
Trôi theo nước cuốn xuôi giòng,
Về đâu ? Lá hơi non sông mịt mù...
Lá vàng rụng... hững hờ... lá rụng
Nhè nhẹ bay lơ lửng trên không,
Lá rơi xuống bãi cát vàng,
Vùi nông một nắm mồ hoang lạnh lùng
Lá vàng rụng xuống cùng mặt đất
Từ phương Nam phương Bắc Đông Tây,
Xuân về hoa lá đổi thay.
Chồi đâm, lộc nảy lại thay lá vàng.
Xuân về, hạ lại sang mấy chốc,
Rồi tới thu, đông, bắc lạnh lùng,
Lá vàng thôi lại đầy đồng,
Lộc non lại trổ ; nắng hồng : xuân sang !
Đời ta với lá vàng một kiếp
Xuân, hạ, thu, đông hết rồi thôi
Là xong, trọn một kiếp người,
Nắm mồ hoang sẽ lấp vùi tẩm thân !
Trăm năm lá rụng bao lần ? ?...

★ TÂM-TÌNH
(Sài-gòn)



Nhân có bài của cô Diệu-
Thuyền nói về Điều Thuốc trong
mục « Minh 01 » của một số
báo. Phở Thông gần đây, xin có
nơi tài liệu bổ-túc trên
phương-diện Khoa-học, về sự
tai-hại của Điều-Thuốc đối với
phụ-nữ.

● ĐÀN BÀ HÚT THUỐC NHIỀU,
SẼ KHÔNG SINH CON ĐƯỢC

TRONG Hội - nghị
Y-học vừa nhóm
ở Munich, giáo-
sư Bernhard de
Duisbourg thuyết-minh rằng :
« Đàn-bà hay hút thuốc mau
già hơn là đàn-bà không hút
thuốc ». Dưới đây là những kết-
quả khám-phá mới nhất về di-
hại của thuốc hút. Mỗi điều
thuốc có chứa 4 chất độc
ghe-gớm :

● Nicotine (nhựa) làm hại
cho thần-kinh-hệ.

● Oxyde de carbone, làm
giảm bớt dưỡng-khí trong
máu.

● Alcool méthylique, làm
cho mất mồi.

● Các chất có goudron,
thuận-tiện cho sự xuất phát
của ung-thư.

Giáo-sư Bernhard đã tìm
kiếm nhiều năm về ảnh-
hưởng của thuốc-hút tai-hại
cho phụ-nữ như thế nào.

ĐIỀU
THUỐC

Ông đưa ra những con số
kinh-khủng :

● 36.2% phụ-nữ hút
thuốc, bị sưng ở các tuyến
giáp-tràng (glande thyroïde)

Chỉ có 5,8% phụ-nữ không
hút thuốc bị chứng bệnh ấy.

● 65% phụ-nữ hút-thuốc
bị già trước 40 tuổi.

● Chỉ có 3,9% phụ nữ không
hút thuốc, bị trường hợp trên.

● 51% phụ - nữ ghiền
thuốc (mỗi ngày hút quá 20

điều) không sinh sản được.
Và lại mỗi khi người đàn bà
có thai mà hút thuốc, thì trái
tim của bào thai bị đập mạnh
và hại đến sự phát triển của
nó.

● 37% phụ-nữ có thai
nghén mà ghiền thuốc,
thường bị sảy thai.

Nội một năm 1961, ở Tây-
Đức, tổng cộng số thuốc hút
của dân chúng là 70 tỷ điều.
Nếu lấy 70 tỷ điều ấy (bể dài
độ 8 phân) mà ghép nối đầu
lại với nhau, thì thành ra 6
triệu ki-lô-mét, nghĩa là độ 15
lần khoảng cách từ Quả Đất
tên Mặt-Trăng.

Vậy các bạn thử tưởng-
tượng những tai-hại của thuốc
là kinh-khủng như thế nào
nhất là đối với phụ-nữ của
chúng ta.

★ CHRISTA ABEL

★ CHẬM TIẾN

Một cặp vợ chồng người ngoại quốc viếng một kỳ-quan lịch sử
tại một nước nhược tiểu ở Á-đông. Hai ông bà không ngớt khen ngợi
công trình vĩ-đại của những ngôi đền cao vòi vọi với những tảng đá
không lồ chồng chất nhau, những nét chạm trổ rất tinh vi, khéo léo.

Bà vợ chắc lười khen rằng :

— Ờ, cũng lạ thật mình nhỉ. Tại sao dân-tộc này lại làm được
những công trình vĩ-đại như thế này trong lúc mà vấn-đề giúp đỡ
các nước chậm tiến chưa có nhỉ ?



L. T. S. — Trong mục « Giang sơn Việt-Nam », chúng tôi đã đăng những bài khảo-cứu đầy đủ về địa-dư, lịch-sử, văn-hóa của các tỉnh Biên-Hòa, Hà-Tiên, An-Giang, Sóc-Trăng, Quảng-Nam... Hôm nay chúng tôi xin trình-bày về tỉnh Phú-Yên, và sẽ tiếp-tục nói đến các tỉnh Quảng-ngãi, Bình-định, v.v... Tài-liệu do bạn đọc ở các tỉnh gửi về, nên kèm theo tranh-ảnh về các thắng-cảnh địa-phương, hoặc các nơi có liên-quan đến Lịch-sử, Văn-học. Chúng tôi rất hoan-ngheh những tài-liệu đầy đủ và xác-thực.

P. T.

phú yên

★ NGUYỄN-ĐÌNH-TU

« Ba mặt núi vây quanh
Phương Đông trùng dương
xanh
Tuy-hòa, đồng ruộng lớn
Đôi Nhạn, tháp Chiêm-thành. »

BỒN câu thơ trên đây của thi-sĩ Lam - Giang đã cho chúng ta một ý-niệm tổng-quát về địa-thể tỉnh Phú-yên. Quả thế, Phú-yên là một tỉnh khá lớn và phong-phú ở về phía Nam Trung - Nguyên Trung-phần Việt-nam, giồng như một hình năm cạnh, phía Bắc giáp tỉnh Bình-định, phía

Tây giáp tỉnh Pleiku và tỉnh Darlac, phía Nam giáp tỉnh Khánh-hòa, phía Đông giáp biển Nam-hải. Hai đầu Bắc Nam có đèo cao nằm chắn ngang, tạo thành ranh giới thiên-nhiên, cách nhau 117 cây sò, nối liền ba tỉnh Bình-định, Phú-yên và Khánh-hòa như răng với lợi, tỉnh thẩm-thiết như trong một nhà. Cho nên :

Anh về Bình-định thăm cha,
Phú-yên thăm mẹ, Khánh-hòa
thăm em.

Nhưng vì đèo Cả phía trong quá cao và đường đi hiểm trở, nên sự liên-lạc giữa Bình-định và Phú-yên có phần chặt - chẽ hơn. Những chàng trai Bình-định đã vào đây lập gia-đình, và mỗi lần anh về thăm quê là mỗi lần đề vợ buồn nhớ không nguôi. Thành ra :

Anh về Bình-định chi lâu,
Chiều chiều em đứng hàng đầu
ngó chừng.

Hay :

Anh về Bình-định chi lâu,
Bỏ em kéo vải hái dâu một
mình.

Còn chàng khi ra đi, nàng

dặn-dò nhiều chuyện, bởi lâu ngày về thăm quê, chàng mừng vui với cảnh-trí nơi chôn nhau cắt rốn, hóa ra :

Anh đi, bầu rượu gởi nem,
Mừng vui quên hết lời em dặn-
dò.

Đền khi chàng trở lại, nàng hỏi quà kỷ-niệm đâu, chàng mới sức nhớ là đã quên mua cho vợ chiếc nón Gò-găng. Chàng chỉ còn cách xin lỗi và tiếp-nhận những lời trách-móc của nàng :

Anh về Bình-định ba ngày,
Cây mua chiếc nón là dây không
mua.

Tỉnh Phú-yên có một diện-tích ước độ 8.000 ngàn cây sò vuông. Cũng như hầu hết các tỉnh miền duyên-hải Trung-phần, tỉnh Phú-yên bị kẹt vào giữa một bên là dãy núi Trường sơn chạy thẳng từ Bắc vào Nam ; và một bên là biển Nam-hải, cho nên phần lớn diện-tích đều là núi rừng trùng-trùng điệp-điệp, hoặc cao-nguyên đất đỏ cây xanh.

Xét về địa-chất tỉnh Phú-yên, chúng ta có thể phân-biệt bốn loại đất như sau :

1) Đất phù-sa ở vùng châu-thỏ Tuy - hòa và Tuy - an. Nguyên vùng này xưa kia là biển, lâu ngày nước sông Bàn-thạch, sông Ba (thuộc Tuy-hòa, sông Cái (thuộc Tuy-an) mang đất phù-sa về bồi đắp mãi mà tạo thành. Loại đất này rất tốt, thích-hợp cho việc trồng lúa, các thứ hoa màu và lập vườn-tược. Từ ngày có đập Đồng-cam đem nước sông Ba về tưới khắp đồng ruộng bao-la, thì chất đất tại vùng Tuy-hòa lại thêm màu-mỡ, sức sản-xuất nông-sản tăng gấp bội, nên người ta thường hát:

*Tuy-hòa lắm lúa nhiều bông,
Em về đây kết nghĩa cho thông-
dong con người.*

2) Đất da-tây là một thứ đất đen như màu da con tây-ngu, ở vùng La-hai thuộc quận Đồng-xuân, vùng dinh-diễn Tuy-bình thuộc quận Phú-đức. Những vùng này xưa kia có lẽ là những đồng lầy, thung-lũng nhiều cỏ lác, cây lá, sau bị vùi xuống bùn mà thành ra thứ đất màu xám này, rất tốt, vừa dẻo vừa xốp, trồng hoa màu và cây kỹ-nghệ như bông, gai,

kénaff rất thích-hợp. Về mùa nắng, đất này bị nứt nẻ thành những đường rất lớn và dài.

3) — Đất cát pha ở vùng bờ biển Sông-cầu và một ít ở ven bờ biển Tuy-hòa, do những cơn nước và sóng gió từ ngoài biển mang cát tấp vào bờ mà tạo thành, đất này trồng dừa rất tốt. Du-khách đi từ đèo Cù-mông đến đèo Giốc-Găng sẽ thấy một rừng dừa mé biển. Thỏ nghi hợp với giống cây này đến nỗi quăng nghiêng quăng ngửa thề nào dừa cũng mọc được, cũng tươi tốt và trở bông sai trái. Quanh năm suốt tháng không khi nào vắng bóng dừa. Thi-sĩ Quách-Tân đã có hai câu thơ sau đây:

*Vườn dừa mé biển tung
đuôi phụng,
Rẫy bắp sườn non thẳng
cánh cò.*

4) — Đất đỏ ở vùng Cao-nguyên Sơn-hòa, Phú-đức và trên các sườn đồi núi, rải-rác quận nào cũng có. Đây là một thứ đất có pha nhiều tro của hòa-diêm-sơn, rất dẻo và mát, trồng cây kỹ-nghệ rất thích-hợp như thuốc lá, cà-phê, chè

(trà), kénaff, gai, cây sơn, cao-su, và các cây ăn trái như cam, thơm, mít, cau v.v... Đặc-biệt thuốc lá ở vùng này có tiếng là ngon, nên có câu:

*Thuốc nào ngon bằng thuốc
lá Lỗ-qui (1)
Nhơn cùng tắc biển phải đi
lượm tàn.*

Như trên đã nói, tỉnh Phú-yên dựa lưng vào dãy núi Trường-sơn, nằm theo thề cánh cung. Từ Bắc vào, vượt khỏi địa-phận tỉnh Bình-định, dãy núi cao vọt lên, nằm ngang theo thề hoành-sơn, sát bờ biển. Du-khách phải vượt qua cái đèo tên tuổi là đèo Cù-mông cao 245 thước. Lên tới đỉnh đèo, du-khách hãy đứng lại nhìn ra Bắc rồi lại nhìn vào Nam, để cảm thông nỗi khổ tâm của người dân Phú-yên ngày xưa mỗi khi phải vượt qua đèo này để ra Qui-nhơn, bên tai như còn văng vẳng tiếng thở-than của vợ chàng lính thú:

*Tiếng ai than khóc nữ-non,
Ấy vợ chú lính treo hòn Cù-
mông
Công tôi gánh gánh gồng
gồng
Trở ra theo chồng bấy bị còn ba.*

Dãy núi Cù-mông có những đỉnh khá cao, cây cối rậm-rạp, quanh năm phủ một màu xanh biếc, như núi Tườp - vùng (676m), núi Hòn Khô (690m), Hòn Kê (863m), núi Ông (529m), núi Hòn Ca (657m) v.v... Từ đó một mặt thề núi ăn lan dần dọc theo mé biển, chiếm hầu hết diện-tích quận Sông-cầu và quận Tuy-an vào tới núi Chập-chải ở gần thị-xã Tuy-hòa. Càng đi vào các ngọn núi càng thấp dần, thành những đồi/nhỏ nằm dọc theo Quốc-lộ số 1. Vì vậy, sau khi vượt khỏi đèo Cù-mông, du-khách còn phải tiếp-tục vượt qua đèo Tuy-luật thuộc thôn Tuy-luật xã Xuân-cánh, nằm bên sườn núi Yên-bao, tiếp đến là đèo Vạn-lương ở giữa xã Xuân-cánh và xã Xuân-phương là một cái đèo lịch-sử, vì xưa kia chúa Nguyễn - Ánh cho quân chuyên - vận lương - thực từ vịnh Xuân-đài băng qua vùng núi này để chắt xuống ghe thuyền ở vùng Phú-hội, chờ ra tiếp-tê cho quân lính đánh Tây-sơn ở Qui-nhơn. Mỗi lần qua đây, du-khách còn nghe văng-vẳng tiếng hò, điệu hát

(1) Lỗ-qui là một vùng thuộc xã Sơn-dịnh quận Sơn-hóa.

cửa hàng ngàn hàng vạn quân lính gánh nặng đè vai, chân giò từng bước.

Qua khỏi Sông-cầu, du-khách sẽ qua đèo Giốc-Găng, đường đi quanh-co, bên đường có nhiều hồ sâu, là đoạn đường nguy-hiêm, hay xảy ra tai-nạn lưu-thông, rồi đến đèo Giốc Quít ở giữa thôn Khoan-hậu và thôn Phương-lưu, đường thẳng, trên đỉnh đèo đối diện nhau có một ngôi chùa và một nhà thờ Công-giáo, cảnh-tr nơi đây khá ngoạn-mục. Qua khỏi Giốc Quít, tới Triều-son, du-khách muốn rẽ qua tay phải, theo tỉnh-lộ số 2 đi lên La-hai, phải qua đèo Cây Cưa, đường đi khúc-khuỷu quanh-co, chiêm hết hai phần ba quãng đường Triều-son — La hai, nếu thẳng đường Quốc-lộ số 1 đi vào, du-khách sẽ qua đèo Xuân-đài, tục gọi là Gành Đò, đường đèo nằm sát bờ biển. Trước kia có hai khẩu súng thần-công để tại đây, năm hướng đầu ra biển để bảo-vệ cho vịnh Xuân-đài, nên dân-chúng địa-phương mới hát:

Ngó ra ngoài đánh Xuân-đài,

Thấy hai ông Súng nằm dài giữa ruộng.

Tiếp đến là đèo Vườn Xoài ở thôn Cán-lượng xã An-dân. Tới đây vào dịp tháng năm âm-lịch, mời du-khách ghé lại chùa Đá Trắng thưởng-thức một vài quả xoài đặc-biệt, một thứ xoài ngon nhất Việt-nam. Chắc du-khách cũng đã từng nghe người ta hát:

*Rủ lên Đá Trắng ăn xoài,
Muốn ăn tương ngọt Thiên-thai
thiếu gì.*

Qua khỏi đèo Vườn Xoài, du-khách sẽ tới ngã ba Chí-thạnh là nơi mà đường xe lửa tạm chia tay người bạn đồng hành là Quốc-lộ số 1 để ôm-áp liên tỉnh-lộ số 6 chạy theo hướng Tây-Bắc qua La-hai. Phước-lãnh đề ra Văn-canh rồi gặp lại người bạn cũ tại Cầu Gành trên đường đi ra Bình-định. Từ Chí-thạnh đi La-hai bằng đường xe hơi, du-khách phải qua đèo Thị. Còn từ Chí-thạnh đi vào theo Quốc-lộ số 1, du-khách phải qua đèo Tam-giang, không cao lắm, rồi tới đèo Quán-Cau là nơi mà trước kia người ta

trồng cau hai bên đường rất nhiều thành những rừng cau, đến mùa cau tươi, khách tới mua bán đông như chợ. Có người lập quán bán nước trà và quả bánh, rồi khách bộ hành đi qua cũng ghé lại nghỉ chân, do đó mới có cái tên nôm-na « Quán Cau ». Vượt khỏi đèo này, tuy đường đi còn phải lên giốc xuống ghềnh nhưng không có đèo nào cao nữa, du-khách bắt đầu hết lo sợ phấp-phồng, thư-thái trong lòng để sửa-soạn tới Tuy-hòa nghỉ-ngơi.

Quảng đường đầy đèo, đầy giốc này, ngày nay nhờ có xe hơi, du-khách qua lại chỉ trong mấy tiếng đồng-hồ, ngồi trên đệm êm không chút mệt-nhọc, chỉ hơi lo bác tài trong giây phút thả hồn thơ bay bổng mây từng xanh, rồi thả luôn cả tay lái mà thôi. Chứ ngày xưa, tổ-tiên ta mỗi lần phải qua đây thì thật là vất-và. Hết lên đèo lại xuống giốc, trên vai mang nặng, đường đi gập-ghềnh, mồ-hôi ước-đắm, hai chân mỏi rũ mà vẫn không tới nơi. Những người giàu có, các tiểu-thư

công-tử con quan qua lại phải dùng cáng hoặc ngựa. Để tả cái cảnh ngựa cáng dừng-dừng đi qua các đèo, dân-chúng địa phương còn truyền miệng câu ca-dao sau đây:

*Chiều chiều mượn ngựa ông
Đô (2)*

*Mượn kiêu (3) chú lính đưa
cô tôi về.*

*Cô về chẳng lẽ về không.
Ngựa ô đi trước ngựa hồng
đi sau.*

*Ngựa ô đi đến Quán Cau,
Ngựa hồng dừng-dừng đi sau
Gò Diều.*

Mặt khác, về phía Tây, mạch núi chạy từ đèo Cù-mông vòng qua vùng Phước-lãnh, ăn lan khắp quận Đồng-xuân, vào đến Sơn-hòa, Phú-đức, núi non trùng-trùng điệp điệp, các ngọn núi sànsàn ngang nhau, không có ngọn nào cao chót-vót. Người ta thấy những đồi lau hoa nở trắng xóa một màu khi bắt đầu hiu-hắt gió thu, những đồng cỏ tranh bát-

(2) Đò-đốc.

(3) Cái yên ngựa.

ngát xào-xạc gió lửa, với đàn nai vàng ngơ-ngác nhìn trắng, những rừng le ò-lả có măng le mềm ngọt mà các bà nội-trợ thường tắm-bổ cho chống trong những bữa ăn gia-đình êm-âm. Miền này có nhiều vùng cao-nguyên rất phì-nhiều, dân-cư khá đông như vùng Vân-hòa (xã Sơn-long), Suối Mít (xã Sơn-định), Trà-kê (xã Sơn-hội) và 12 xã thuộc quận Phú-đức. Vùng này là nơi sinh sông của đồng-bào Thượng, nhưng cũng là nơi mà mỗi tỉnh Kinh Thượng đã ghi lại nhiều kỷ-niệm êm-đềm hay ngang trái. Chúng ta hãy nghe :

Khoai lang Suối Mít,

Đậu phụng Hòn Dung (4)

*Chàng đào thiếp một bỏ chung
một quì.*

Bởi đâu duyên nợ sứt-sùi ?

*Chàng giận chàng đá cái gùi
chàng đi.*

Chim kêu dưới núi Từ-bi (5)

*Nghĩa nhàn còn bỏ hương chi
cái gùi.*

Chạy vào tới xã Sơn-thành thuộc miền Tây-Nam quận Tuy-hòa, dãy núi một mặt vẫn đi thẳng vào Nam để bao

chiếm miền Tây tỉnh Khánh-hòa, một mặt ăn ngang ra tận bờ biển theo thê hoành sơn, với nhiều ngọn núi cao ngút-ngàn, cây cối rậm rạp, sườn núi nhiều đá và giốc, làm ranh giới thiên-nhiên cho hai tỉnh Phú-yên và Khánh-hòa. Tại vùng này có những ngọn núi tên tuổi như núi Lá (417m) là sào-huyệt của loài cọp, vì núi này nằm bên bờ sông Hinh, chỗ sông này nhiều cá, cọp ở đây thường đêm ra bắt cá ăn, vì vậy ở địa-phương có câu :

Cọp núi Lá,

Cá sông Hinh.

Núi Chúa (1010m) là nơi xưa kia tục truyền rằng, mỗi khi ở kinh thành có một vị vua chúa băng-hà, thì tại núi này tự-nhiên phát ra ba tiếng nổ lớn như sấm động, cho nên người ta mới gọi tên như

(4) Thuộc thôn An-nghiệp giáp Sơn-định và Xuân-phước. Nơi này trước kia đến mùa khoai dậu, thanh-niên kéo nhau từng đoàn đi dạo, đi hái.

(5) Ở gần đùm Ô-loan thuộc quận Tuy-án.

thê ; núi Hương tuy không cao (132m) nhưng cảnh-trí nơi đây đầy thơ mộng, dưới chân núi có bầu Hương nước ngập quanh năm, cá tôm đủ thứ, có chùa Hương vui tiếng mõ câu kinh, khách thập-phương tới lui không ngớt. Và điều đặc-biệt là phụ nữ vùng này rất đẹp, ăn nói có duyên và đa tình, cho nên người ta có câu :

Trai Ngũ-thạch, (6)

Gái bầu Hương ;

Núi Mặt-Cật (227m), Hòn Cháo (753m), Hòn Ông (1104m), Hòn Giu (1264m), núi Đá Chồng (604m). Nếu du-khách đi xe lửa ngoài vào khỏi ga Thạch-tuân hoặc đi xe hơi qua khỏi trạm kiểm-soát Bàn-nham, sẽ thấy bên tay phải núi Sa-Leo (334m), và núi Hóc-Năm (507m), núi Cầu-Sông Ván (253m), núi Đèo Cả (407m), về bên tay trái có núi Đá Bia (706m). tên chữ là Thạch-bi-sơn là hòn núi lịch-sử, nơi đây vào năm 1470, vua Lê Thánh-Tôn vào đánh Chiêm thành đã dừng quân lại khắc bia lên tảng đá trên núi để phân định ranh giới, rồi từ đó, núi Đá Bia đã trở nên đầu đê

ngâm vịnh của thi-nhân mỗi lần qua lại dưới chân núi. Cụ Phan-thanh-Giản đã vịnh một bài thơ bằng chữ Hán, dịch nghĩa như sau :

*Mảnh đá đầu non dựng
Tầng cao ngất một phương
Chia rẽ nêu cột Hán,
Đuổi giặc trú xe Dường.
Chữ triện mây lu rết,
Công thần sử dọi gương.
Chạm bia người đã vắng,
Hành - khách chạnh lòng
thương.*

VIỆT-NGÂM
(TRÍCH TIỂU-NG-DÂN)

Thi-sĩ Quách-Tân cũng có câu :

*Đá Bia tích cũ mây dù lấp,
Qua lại còn nghe khách
chuyện trò.*

Còn dân chúng địa-phương vì lâu ngày không hiểu rõ sự-tích, tưởng lầm là núi Vọng-phu, nên có câu hát phổ-biến khắp xóm làng :

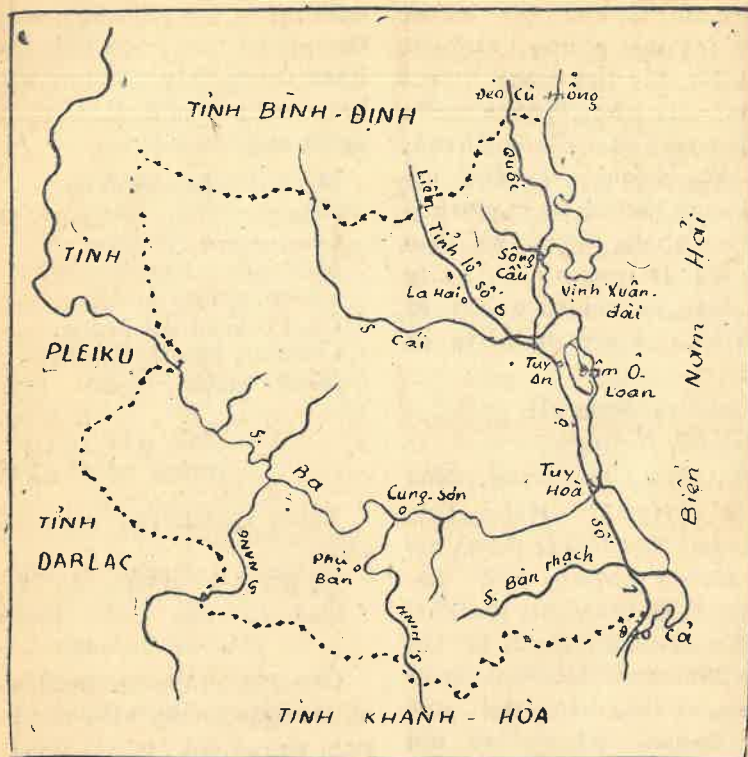
*Chiều chiều mây phủ Đá Bia,
Đá Bia mây phủ chị kia mất
chồng.*

*Mất chồng như nậu mất trâu
Chạy lên chạy xuống cái đầu
chôm-bôm.*

(6) Gồm Thạch-tuân, Thạch-châm, Thạch-lương, Bàn-nham, Bàn-Thạch.

BẢN-ĐỒ ĐỊA-THỂ TỈNH PHÚ-YÊN

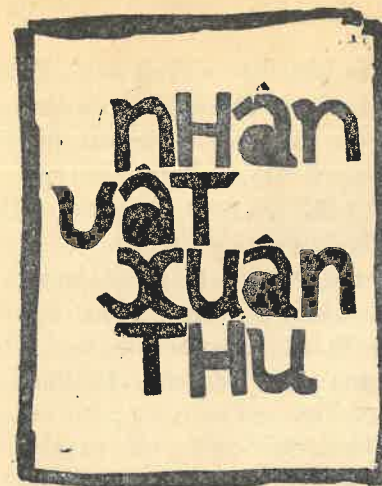
Tỷ-lệ: 1/1.000.000



Nằm sát biển có núi Hòn Bà (586m) mà người Pháp gọi là Cap Varella. Khi qua Hào-sơn, du-khách sẽ thấy một hồ nước trong xanh, rõ g non 10 mẫu tây; rai-rác đó đây một vài chiếc sông nan của ngư dân qua lại đánh cá, xa xa đàn cò trắng tìm mồi, điểm-xuyết cho bức tranh sơn-thủy thêm phần linh-động. Đó là biển hồ Hoà-sơn, nơi xưa kia chỉ là

một cái vũng nằm trong lòng biển cả, trải bao vật. đời sao đời, tang thương dâu bể, đất phù-sa sông Bàn-thạch bồi dần lên, bít mắt phía cửa thông ra biển, biển cái vùng này thành một cái hồ thiên-nhiên muôn đời, hàng năm nuôi sông trên trăm gia-đình dân-chúng quanh vùng.

(còn nữa)



NGUY - GIÁNG

★ THIẾU-SƠN

NƯỚC Tấn đương hồi thịnh. Tấn-Diệu-Công là một vị minh quân. Tướng, tá đều là những trang hào-khết.

Tuân-Tĩnh làm trung-quân nguyên-soái. Ngụy-Giáng làm quan Tư-mã để giám-sát ba quân.

Phần đông các nước chư-hầu đều thần phục, ngoại-trừ nước

Sở và nước Trịnh. Nước Trịnh ở giữa hai nước Sở và Tấn, khi theo Sở lúc theo Tấn. Theo Tấn thì nghịch với Sở. Theo Sở thì nghịch với Tấn. Tấn biết thế không diệt Sở được nhưng muốn chế ngự Sở để lôi kéo Trịnh về mình. Diệu-Công hỏi các quan đại-phu thì Tuân-Trinh hiến kế :

— Tấn chưa cố-kết được Trịnh là vì nước Sở cố sức tranh giành. Bây giờ muốn thu Trịnh về trước phải ức chế nước Sở, mà muốn ức chế thế lực nước Sở thì phải dùng sách lược « dĩ dật đại lao ».

Diệu-Công hỏi :

— « Dĩ dật đại lao » là nghĩa gì ?

Tuân-Trinh đáp :

— Quân lính không nên dùng đi đánh luôn, đánh luôn thì mỏi. Chư-hầu không nên hội-ước luôn, năng qua lại thời oán. Dùng kế mà ngự nước Sở để trong thì quân lính giải-đai, ngoài thì các nước ly-tâm, ắt nước Sở đi đánh phải thua, không trận nào hơn được. Tôi xin chia quân ra làm ba phiên mà đánh. Sở-quân tới thì quân ta lui. Sở quân lui thì quân ta tới. Sở đem toàn-lực mà ta có 3 phiên thay đổi. Sở không thể đếm quân

đánh hoài vì đường xá xa xôi. Trính không biết cầu-viện với ai thì chắc phải theo Tấn.

Điều-công khen kể hay rồi cho phép Tuân-Tĩnh ra Khúc-Lương chỉnh đốn quân ngũ.

Công-tử Dương-Can là em Điều-Công 19 tuổi, huyết-khí phương cường, chưa từng ra trận nhưng hăng-hái xin đi tiên-phong Tuân-Tĩnh nói:

— Ngày nay tôi lập kế chia quân là chỉ cầu mau tấn, mau thoái, không phải quyết đánh cho hơn, phân-phối phiên nào theo phiên nấy đã nhứt-định rồi. Tiều-tướng quân tuy mạnh nhưng chưa thiết-dụng.

Dương-Can ý-thể em vua khăng-khăng đòi xung quân cho được. Tuân-Tĩnh nể lời cho xung vào đạo Tân-quân ở phiên thứ ba. Dương-can đòi xung vào phiên thứ nhứt nhưng Tuân-Tĩnh không cho. Dương-Can bèn lập một bộ đội riêng dần ở sau đạo thượng-quân. Vừa lúc đó quan Tư-Mã Ngụy-Giáng phụng tướng mạng đi tới đề chỉnh-túc quân-hàng thấy Dương-Can dần trận lối phép bèn giục trống ra lệnh cáo ở trong quân rằng:

— Dương-Can cố ý vi-lịnh,

loạn hết thứ-tự trong quân. Cứ luận theo quân-pháp thì tội đáng chém. Nhưng nghĩ tới cái tình thân-đệ của Chúa-công thì nên đem một bộ-ngự thể mạng đề nghiêm quân-chánh.

Nói rồi Ngụy-Giáng liền khiến quân-hiệu bắt chém người ngự xe lấy đầu treo làm lịnh. Sau đó trong quân mới chỉnh-tề nhứt-luật. Dương-Can vừa sợ-hãi vừa xấu-hổ liền xuống xe ra khỏi quân-dinh, chạy thẳng vào trước mặt Điều-Công vừa khóc vừa thưa:

— Ngụy-Giáng có lòng khí-phụ, làm đến quá chừng, tôi không còn mặt mũi nào mà thấy chư-tướng được nữa.

Điều-Công chưa tường có-sự chỉ vì một lòng thương em nên nghe nói thì nổi giận mà rằng:

— Ngụy-Giáng làm nhục em ta cũng như làm nhục ta, tôi ấy đáng giết.

Rồi ông truyền đòi Trung-quân Úy-phó là Dương-Thiệt-Chức qua bắt Ngụy-Giáng.

Dương-Thiệt-Chức vào cung thưa rằng:

— Ngụy-Giáng là người chí-tiết có việc không từ-nan, có tội

không tị-hình, sau khi rồi việc quân chắc thể nào cũng tới tạ-tội. Tôi khỏi phải qua đòi.

Nói vừa rồi thì thấy Ngụy-Giáng đến, tay hữu mang gươm, tay tả cầm thơ sắp vào triều đề-chu tội. Mới tới ngọ-môn nghe tin Điều-Công muốn cho người đi bắt Ngụy-Giáng liền trao thơ cho gia-bộc đem vào dâng vua còn mình thì liều quyết một lưỡi gươm thí mạng. Vừa lúc đó có hai quan đại-phu nhảy tới đoạt gươm mà nói rằng.

— Anh em tôi nghe Tư-Mã vào triều chắc là vì việc Dương Công-Tử nên chạy mau tới đây muốn hiệp nhau mà tâu cho Chúa-công rõ. Không biết Tư-Mã vì có gì mà lại khinh sanh như vậy?

Ngụy-Giáng mới nói đến cái ý Tấn-hầu sai Dương-Thiệt-Chức bắt mình đề hồi tội.

Hai người bèn nói:

— Tư-Mã theo công-pháp không luận tư-tình can chi mà liều mình tự-sát. Việc này không cần sai gia-bộc dâng thư. Anh em tôi xin thể cho Tư-Mã mà trần tấu.

Rồi ba người cùng đi đến cung-môn Hai quan đại-phu vào

trước xin yết-kiến Điều-Công và trình thư Ngụy-Giáng.

Thư rằng:

«Chúa - công tướng đến phận hèn cho tôi làm chức Tư-Mã. Tôi có nghe mang bả quân tại tay Nguyên-Soái, mà quyền nguyên-soái giữ được phép công. Tôi giết người vi lịnh là cũng muốn làm cho hết trách-nhiệm, vẫn biết là động cật đến hoàng-đệ thì đắc tội với quân-vương, tôi xin liều mình với một lưỡi gươm, cái nghĩa thân-thần gọi chút tỏ lòng quân-thượng».

Nghe lời trần tấu và đọc xong bức thư, Điều-Công liền đứng dậy, không kịp mang giày, đi bộ ra cung-môn nắm tay Ngụy-Giáng mà nói rằng:

— Lời ta nói là vị tình anh em. Việc nhà người là làm theo quân pháp. Em ta không biết nên phạm phải quân hình, ấy là lỗi tại ta, nhà người không có tội chi. Thôi người cứ về lo bôn-phận.

Dương-thiệt-Chức đứng một bên nói lớn lên rằng: «Chúa-Công đã tha là vô-tội thì cứ xin lui.» Ngụy-Giáng mới cúi đầu

tạ ơn và lui ra. Dương-thiết-Chức và các vị đại-phu đều xưng hạ.

— Chúa - Công được một người tôi biết phụng pháp như thế này lo gì nghiệp bá không nên.

Diệu-Công trở về nội-cung mắng Dương-Can cho là một người không biết lễ-phép, lại sai nội-thị đưa Dương-Can qua nhà Công - tộc đại-phu Hàn-vô-Ky học lễ ba tháng mới cho vào yết-kiến.

Dùng chiến-thuật « Lấy khỏe chờ mệt » quả nhiên Tuân-Tĩnh đã làm cho quân Sở thối chí buộc lòng phải buông tha cho nước Trịnh ngã về phe Tấn. Sau khi đã ký hòa ước Diệu-Công còn nói với Trịnh-hầu rằng :

— Ta biết Trịnh phải nhiều phen bị bức hiếp nên cũng muốn đề nghị-ngôi. Từ nay về sau, muốn theo nước nào tùy-ý chớ ta không ép.

Trịnh-hầu cảm-kích trong lòng nên đã đáp lại như sau :

— Bá-quân có thành-tâm, dẫu chim muông còn biết cảm-kích nữa là tôi, có lòng nào mà

quên ơn được.

Trịnh-hầu làm lễ tạ ơn vua Tấn gồm có 3 nhạc sư, 16 người nữ-nhạc, 30 người con gái biết thêu dệt, 32 cái máy hát và 100 cỗ xe Diệu-Công nhận rồi cho Ngụy-Giáng 12 máy hát, 8 người con hát và cho Tuân-Tĩnh 1 phần 3 quân-xa. Hai người cúi đầu xin từ nhưng Vua Tấn cố ép và nói rằng : « Ta được thế này là cũng nhờ có hai tướng ».



Nhưng chỉ một chút xíu nữa là ông đã nghe em mà giết chết một tướng ngay từ lúc chưa ra quân. Nền Ngụy-Giáng chết thì Tuân-Tĩnh chắc không thể nào chinh-dồn quân-ngũ được vì quân-pháp bị thủ-tiêu thì cũng chẳng làm sao giữ nổi được quân phong, quân kỷ và hiệu lệnh của nguyên-soái !

Diệu-Công là một đấng anh quân mà còn đề cho tư-tình chi phối. Nếu ông là một hôn quân hay chỉ là một ông vua tầm thường như những ông vua khác thì mười mạng Ngụy-Giang cũng đi đời.

Chiếc ngai vàng là nơi trú-ân của tư-tình còn dục-vọng. Quyền

thần còn dựa hơi vua mà tự trung, tự-tác hướng chi người trong thân-tộc của nhà vua. Anh-minh như Diệu-Công mà còn nói được rằng : « *Ngụy-Giáng làm nhục em ta cũng như làm nhục ta. Tội ấy đáng giết* ». Lúc đó ông hoàn-toàn đề tư-tình chi phối, ông không thể vô-tư được. Phải vô-tư mới đủ sáng suốt mà suy-nghĩ một cách công-bằng. Ngụy-Giáng biết nó là em ta sao nó dám vô lễ ? Hay là em ta có làm việc gì quấy ? Vậy phải điều tra cho minh-bạch rồi mới quyết-định sau.

Nhưng quá thương em lòng ông đã thiên-lệch và cái tâm-trạng đó đã gây ra bao nhiêu thảm-trạng giữa loài người. Ở một người có quyền thế và nhút là ở một ông vua thì tâm trạng đó là tâm trạng kẻ sát nhơn.

« *Tội ấy đáng giết* » và chỉ một chút xíu nữa là ông đã giết oan một-trung-thần, một lương-tướng.

Nhưng ông hơn người ở chỗ ông biết dùng người hiền, biết nghe lời phải, biết phục thiện và sửa sai một cách công bình và thiết-yếu.

Ngụy-Giáng giữ chức Tư-mã đã làm hết bổn phận nhưng lại gặp một trở-lực hết sức lớn lao là phải thi-hành kỷ-luật đối với em ruột của nhà vua. Theo quân luật thì tội Dương-Can đáng chém đầu. Nhưng ông còn nể mặt nhà vua nên bắt người ngự xe phải thế mạng.

Theo thời-đại lúc đó thì việc ông làm không có chỗ nào đáng trách vì kết-quả là làm cho kẻ phạm pháp thất-kinh hồn vía hết dám ngông nghinh, làm cho ba quân nghiêm cần mà giữ gìn kỷ luật.

Nhưng còn anh ngự xe bị giết một cách oan uổng thì chẳng ai hơi đâu mà nghĩ tới vì anh chỉ là một sĩ-tốt vô-danh, một binh nhì hạ-cấp, một người mà sự sống chết chẳng liên hệ tới ai.

Nhưng bây giờ thì ta không thể bàng-quan với cái chết của người đó. Trước hết vì người đó cũng là người như ta cũng muốn sống chứ nào có muốn chết, nhút là phải chết thay cho một kẻ có tội-mà mình lại vô can.

Kể tới là người đó cũng có cha mẹ, vợ con, thân bằng, quyến thuộc, họ cũng biết đau-khổ vì cái chết oan-uổng của anh ta.

Nhưng sau hết là người đó thuộc về thành-phần xã-hội đông-đảo nhất và quan-trọng nhất trong nhóm-loại. Họ là những người không tên, không tuổi nhưng có một sức mạnh vô-biên. Võ-tướng lập-chiến-công bằng xương máu của họ. Vua chúa nhờ sức họ đề-cung-cổ-ngai-vàng nhưng cũng nhiều khi chính họ đã lật đổ-ngai-vàng của vua chúa.

Người phong-kiến không biết đánh giá con người nên mới giết anh ngự xe đề-hạch-tội-kẻ



★ ĐỐ !

Một thầy tiểu học đồ học-trò :

— Các trò có biết trong tất cả các thứ đồ chơi cho trẻ em, thứ nào có tánh cách giáo-dục hơn hết ?

Học trò nhao nhao lên kể :

- Chiếc xe lửa
- Chiếc máy bay
- Con búp-bế
-

Thầy cười bảo :

— Trật lất hết. Đồ chơi có tính cách giáo-dục hơn hết là thứ đồ chơi biết dạy các em rằng : « chơi rồi thì xin cất dùm cho ».

phạm-pháp vì nó là em Vua.

Nhơn loại bây giờ đã giác-ngộ hơn người xưa bọn bàng-vì họ đã lãnh hội được nhiều bài học xương máu của bọn người vô danh tiều-tốt.

Ngụy-Giáng là một người phụng-pháp nghiêm minh. Nếu ông sống lại ở thời nay chắc ông sẽ nghiêm-minh hơn nữa vì ông sẽ không dám giết oan một mạng người.

THIỆU-SƠN

TRANH DỤ THI LỊCH 1963

của hãng ESSO

★ CHÂU-GIANG

Ổ T cả gồm 159 người tham dự và 311 bức tranh đủ các loại : sơn dầu, bột màu, phấn tiên, thuốc nước và chì.

Đó là một phòng tranh lớn nếu chỉ nhìn về lượng. Ít có cuộc Triển-lãm nào lại đông vui như thế. (Tôi nói đông vui là muốn diễn hết nghĩa của cuộc trưng bày này). Tất nhiên sẽ hiểu là : Không có gì lạ lắm. Nó giống một buổi chợ đông thê thôi. Các món hàng được bày la liệt thành nhiều tầng, chỉ chút, chỗ nào cũng tranh kể cả trong góc kẹt. (Một điều buồn cho những bức tranh phải chịu sự «thiệt thời ấy»). Cái sự sắp xếp luộm

thuộm như thế không thể nào gây cho người xem tranh cái không khí thoải mái về thưởng ngoạn. Tôi nói chắc như vậy Ấy là chưa kể còn nhiều bức đáng phải loại bớt đi trước khi ra mắt. Thật là một thiếu sót nên tránh.

Tờ chức hàng năm đề-tuyên chọn lấy 12 bức tranh khá nhất in vào lịch, rồi phân phát đi khắp nước Việt-nam và quốc-tế, Hãng đã có một sáng kiến đẹp, khôn ngoan và đáng khen ngợi. Nhưng với công trình to tát như thế tại sao Hãng lại có sự thiếu sót đáng tiếc đó ?



★

Một phần rất lớn tranh tham dự cuộc thi đều mang tên những người mới. Thường là những người bày tranh lần đầu. Mỗi năm những tên quen thuộc đã biến dần. Hiện tại ở phòng tranh năm nay chỉ còn : Hồ-tấn-Thuận (Thuận-Hồ) Võ - đoãn - Giáp, Phạm-dinh-Tín v.v... nhưng tranh của các anh hầu hết bị chìm hẳn đi, lẫn vào với tất cả. Thật vậy, tôi phải đi tìm mãi khi thấy tên các anh trong cuốn catalogue. Khi tìm ra thì tôi đã thất vọng : không thể khơi được sự chú ý của mọi người... Tôi nghĩ rằng tên tuổi các anh không cho phép các anh lại vẽ một cách dễ dãi thế.

Cũng vì sự thiếu vắng của các người làm Hội Họa «quen thuộc», nên tôi tự hỏi : «các họa sĩ đó không có tranh bày hay tại sự tổ chức của Esso thiếu tính chất nghệ-thuật?»

Đừng đòi hỏi nhiều ở một cuộc triển lãm chỉ có tính cách dự thí. Bởi phần chính yếu của nó là làm sao lựa chọn được 12 bức trúng giải là đủ. Đẳng nào thì cũng sẽ có đủ 12 bức. Bất buộc.

Nhưng phần giá-trị của phòng

tranh này thì sao? tôi thấy : Tranh bày thì nhiều, tranh xem được thì ít quá, so với số lượng của cuộc trưng bày.

Bằng khía cạnh rất khách quan thường ngoạn, tôi chỉ nhận được một cách khá thích thú ở 6 người mà tôi sẽ kể ra sau đây : Nguyễn-hữu-Vũ, Trần-dinh-Nghĩa, Kha-tử-Khai, Nguyễn-văn-Bôm, Võ-văn-Sang và Huỳnh-tao-Nhã. Sáu người xứng đáng đứng hàng đầu của cuộc triển lãm. Sáu người là sáu nét đậm của phòng tranh vậy.

Nhìn thẳng vào 6 tác-giả kể trên đây, chúng ta phải mừng rằng : Xu hướng hội-họa mới ngày càng lớn mạnh. Có một sinh khí mới trong tranh các anh. Đúng. Một sự đầy tin-tưởng và chân thành ở những đoạn bước khởi phát của mình. Sự tin tưởng đó tràn tới người thường ngoạn như cả một điều mơ ước vừa xuất hiện, mà họ tự nhận ngay một trách nhiệm phải khuyến khích, phải theo dõi và nâng đỡ.

Tôi muốn nhấn mạnh vào 6 người này là đề nhắc với các anh rằng các anh là những mầm tươi tốt ; đề phải tự nhìn vào mình và phải thận-trọng trong

tương lai. Bởi các anh hiện đẹp như gió, phong phú như biển. Nhưng nếu chỉ một bước hụt ở sau này là có thể cái đẹp ấy, cái phong phú ấy sẽ héo đi và khô cằn đi tất cả, là sẽ mất hết đi cái phẩm lực lưỡng bấy giờ.

Vì là lần đầu tôi được xem tranh của 6 người, mà lại xem được ít quá. Phải chờ xem nhiều nữa sau này mới biết chắc được. Bấy giờ tôi ghi sự chú ý đặc biệt của tôi vào 6 người và chờ đợi.

Những bức tiêu biểu của 6 người và cũng là của cả phòng tranh như sau đây : Đại-lộ Đồng Khánh (306). Mơ Hoa (164). Tĩnh vật (106). Nghỉ ngơi (30). Xóm chiều (229). Phút cuối cùng (175).

Tất cả đã thành tranh. Một chút ảnh hưởng nào đó trong một vài. Tất nhiên khó có thể tránh được lúc khởi đầu. Những ảnh hưởng đó sẽ bị trút bỏ dần (như ta trút bỏ những cái áo khoác ngoài) và vì thế tôi không nói tới. Cũng như phòng tranh bày nhiều, mà nhiều tranh yếu kém, cho nên tôi cũng không kể đến một số người nữa tương đối được. Chọn lấy 6 người, 6

người thôi trong số 159. Đó là lý do tôi muốn thu gọn lại, để dễ thấy, dễ nổi bật.

Thêm một điểm nhận xét chung cả phòng tranh : Nhiều người muốn làm mới tranh mình. Nhưng phần lớn đều chưa được. Làm lệch lạc các hình thù, quệt màu thật lờ-lợ, không phải là mới. Nhảm. Chỉ là hình thức. Phải có ý thức mới, và đó mới là điều quan-hệ.



Nhân xem phòng tranh năm nay, tôi có một ý nghĩ : nên chọn lọc kỹ trước khi đem trưng bày (ít mà tốt còn hơn nhiều mà thừa). Nếu chỉ cốt làm *phương tiện quảng cáo* cho Hãng thì lại là một việc khác (ngoài ý muốn nghệ thuật). Nhưng theo như lời mở đầu trong cuốn catalogue là : « *Nhằm mục đích khuyến-khích... và phổ biến nghệ thuật Việt-Nam* » thì cần thiết phải có một ban tuyển lựa thích hợp hơn. Nghĩa là một ban tuyển lựa gồm nhiều người biết xem tranh. Mà : « *Đề phổ biến nghệ thuật Việt-nam* » thì nghệ thuật Việt-Nam không phải chỉ có thế. Tất nhiên.

CHÂU.GIANG

Danh-Nhân Thế-Giới

Tiền-bán Thế-Kỷ Hai-mươi

7. — Charlie CHAPLIN

PHIM ĐẦU:
« ĐI TÌM KẸ
SỐNG »

BƯỚC vào giới điện ảnh năm 1913, Charlie Chaplin đã bắt đầu xung đột ý-kiến với đạo diễn Sennet. Ông này muốn quay những phim linh-động, chú trọng đến nhiều biến chuyển hơn là lời diễn-xuất. Còn Charlie Chaplin chưa thoát khỏi nếp sống của sân-khấu, chú trọng những động tác chậm rãi, chú trọng đến mặt nhiều hơn. Hai bên xung đột với nhau hoài.

Tuy vậy, cuốn phim hài-hước đầu tiên cũng được trình diễn trước công chúng, ngày 2-2-1914 : phim « Đi tìm kẻ sống » — (Making A Living)

— trong đó Charlie đóng vai trò một tên lường-đảo.

Hồi ấy, các nhà sản xuất phim Mỹ không để tên các diễn-viên, nên báo « Moving Picture world » bình phẩm Charlie với câu này : « Diễn-viên đã khéo léo đóng vai tên lường gạt đáng khen là có lời diễn xuất vào bực nhứt ».

Cuốn phim đầu này chưa đưa Charlie lên đài danh-vọng. Mãi sau, nhờ một sự tình cờ mà Charlie gặp được bộ y-phục và được đóng một vai trò giúp mình nổi danh.

Nguyên, Sennet có một biện pháp làm việc là khi có những cuộc biểu diễn lớn lao, ông cho diễn-viên của ông nhập bọn và đi đầu để ông quay phim. Ngày kia có cuộc đua xe hơi con nít ở Venise, ông bảo Charlie kiếm một bộ quần áo thật lò lằng để cầm đầu cuộc đua ấy. Charlie được tự ý lựa chọn y-phục, bèn quơ một cái quần quá rộng của một

DANH-NHÂN THẾ-GIỚI



bạn đồng nghiệp, mượn một cái áo quá hẹp của người khác,

● BƯỚC ĐẦU ĐÃ THÀNH CÔNG

PHIM đầu của Chaplin là phim « Making A Living » ra đời ngày 2-2-1914 trong ấy Chaplin đóng vai một tên lường gạt và được tờ báo « Moving Picture World » khen ngợi : « Tài tử này đáng là một tài-tử hài-hước vào hạng nhứt ». Lời khen đã làm giục mình ngôi sao Ford Sterling bấy lâu đang là ngôi sao sáng của hãng phim Keystone.

Hãng này theo thường lệ hồi ấy, — không quảng-cáo cho các diễn-viên phụ trong

phim nên nhà báo bình phẩm cũng không cần nói đến tên Charlie Chaplin. Nhưng đến phim thứ hai, Chaplin lại thành công nữa, hãng mới nghĩ đến việc đưa tên tuổi Charlot ra làm quảng cáo. Trong phim thứ hai này, Chaplin đóng chung với một nữ tài-tử hài hước danh-

Tiếng tăm Charlie Chaplin nổi lên từ đó.

★ TẾ-XUYỀN

tiếng Mabel Mormand — sau này người ta gọi nàng là một « Nữ Charlot ».

Trong phim này, Chaplin vào một khách sạn, đang cảm « can » oai vệ bỗng gặp phải một nữ thân-chủ giắt chó, rồi bị vướng vào sợi dây cột chó ; Chaplin muốn gỡ mà càng gỡ càng bị cột chặt thêm, đến phải té xuống, chổng tay vào cái ống nhỏ.

Phim này đưa Charlie Chaplin lên một địa-vị trong phim trường : bắt đầu từ phim sau, hãng để tên Charlot vào tựa cuốn phim.

Cuốn phim thứ ba lấy tựa là « Charlot, bồi nhà hàng » được đem chiếu ngày 27 4-1914.

Bây lâu hãng Keystone thường chủ trương quay phim hài-hước với những tác-động mau lẹ ; lời diễn xuất theo một tinh-thần trào phúng sơ-đẳng, dễ làm cho đại chúng cười, không có gì sâu-sắc. Charlot bèn đưa ra một nghệ-thuật mới, đem từ sân khấu vào điện ảnh, — vì Charlot xuất thân làm hề sân khấu — tạo ra một

cái cười thâm trầm, có ý nhị, làm cho người ta có khi phải cười ra nước mắt. Cái cười do Charlot tạo ra đã « truật phê » được cái cười rẻ tiền của hề Ford Sterling : tài tử này cảm thấy mình sắp mất hạng.

Lời diễn-xuất của Charlot lại chậm rãi như trên sân-khấu, nên thường có sự xung-đột với đạo-diễn.

Chủ hãng Keystone biết rằng Charlot là một thiên-tài, khó mà uốn nắn cho vào khuôn mẫu cổ hủ, cần phải để cho tự do phát triển khả năng. Bởi vậy ông bảo đạo-diễn thả dây cương cho Charlot muốn diễn-xuất thế nào tùy ý.

Được hoàn-toàn tự-do, Charlot tìm ra một lối phục-sức đặc-biệt làm nổi bật « cá-tánh Charlot » và phục-sức ấy được duy-trì mãi trong các phim tiếp tục quay sau này.

Bộ « quần áo Charlot » chỉ là kết quả của một sự tình-cờ song cũng có ngẫu-hưng của Charlot tạo ra. Nhân dịp thành Venice mở cuộc thi lái ô-tô

cho trẻ em, Charlot được cử đến gia-nhập đoàn đua để giúp vui cho ban tổ-chức và luôn tiện hãng Keystone quay một phim thời-sự. Trong lúc gấp rút, chưa biết lựa quần áo nào cho lò-bịch, Charlot bèn giựt cái quần của một bạn đồng nghiệp, cái áo của một bạn đồng nghiệp khác, và đôi giày quá dài của một bạn thứ ba ; Charlot thêm cây « can »

và cái mũ trái dừa, thế là đủ chọc cười thiên hạ. Bộ « quần áo Charlot » xuất hiện lần đầu tiên với phim « Kid Auto Races at Venice » làm cho khán giả cười thích thú, mê say.

Giúp việc cho hãng Keystone đến cuối năm 1914 Charlot đã đóng trò trong 35 phim mà xuất sắc nhất là phim « Cuốn tiểu-thuyết hài hước của Charlot » quay mất 14 tuần lễ.

● DANH VỌNG LÊN NHƯ ĐIỀU

Chỉ có một năm 1914, mà danh-vọng của Charlot đã nổi lên như điều. Hãng Keystone lo có hãng phim khác đến giành giựt mất ngôi sao sáng chói của mình, đã tổ chức một cuộc canh gác chặt chẽ và kín đáo để từ chối các tay môi giới điện-ảnh không cho tiếp xúc với Charlot, hầu tránh mọi sự thương lượng của các hãng tranh thương.

Một mặt nữa, chủ hãng Keystone đề-nghị tăng lương Charlot lên 400 Mỹ-kim một tuần và đề nghị ký giao-kèo mới. Charlot đòi tăng lên tới 750 Mỹ-kim nhưng chủ hãng

cho là cao quá, chối từ. Chủ hãng đã tính lầm và sau này ông tiếc mãi vì số lương 750 Mỹ-kim không quá cao đâu và có thể sanh lợi cho ông cả bao nhiêu triệu.

Hãng phim Essanay liền giành được Charlot bằng số lương 1.250 Mỹ-kim mỗi tuần. Có giai thoại nói rằng hãng này muốn cho người tiếp xúc với Charlot phải dùng một tài tử đến xin đóng một vai phụ, vai chẵn bỏ trong một cuốn phim mà hãng Keystone đang quay ; người môi giới nhờ đó mới có thể thương-thuyết với Charlot.

Charlot bị chủ cũ « phong-tỏa » gắt gao biệt chủng nào vì tài tử này là cả một cái mỏ vàng mà hãng Keystone không muốn để lọt vào tay người khác.

Quả thật, một năm giúp việc cho hãng Essanay, Charlot đã làm lời cho hãng trên 1 triệu. Phim xuất sắc nhất trong năm 1915 do hãng Essanay sản xuất là phim « *Thăng lêu-lông* » (Vagabond) — trong đó Charlot biểu-hiện một hạng người bị bạc-đãi, ức-hiếp trong xã-hội mà nước nào cũng có.

Cuối năm 1915, hãng Essanay đề nghị Charlot cộng-tác với hãng bằng cách chia lời; hãng cam-kết là phần lời tối thiểu hàng năm của Charlot phải được 500.000 Mỹ-kim.

Đề-nghị lớn như vậy mà còn bị Charlot từ chối. Lúc này có người anh ruột của Charlie Chaplin là Sydney cũng là một hề diễn song có óc kinh-tế và tính toán đã đến giúp việc cho Charlot như một người quản-lý. Sydney khuyên em nên dọ dẫm thị-trường biết đâu chẳng kiếm được chỗ lợi hơn.

Hai anh em bèn đi du-lịch Nữu-Uớc, tìm tiếp xúc với các nhà môi giới điện-ảnh. Cuộc du-lịch này đã kết-thúc bằng một hợp đồng ký với hãng Mutual Company ngày 26-2-1916; Charlot được trả lương 10.000 Mỹ-kim mỗi tuần và mới vào làm đã được lãnh một số thưởng riêng 150.000 Mỹ-kim, tổng cộng một năm có tới 670.000 Mỹ-kim.

Một nghệ sĩ mới 26 tuổi đã lãnh một số tiền 67 triệu bạc V.N. một năm. Thật là một thành công không thể tưởng-tượng được. Lương của Charlot tăng gấp 10 lương năm trước.

Tuy vậy mà anh em Charlie Chaplin vẫn ở một khách-sạn trung bình, khách sạn Stowell ở vùng ngoại-ô Los Angeles. Song danh tiếng Charlot càng nổi lên, các yêu-nhơn đủ các giới trong xã-hội càng mời mọc đến dự các cuộc tiếp tân, các cuộc đại lễ. Trong số này có nhà đại tư bản Vanderbilt. Trong một dạ tiệc tung bừng nào nhiệt mừng sự thành công của Charlot, do vợ chồng nhà tư-bon tổ-chức tại một

nhà hàng lớn, bà Vanderbilt đã cao-hứng hút một điều thuốc lá cắm vào một ống đốt dài, bằng vàng, trông rõ ra hàng trường giả quý tộc. Bà quên rằng luật của thành phố Los-Angeles cấm phụ nữ hút thuốc ở nơi công-cộng. Cảnh sát trường đến can thiệp toan lập vi-bằng, đến lúc nghe nói tiệc này đãi thiên tài Charlot, viên cảnh sát trường liền bỏ qua rút lui, không làm khó dễ cho chủ tiệc nữa.

Vì có những sự giao du với các người tai mắt trong xã-hội nên Charlot nghe lời khuyên của anh em bạn, dọn đến ở một nhà hàng lớn tại châu-thành: nhà hàng Athletic Club. Sydney Chaplin còn mua cho em một chiếc xe hơi, mượn một người Nhật tên Kono làm tài-xe kiêm luôn cả vệ sĩ. Kono sau này thành người thân-tín của Charlot, giúp việc cho chủ trong 18 năm trường.

● NHỮNG VỤ BẮT CHƯỚC CHARLOT

NHỮNG phim của Charlot được công-chú g hoan-nghinh quá mức, đến nỗi có những vụ « Charlot giả mạo » hay « bắt chước Charlot » tràn lan trong ba năm từ 1916 đến 1918.

Trước hết có những chợ-phiền tổ-chức các cuộc thi « nhái đúng nghệ-thuật Charlot ». Một hôm trong những người dự thi, có một thí-sanh bị chậm hạng bét. Lúc phát thưởng, anh nẩy lên diễn-đàn tuyên-bỏ với ban tổ-chức và công chúng:

« Thưa quý-vị, chính tôi là Charlie Chaplin, tôi là thứ Charlot chính hiệu đây ! »

Thật là trào lộng: Charlot nhái Charlot mà không đúng!

Còn có những phim quay với thứ Charlot giả nữa. Trước hết là tài tử Amador, người Mỹ-tây-cơ lấy tên là Charles Aplin, đóng phim với điệu bộ, y-phục bắt chước như Charlot. Kế đến hãng phim King Bee Company mượn tài tử Billy West đóng trò giông hệt Charlot, hết chỗ chê; hãng

này thâu được kết quả khả quan về tài-chánh.

Phong-trào « nhái » Charlot tràn lan qua tới Âu-châu : tại Pháp có tài-tử Jack và André Séchan ; ở Đức có *Charlie Kaplin* và *Ern Bosser*. Nếu họ không đóng phim thì họ lên sân khấu. Không có luật nào cấm đoán, nên các vụ Charlot giả này được bỏ qua. Chỉ có một lần vào năm 1925, *Charlie Chaplin* đưa đơn kiện *Charles Aplin* về một phim bắt chước cả cốt truyện của mình. *Charlie* đã thắng kiện, được tòa bắt bị cáo bồi thường một số tiền xứng đáng.

Tại Mỹ có một hệ điều đã nổi danh là tài-tử *Harold Lloyd* — có tên trên màn bạc là « *hệ Lui* » — trong khoảng 1915 — 17 cũng bắt chước y-phục, điệu bộ của Charlot : *Harold* chỉ đổi chút định, cho râu vênh lên thay vì quặp xuống và quần thì ông hẹp chớ không rộng. Mãi đến cuối năm 1917, *Harold Lloyd* mới đeo kiềm trắng và tìm ra được một nếp riêng biệt của mình, được công chúng Mỹ

thích thú, hoan-nghinh.

Trong 2 năm 1916-1917 là hai năm nỗ lực làm việc và sản xuất dồi dào hơn hết, Charlot đã hoàn bị nghệ-thuật cho tới mức toàn bích.

Mãn hợp đồng, hãng *Mutual Company* đề nghị với Charlot đóng 12 phim với lương bao gồm là 1 triệu Mỹ-kim. Song Charlot từ chối vì hãng *First National Circuit* đưa ra những điều kiện đặc-biệt ưu đãi hơn : Charlot chỉ đóng có 8 phim trong 18 tháng mà lãnh lương 1 triệu với số tiền thưởng 15.000 Mỹ-kim.

Charlot được toàn quyền hành động trong phim trường, tuyển lựa tài tử, viết truyện phim, đạo diễn, đóng trò... như hãng phim của chính mình. Chưa thấy một tài-tử nào được biệt đãi đến thế.

Đến năm 1920, Charlot ra kinh-doanh riêng. Hợp tác với ba ngôi sao sáng màn bạc hồi ấy là *Mary Pickford*, *Douglas Fairbanks* và *D.W. Griffith*, Charlot lập ra hãng phim « *United Artists* » bỏ vốn ra để mình làm cho mình, khỏi phải

cần đến vốn của các nhà tư bản.

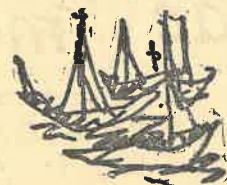
Cũng nên nhắc qua hoạt động của Charlot trong hồi Thế-chiến thứ nhất.

Năm 1918 trước khi Mỹ tham-chiến ở Âu-châu, Charlot đã cố võ cho sự can-thiệp của Mỹ mà Charlot cho là hợp với chánh nghĩa của tự-do. Đến lúc Mỹ tham-chiến, công-dân Mỹ được gọi nhập-ngũ qua Âu-châu tác-chiến. Charlot cùng *Mary Pickford* và *Douglas Fairbanks* đi khắp các nơi cô-động dân chúng mua phiếu Quốc-trái.

Dân-chúng cảm mến thiên tài này, nên hoan nghinh nhiệt liệt ; lần diễn thuyết nào cũng

đông nghet công chúng, những khán giả đã từng biết rõ mặt Charlot qua màn ảnh nay muốn biết nhà tài-tử bằng thịt bằng xương. Cuộc cô-võ của Charlot giúp cho Quốc-trái thành công mỹ-mãn. Có một lần xảy ra một sự trùng-diệp trào-lộng càng đề cao uy tín của Charlot : lần ấy Charlot đến một quận nhằm đúng vào ngày ông bộ-trưởng tài chánh cũng tới đây đề cô-động cho Quốc-trái. Buổi nhóm của ông bộ-trưởng có chừng 500 người nghe, còn buổi nhóm của Charlot đông cả mấy trăm ngàn người đến nỗi không còn chỗ đứng.

(còn nữa)



★ TRĂNG MẶT

Có thể nói rằng tuần trăng mặt của đôi vợ chồng son đã qua khi mà chồng ở sở, điện-thoại về cho vợ rằng : « Chiều nay anh sẽ về muộn một tí vì anh mắc bận công việc » và khi người vợ vắng nhà lúc chồng về, để lại mảnh giấy trên bàn, căn dặn : « anh chịu khó lấy thức ăn sẵn trong « *gát măng-rê* » và anh xoi com đi, đừng chờ em ».



một giấc mơ hoa

★ DUYÊN-HỒNG

(Tiếp theo P.T. số 87)

★ Thứ Hai 23.2

DẠ O này bạn quá, không có thì giờ chép nhật-ký nữa. Nhưng lâu không viết, lại nhớ những trang giấy xanh-xanh màu duyên-dáng này.

Bao nhiêu đứa bạn của Hồng lúc đầu cũng hăng-hái viết nhật ký, gần như một cái «mode», nhưng rồi dần-dần bỏ dỡ cả. Bỏ nào cũng

MỘT GIẤC MƠ HOA

cổ hết sức nắn-gọt câu văn cho bóng bẩy, ra vẻ tiểu-thuyết, nào văn-chương, nào «triết-lý» về đời sống, nào «tâm-lý ái-tình» v.v... và v.v... Rốt cuộc rồi «đầu-hàng vô điều-kiện» trước con Ma Lười

Xuýt nữa, Hồng cũng cho trôi luôn «Giấc Mơ Hoa» xinh-xinh của Hồ g! Chỉ vì mấy đêm tập ca-vũ, cố gắng cho xứng-đáng lòng tin cậy của cô Giáo và bà Hiệu-trưởng, và nhất là lúc lên sân khấu cho khỏi bị «thối tu-huyết».

Lúc mới được «chỉ-định», sao mình hạnh-diện thế! Bây giờ bắt đầu lo-lo... Một nữ sinh, lần đầu tiên bước ra sân-khấu, hát một bài... Oh! C'est terrible!... Đúng một tuần nữa là tình diễn! Còn ghê hơn là sắp sửa đi thi.

★ Thứ Tư, 25.

— Sáng nay đi học đã trễ, lại gặp Hải. Hai người nhìn nhau mỉm cười, nhưng Hồng vội lên xe, không nói được câu nào với «chàng». Trong lòng rạo-rức làm sao! Cứ sợ Hải buồn.

— Chiều lại đi tập ca-vũ-nhạc. Đến ghét cái ông X... Giáo-sư trường Ân.N. lợi dụng dăm mười phút nghỉ-ngơi, cứ theo gù-gù bên tai, không khác con ruồi trong Thơ ngụ-ngôn La Fontaine! Có lúc mình muốn nói trắng-trợn cho ông ấy biết: «Thưa ông, tôi không yêu ông đâu ạ. Ông đừng tán-tĩnh, mất công!». Rất tiếc mình không có can-đảm!

Anh Hải ơi, em chỉ yêu anh, anh có biết không? Em nhất định chỉ yêu anh thôi. Em tuy là gái của «đời sống mới» đây, nhưng em không lãng-mạn đâu, em chỉ trung-thành với tình-yêu duy-nhất của em, nghĩa là em tự trung-thành với em. Em không «trung-thành» như kiểu con Loan, con Hà đâu. Chúng nó đồng «bạn trai» lắm. Em chỉ có một mình anh, anh có hiểu lòng em như thế không?

★ Thứ Năm, 8 giờ tối.

Lúc trưa đi học về, đã trông thấy Huy, con trai bác Phán Kinh bạn của Thầy. Huy đứng tần-ngần trước cổng, ý chừng đợi Hồng. Mình mỉm cười:

— Chào anh Huy.

Huy bối-rối, bảo :

— Tôi ghé trao Hồng mấy quyển «Thế-giới Tự-Do». Hôm qua Hồng hỏi mà tôi nhớ cho người bạn mượn. Nay tôi lấy về mang đến Hồng...

— Ồ, làm phiền anh quá, anh Huy tha lỗi nhé.

Huy tỏ vẻ vui-sướng, nhưng đỏ mặt, đỏ tai, bẽn-lẻn :

— Có gì phiền đâu. Hồng bảo Hồng muốn xem mấy số báo này, nên tôi mang đến...

— Cảm ơn anh Huy nhé. Anh thật tử-tế quá...

— Ồ, không có gì... Hồng ạ...

Huy muốn khơi chuyện nói nữa, nhưng thấy Hồng muốn vào nhà, Huy lăm-bắm :

— Thôi, tôi về nhé, Hồng ...?

— Vâng, anh về. Cảm ơn anh một lần nữa nhé.

Hồng vào nhà. Kề cũng tội-nghiệp Huy. Cho mượn vài tập báo mà « khờ-chủ » phải mang đến tận nhà tận cửa cho người ta ! Hồng biết Huy có nhiều « cảm tình » với Hồng, nhưng Hồng không thể có nhiều « tình cảm » được. Tất cả tình-cảm của Hồng đều trao hết cho Hải. Chỉ cho Hải thôi.

★ Thứ Bảy, 5 giờ chiều.

Thanh sang chơi, trao Hồng chiếc ảnh Sandra Dee, cô đào trẻ tuổi của Hollywood mà Hồng thích nhất. Thanh bảo : « của anh Hải tặng Hồng đấy ».

Yêu Hải lắm, Hải đề-ý đến cả những sở-thích nho-nhỏ có vẻ trẻ-con của Hồng. Nhớ có lần mình nói với Hải : Trong các tài-tử màn bạc, em mến Sandra Dee nhất.

★ Chủ-Nhật, 28-2 — 8 giờ tối

Tối mai lên sân-khấu !

Đêm nay phải ngủ sớm. Các chị ấy dặn phải ngủ cho đầy đủ, lúc hóa-trang đòi phấn mới ăn. Ừ thì đi ngủ. Good Night everyone!

★ Thứ Hai, 29-2.

« Le jour J » !

???

★ Thứ Ba, 8 giờ 30 sáng.

Sáng nay, được nghỉ một buổi. Chỉ những « diễn-viên » của dạ-hội ca-vũ-nhạc mới được nghỉ, còn thì mấy chị khác vẫn phải đi học, tại vì bà Giám-học « thương tình » tụi Hồng đã thức khuya trình diễn một-nhọc.

Nhớ lại tối qua, đứng bên trong bức màn sân khấu, len-lén hé màn « quan-sát » đám khán-giả bên dưới, không phải khó-nhọc lắm Hồng đã trông thấy ngay Hải ngồi ở đầu hàng ghế thứ tư. Hình như Hải đi với một người bạn. Hải sẽ không ngờ Hồng có tên trong ban diễn-viên, và sẽ ra sân khấu ! Mình vẫn giấu Hải vụ này, để dành cho Người-Yêu một ngạc-nhiên chơi !

Lúc đến lượt Hồng ra đơn ca, thoát-tiên Hồng run quá. Ra sân khấu, Hồng nhìn ngay xuống chỗ Hải ngồi. Trông điệu-bộ kinh-ngạc của « chàng », « chàng » mở to đôi mắt, chồm người tới trước để nhìn thật kỹ xem có phải Hồng không ! Hồng tức cười quá, nhưng nhờ có Hải đẩy mà tự-nhiên Hồng bớt run. Tình-yêu mãnh-liệt đến thế ! Tự nhủ thầm rằng ta hát cho Hải nghe, ta ra đây cố ý chỉ hát một bài cho chàng nghe thôi, thế là Hồng hết sợ, lại còn khoan-khoái mím cười ngó Hải và cất giọng ngân-ngã...

Dứt bản, Hồng sung-sướng thấy Hải vỗ tay to hơn hết thấy mọi người, giữa tràng pháo tay nổ lên liên-tiếp hai lần.

— Bis ! Bis !

Một đám sinh-viên ở giầy ghế giữa reo lên, nhưng Hồng không trở ra nữa. Ta hát cho người-yêu của ta nghe thôi chứ !

Hồng thỏa-mãn. Xong đêm dạ-hội, nhà trường đưa xe cho tụi Hồng về tận nhà.

★ Thứ Tư, 8 giờ đêm.

Sáng nay đến trường, tụi bạn còn bàn tán về buổi ca-vũ-nhạc đêm rồi. Chúng nó bảo là chỉ có màn kịch « Lòng Mẹ »

do các chị Đệ-Nhất đóng, và màn đờn-ca của Hồng là xuất-sắc hơn cả.

Hồng hãnh diện, nhưng không bằng mấy câu thơ của Người Yêu gửi khen tặng Hồng, do Thanh trao cho Hồng trước lúc vào lớp:

Trao Hồng yêu-dấu !

*Em rực-rỡ trong hào-quang thơ-mộng,
Môi diễm-Hồng xao-dộng phím tơ Duyên !
Tiếng em trong như nhạc-khúc điệu-huyền,
Vương-vít một lời Nguyễn cùng mây gió.
Anh ngồi dưới ghế mây,
Em đứng trên ánh đèn xanh đỏ,
Dù cách nhau anh đây, em đó,
Vẫn giao-duyên đôi làn mắt đắm-say !
Anh biết cửa lòng em bỏ ngõ,
Đề đón anh với hơi thở dịu lành,
Với nụ cười hồng thắm,
Với tiếng hát thanh thanh.
Dù anh đây, em đó,
Vẫn chan hòa đôi ánh mắt xanh xanh !*

Hải

Đúng quá ! « Dù anh đây, em đó, vẫn chan-hòa đôi ánh mắt xanh xanh ! » Không ngờ Hải của Hồng cũng Thi-sĩ, ghê quá ta !

✱ **Thứ Bảy . .**

Nấp sau cửa phòng, nghe lén câu chuyện của Thầy Mẹ, với bác Phán Kinh : (Nhớ Hồng chép lại có đoạn nào không đúng, xin các Cụ «đính chính» nhé!) Thầy bảo:

— Con gái đời giờ, cấm chúng nó yêu thế nào được ! Ngay thời trước, các cụ nghiêm-khắc như thế nhưng nào có cấm được chúng ta yêu !

Cứ bảo tại sao con nít đời giờ mới 16,17 tuổi đã biết yêu ! Thì tại xã-hội và gia-đình tập cho chúng nó yêu chứ còn tại sao nữa ! Bác nghĩ xem : ngoài xã-hội, thì nào là tình yêu phơi-bày công-khai trên màn-bạc, những cử-chỉ quá táo-bạo, quá trơ-trẽn

của Brigitte Bardot, Liz Taylor, Marilyn Monroe, và hầu hết các minh-tinh khác được phô trương ra trên khắp các màn-ảnh, chính-phủ đâu có cấm ! Đấy, xi-nê Âu-Mỹ đã công khai nhập-cảng vào Việt-nam các bài học ái-tình hết sức trắng-trợn mà có ai kiểm-soát đâu nào ! Còn như tiểu-thuyết đăng trên các báo-chí, tất cả đều là tiểu-thuyết ái-tình. Có truyện nào, dù là truyện trinh-thám, truyện kiếm-hiệp, truyện xã-hội, v.v... Có «lành-mạnh» thế mấy cũng không bỏ qua được ái-tình. Nếu không có ái-tình thì còn gì hấp-dẫn nữa ! Nếu không có ái-tình thì làm sao có tiểu-thuyết ? Nếu không có ái-tình thì chuyện đời đâu còn gì đáng kể ? Tiểu-thuyết ta, tiểu-thuyết Tàu, tiểu-thuyết Pháp, Anh, Mỹ, đều đăng rặc chuyện ái-tình. Làm sao cấm con gái đọc các báo sách ấy mà chúng nó có thể mượn lén của bạn-bè hoặc mua lén ở các tiệm sách ? Cho nên chúng ta làm cha mẹ, đành phải công nhận « cái mối hại cần thiết » ấy, và phải dìu-dắt con em trong vấn đề yêu-đương. Thay vì cấm đoán đã không có hiệu quả mà lại còn tai hại hơn nữa, chúng ta nên hướng dẫn con em trong khuôn-khổ ái-tình lành-mạnh, ái-tình tự-nhiên, và tránh ái-tình trụy lạc, trác-táng, cho tuổi trẻ khỏi vấp phải lỗi-lầm, tội ác... »

Hoan-hô ông Cụ nhà mình !

Thành-thật mà xét, nếu bậc Cha-Mẹ nào cũng có quan-niệm giáo-dục con cái ở đời sống mới này, như Thầy-Mẹ, — nghĩa là đừng quá cấm-đoán nghiêm-khắc như ông Cụ cô Vinh, chị Hảo, cũng đừng tha lỏng quá tự-do như Ba Má của Loan, của Hà, thì chắc chắn xã-hội sẽ phát triển lành-mạnh, theo chiều tiến-hóa chung của lịch-sử, và gia-đình cũng ít xảy ra các thảm-kịch về con trai con gái không thỏa-mãn trong tình yêu.

Hồng luôn luôn tự cho rằng mình được hạnh phúc có Thầy Mẹ vừa khoan hồng, vừa nghiêm-ngự, vừa thông-cảm với tâm-lý của con cái trong gia-đình, vừa dạy-dỗ, chỉ bảo.

Có thể mình mới được yêu Hải, và giữ được một tình yêu êm đẹp vô ngần, quý-giá vô ngần, tha-thiết say mê mà không một chút tội-lỗi ! Phải thế không, Hải của em ?

(còn-nữa)

TÌNH THA HƯƠNG

★ NGUYỄN-VĂN-CỒN

Tôi đã nhận được nhiều thư của bạn đọc Phổ Thông gửi riêng cho tôi. Tôi đã trả lời một số và sẽ lần lượt trả lời tất cả. Tôi xin đa tạ những niềm thiện cảm, những lời chiêu cố ; như anh PHẠM LƯƠNG ở Châu-đốc, tưởng đâu tôi đã thiệt mạng trong hồi chiến tranh ! Nay anh được biết địa-chỉ của tôi, vì anh là độc giả của Phổ-Thông.

Đề đáp lại bao nhiêu thịnh tình, tôi xin hiến chung các bạn đọc Phổ-Thông chút « Tình tha hương ». Các bạn mới của tôi hầu hết là những bạn trẻ, vì vậy tôi viết bài thơ này theo điệu thơ mới, nhưng... « giấy ngắn tình dài » ! (L.T.G.)

Xa lắm nhĩ và nghe chừng yêu lắm nhĩ !
Thề đất trời vạn kỷ vẫn còn linh,
Trăng thiên thu vẫn nở giữa đêm lành,
Tình xứ sở mông mênh như biển đẹp,
Gửi yêu thương, vòm trời xem nhỏ hẹp,
Chứa làm sao cho hết được tình duyên !
Máu người tôi chịu sức mạnh diệu-huyền
Của mạch đất dưới bàn chân chuyễn mãi.

Lúc bé nhỏ nô đùa trong nắng mới,
Giữa vườn hoang leo hái những mơ xanh,
Tìm ô chim giấu kín giữa muôn cành,
Yêu thôn xóm như thiên đường vĩ đại !
Lúc hai mươi, then nhìn người bạn gái
Đã cùng nhau đi học thưở lên năm,

Nhưng bỗng nhiên bạn đẹp tựa trăng rằm,
Lời thêm dịu và nụ cười thêm thắm !
Người nước tôi ! đáng yêu kiều diễm đậm
Trải bao năm vẫn là ảnh đào nguyên,
Đời niên hoa là cõi mộng thần tiên,
Ai quên được bao niềm mong nỗi nhớ !
Lúc nghiêm lặng, nơi theo dòng lịch sử :
Thấy bao người sinh tử đã xem khinh
Giữa trận tiền và gươm giáp long lanh
Trong lửa trận lòng người say chiến đấu,
Bao anh hùng thách nhau vung ngọn giáo,
Bao chàng trai tuốt gươm sáng xông càn
Phá quân thù hàng ngũ rã-rời tan ;
Đường khai quốc là con đường đẫm máu,
Từ ải Bắc đến trời Nam ghi dấu
Của người dân đất Việt tự bao lâu
Cười có nhau mà khóc cũng có nhau !
Bao tình cảm buộc ta và dân-tộc !

★

Nay khứ quốc tiếng chiều nghe não nuột,
Gợi trong hồn vườn cũ vắng chim ca,
Dưới gió mưa tàn tạ gốc mơ già,
Trăng thu lạnh soi hồn hoa phiêu bạt,
Gượng cầm bút vun mẩu đời tàn mất,
Kỷ-niệm xưa còn sưởi ấm cô liêu,
Đất Nước tôi là tất cả tình yêu
Làm tươi đẹp sắc màu muôn vạn ý !
Xa lắm nhĩ và nghe chừng yêu lắm nhĩ !

(Paris — 1962)



Tuần DÂN CHÚNG LỊCH SỬ XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT 1910-1960

(Tiếp theo P.T. số 89)

TRƯỚC 1925, hay nói cho đúng hơn là trước **tháng 7-1925**, hồi cụ Phan-Bội-Châu chưa bị Tây bắt tại Thượng-Hải đưa về Hà-nội, danh-từ « **Việt-Nam** » cũng chưa được phổ-thông trong dân-chúng, và chưa được chính thức áp-dụng ở xứ ta. Trên các công-văn, báo-chí, sách vở bằng chữ Pháp cũng như chữ « quốc-ngữ » không mấy khi dùng đến hai tiếng « **Việt Nam** ».

Bên Nam-Triều, theo quốc hiệu đã được sửa đổi từ thời vua Minh-Mạng, các giới quan-trường và trên các giấy-tờ chính thức, đều dùng hai chữ « **Đại-Nam** ». Vua Việt-nam được xưng hô là **Đại-Nam Hoàng-đế**.

Các nhà Trí-thức, khiêm-nhường hơn, thường viết là

« **Nước Nam** », hoặc « **Nam-quốc** », còn dân chúng, từ Nam chí Bắc, lại quen dùng danh-từ đã có sẵn từ nghìn xưa, do chính người Tàu ban-bổ cho, là « **Nước An-Nam** ». Người Tàu gọi người Việt là **Ô-Nam-dân** (An-nam-nhân). Ở Hà-Nội, nhà Thơ **Nguyễn-khắc-Hiếu**, chủ trương một tờ báo Văn-ngệ, lấy tên là **An-Nam Tạp-chí**. Ở Sài-gòn, Ký giả tài-ba xuất-chúng là **Nguyễn-phan-Long** điều-khiển một tờ báo viết bằng Pháp-ngữ, lấy tên là **Echo Annamite**.

Riêng ở Nam-Kỳ, phần-đồng các « **Thượng-lưu trí-thức** », và các nhà kỹ-ngệ, thương-mãi, đại-diễn-chủ, ở Saigon và Lục-tĩnh, lại không thích người ta gọi là « **Annamites** ». Hầu hết đều xin « **vô Dân-Tây** », sống theo lối Tây,

TUẦN CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT

và hành-diện được gọi là « **Citoyens français** » (công-dân Pháp). Ở Trung-Kỳ và Bắc-Kỳ, trái lại, hạng « **Annam Dân-Tây** » rất hiếm. Ngay các người thân Pháp nhất, triệt-đề trung-thành với Pháp, nhà văn như **Phạm-Qỳah**, quan lại cao-cấp như **Hoàng-trọng-Phu**, **Vi-văn-Định**, **Tôn-thất-Hân**, **Thái-văn-Toàn**, v.v... đều giữ nguyên quốc-tịch Việt-Nam.

Về tiếng xưng hô địa-danh của ba miền, tuy người Pháp đã đặt riêng ra ba tên khác nhau : **Le Tonkin** (Bắc Kỳ) — người là **les Tonkinois**, **L'Annam** (Trung-Kỳ) người là **les Annamites du Centre**, **la Cochinchine**, Nam-kỳ, người là **les Cochinchinois**, nhưng tiếng **An-Nam** và **Annamites** vẫn thông-dụng hơn, từ Nam chí Bắc. Ở Hà-nội, Hải-phòng, cũng như ở Huế, Qui-nhơn, Sài-gòn, Cần-thơ, Châu-đốc, v.v... dân-chúng vẫn quen gọi với nhau là « người **An-Nam** » và nói: hàng-hóa **An-Nam**, ngày **An-Nam**, các quan **An-Nam**, tiệm buôn **An-Nam**, ngày Tết **An-Nam** v.v... Chính những người có học-thức cũng nói như thế. Những người

bình-dân ở Sài-gòn và Lục-tĩnh, không học Địa-dư, thường gọi từ Nha-Trang trở ra là « **xứ Bắc** », hoặc là « **xứ Huế** », « **xứ Nghệ** ». Ít khi họ phân biệt là miền Bắc, miền Trung. Thỉnh-thoảng họ gọi bằng một danh-từ châm-biếm và khôi-hài, là « **Dân tro-tre** ». Tại vì tiếng nói từ Nha-Trang trở vào Phan-Thiết, cũng na-ná như tiếng miền Nam, còn từ Qui-nhơn trở ra Nghệ-an, Hà-nội, giọng nói hơi nặng, người miền Nam nghe khó hiểu.

Người miền Trung lại gọi Nam Kỳ là đất « **Đồng Nai — Gia định** ». Người bình-dân miền Bắc thỉnh-thoảng lại gọi Nam-Kỳ là « **Xứ ở gần mặt gời** ».

Đường hỏa-xa ở Hà-nội vào Trung-Kỳ chỉ đến **Tourane**, mà người Việt ta gọi là **Cửa-Hàn** (nay là Đà-nẵng). Đường xe-lửa từ Sài-gòn ra, cũng chỉ đến Nha-trang, nơi đây là ga cuối.

Do đó, ở Nha-trang năm 1924 có một khách-sạn khá lớn ở ngay trước ga xe lửa, mà chủ nhân người Việt-Nam, đặt tên là **Hôtel Terminus** (là khách-sạn cuối). Ông chủ Hôtel này có một cô con gái rất đẹp và rất

lãng-mạn. Cũng vào khoảng ấy, có một cậu sinh-viên trường Cao-dẳng Hà-nội, mà lại là một Hoàng-tử Lào, nhân dịp Hè, đi nghỉ mát ở Nha trang. Cậu sinh-viên Hoàng-tử đến ở trọ tại K«hách sạn Cuối», và được cơ-hội làm quen với người đẹp «An-nam», con gái ông chủ. Đối với cậu Hoàng-tử Lào, lấy được một «tiểu-thư An-nam» làm vợ là một vinh-dự lớn lao.

Đối với cô thiếu-nữ lãng-mạn ở Nha-Trang, lấy một người chồng là Hoàng-tử (mặc dầu không đẹp trai) cũng là một hạnh phúc thần-tiên. Thế là cuộc tình duyên thơ-mộng Việt-Lào đã kết-cuộc bằng một đám cưới vô cùng long-trọng. Việc ấy xảy ra cách nay đã trên 30 năm, đôi vợ chồng vẫn còn sống, và cậu sinh-viên Hoàng-tử Lào lúc bấy giờ chính là Souvanna Souphanouvong, lãnh-tụ bọn Pathet-Lào hiện nay.

★

1924, nhiều tỉnh chưa có đèn điện, tuy là những thành phố lớn vào hạng ba, hạng tư, ở toàn cõi Việt-Nam. Đường-phố vẫn còn thấp đèn acétylène cháy nhờ hơi đá carbure, trong một bình bằng đồng, lồng trong một

mặt kiến, dựng trên cột sắt sơn đen và chạm trổ rất đẹp. Thường có những con thần-lăn to lớn không biết từ đâu bò lên trên mặt kiến để đóp những con thiêu-thần. Hình bóng những con thần-lăn ấy ngã xiêng xuống mặt đường, lúc biến lúc hiện, lúc nằm dài trên đường lộ, lúc rút lại trong bóng tối, như những bóng ma. Nhất là trong những đêm mưa gió và ở các ngã tư vắng-vẻ, những «bóng ma» ấy thường làm cho bọn học-trò như Tuần-em ghê-rợn không dám đi qua.

Trừ ba thủ-đô Sài-gòn, Huế, Hà-nội, và các thị-trấn quan-trọng như Nam-Định, Hải-phòng, Vinh, Tourane, Cần-thơ, Mỹ-Tho, v.v... còn hầu hết ở các thành thị khác, đường phố không có tên, và không có số nhà. Dân-chúng thường gọi theo những tên địa-phương mà không ai đặt ra nhưng mọi người đều quen thạo, như : *Đường Lò-Hèo, Đường Lò-Vôi, Đường Bờ-sông, Đường Cống-Kiều, Đường Nhà-Thờ, đường Miếu Cô Hồn*, v.v...

Tuy thế, trong mỗi tỉnh, đường nào ở đâu, nhà nào ở đâu, nhà ai, ở xóm nào, mấy

anh «cu-li xe-kéo» đều biết hết. Vì đường-phố hãy còn ít, nhà-cửa chưa đông-dúc, đất trống còn nhiều, kỹ-nghệ chưa thành-hình, thương-mại của người Việt-Nam gần như không có.

Hầu hết các hiệu buôn bán lớn là của «Các Chú», của «Chà-Và», của «Ma-la-Bà», (1) Các hãng xuất nhập-cảng là của người Tàu, hoặc người Pháp. «An-Nam» chỉ dành phận bé-nhỏ, nghèo hèn, với những tiệm Cúp-tóc đơn-sơ, Tiệm Thợ-may (hai ngành này phát-triển nhất), thuốc Nam, thuốc Bắc, hoặc tạp-hóa nho-nhỏ.

Thỉnh-thoảng xen vào một vài tiệm người Bắc, chuyên-môn bán đồ đồng (mâm, lư, đèn, v.v...) và một ít lưa Hà-đông, the Nam-Định.

Trừ một vài đại-lộ đã rải nhựa goudron để cho xe-hơi chạy, nhất là xe các quan, còn thì hầu-hết các đường phố đều lồi-lôm, chỗ u, chỗ đột, sạn đá gồ-gề, mỗi lần mưa to là nước chảy như đường mương khe suối.

Cứ chiều chiều, tan giờ học, Tuần-em ưa đi dạo chơi xem các giầy phố, các tiệm buôn,

các nhà cửa, vườn tược, Chùa-chiền, ở khắp hang cùng ngõ hẻm trong thành phố mà cậu đang trọ học. Tính tò-mò, chỗ nào cũng muốn đến, việc gì cũng muốn nghe, chuyện gì cũng muốn nghe, cậu học trò 15 tuổi mặc áo dài vá nơi cùi chỏ, mang đôi guốc cùn 3 xu, đi lang-thang khắp phố.

Gặp các ông Giáo, nhất là ông Giáo-sư Vật-lý-học và Hóa-học, cậu vội vàng chạy trốn. Ông này, người Huế, mặt nhiều mụn, cái miệng hơi dô ra, cặp mắt sáng quắc, thường đi xe-máy. Tốt-nghiệp trường Cao-dẳng Khoa-học Hà-nội, ông rất giỏi về Lý-Hóa, nhưng cũng rất nghiêm-khắc với học-trò. Đã ba lần rồi, buổi chiều ông gặp Tuần đi chơi ngoài phố, là sáng hôm sau, giờ Vật-Lý, hay Hóa, ông gọi Tuần lên bảng trả bài. Luôn luôn ông cho Tuần ăn hột vịt. Một buổi chiều chủ-nhật, ông trông thấy Tuần nằm chơi một mình trên bãi cát Gành-Rán, sáng thứ Hai ông gọi Tuần lên trả bài. Trò Tuần ở nhà học thuộc bài vanh-vách, nhưng không

(1) Gốc Ấn-độ.

biết tại sao vào lớp đứng trước mặt ông giáo-sư trò quên mất cả. Ông giáo thưởng cho trò một con zéro bự, rồi trừng mắt nói với cả lớp:

— Ce *cancre* ne sait jamais ses leçons, parce qu'il s'amuse tout le temps avec les *cancre*s.

(Đứa học trò lười-biếng ấy không bao giờ thuộc bài vì nó chơi cả ngày với mấy con cua biển). Do lỗi « chơi chữ » của ông giáo-sư, vì chữ *cancre* có hai nghĩa, mà bạn-bè trong lớp cứ gọi đùa Tuấn là « Con Cua-biển ». Dù các tuần sau Tuấn trả bài Lý-Hóa rất thông-suốt, Tuấn cũng bị mang cái ổ-danh là « Con Cua-Biển ». (1)

Một buổi tối, Tuấn nằm chơi trên bãi cát, nghe sóng bề hòa-nhịp với tiếng reo ví-vu của rặng cây phi-lao bên Cầu-Tàu. Ngoài khơi, có chiếc tàu *Orénoque* của Tây đậu cạnh Hải-dăng, và ông Quan Ba với mấy người Thủy-thủ chèo chiếc tam-bản (tây gọi là *San pan*) vào cập bến. Mấy người Thủy-thủ lên bờ đi bách bộ vào thành-phố, vừa đi vừa hát om-sòm. Bãi bờ tối-om, xa xa có một ánh « đèn-đá » lắt

leo trong gió lộng. Tuấn ngạc-nhiên thấy ông Quan-Ba đến gần cậu. Tuấn không lo sợ gì vì cậu đã biết nổi tiếng Tây, sẵn-sàng đối-đáp. Ông Quan-Ba vuốt tóc cậu, và khẽ nói với giọng rất hiền lành:

— Bonsoir, mon enfant.

Tuấn bạo dạn đáp lại, với giọng con-nít:

— Bonsoir, monsieur.

Ông Quan Ba lấy trong túi ra một nắm kẹo sô-cô-la cho Tuấn, và bảo Tuấn đưa ông đi dạo phố. Lần đầu tiên Tuấn được đi chơi với một ông Tây, — lại là ông Quan Ba Tậu-thủy, — nói chuyện với ông thân-ái và tin-cậy như một người bạn lớn tuổi. Dọc đường, ông bảo Tuấn rủ thêm ba bốn đứa bạn nữa cùng đi cho vui. Ông nói: « Tôi rất mến thanh niên An-nam ». Tất cả có 5 đứa bu theo bên ông, được ông cho kẹo ăn, cho thuốc hút, cho các tấm hình cartes postales phong cảnh bên Tây rất đẹp. Rồi ông đề-nghị: « Các em đưa tôi đến một nơi nào thật hoang vắng, ngoài châu-thành, nơi mà không có người qua lại. Ngồi chỗ vắng như thế, chúng ta sẽ xem Trăng, xem Sao, và nói chuyện thích-

(1) Hay là: *Thằng Lười-biếng*.

thú hơn. » Tuấn và 4 đứa bạn hăng-hái đưa ông lên chân núi Xuân-Quang, nơi đây không một bóng người, không một túp nhà, cách xa thành-phố 2 ki-lô-mét.

Sau khi tắt cả đèn ngồi xung quanh ông, trên một bãi cỏ, nghe ông kể chuyện bên Tây một lúc thật vui, ông Quan Ba cười bảo: « Bây giờ các em sẽ xem tôi bày ra một trò chơi rất lý-thú nhé ». Cả bọn nôn-nao vui mừng. Ông lấy một đồng bạc đưa Tuấn, bảo: « Em xuống phố mua chừng 5 thước giấy dứa thứ lớn và thật chắc, 9 hoặc 10 roi mây hoặc roi tre, hay là những khúc củi dài cũng được, và 100 grammes ớt thứ thật cay với 100 grammes muối. » Tuấn hơi lo-ngại: trò chơi gì mà phải dùng các món kia? Ông Quan Ba cười, — nụ cười rất hiền-lành đáng tin cậy:

— Em cứ đi tìm các món đó về đây, rồi các em sẽ xem tôi làm trò chơi này hấp dẫn lắm.

Tuấn và một đứa bạn hoàn toàn theo lệnh ông chạy về phố tìm mua một bọc ớt, một gói muối, và 5 cuộn giấy dứa. Còn roi, thì các trò không biết

mua ở đâu, bèn bảo nhau nhờ đại mấy cây tre khô cắm hàng rào của một căn nhà trống, ngoại-ô.

Khi Tuấn trở lại Xuân-quang với đủ các đồ « chơi » kia, ông Quan-Ba vui-vẻ bảo: « Các em lột hết áo quần của tôi ra, lấy giấy dứa trói hai tay hai chân của tôi lại, và trói thật chặt nhé, và đè tôi nằm xuống đất, đừng cho tôi quấy cựa. Rồi các em thay phiên nhau mỗi người cầm một cây tre đánh vào mông đít tôi. Phải đánh thật dữ tợn. Các em đánh tôi như đánh một kẻ thù vậy, vừa đánh vừa chửi, và đánh thật mạnh, đừng sợ tôi đau. Đánh mãi đến chừng nào gây nát hết mấy cây roi, và đánh sao cho nổi lằn trên da đít tôi, cho rôm-rớm máu. Nhưng các em nhớ là chỉ đánh trên mông đít, đừng đánh trên lưng hay trên đầu, hay các chỗ khác trên thân-thể tôi. Đánh trên hai mông cho chảy máu rồi dă muối ớt thật nhỏ, chà xát lên những chỗ lằn roi rôm máu ấy. Xong rồi, tôi sẽ thưởng cho mấy em mỗi đứa 2 đồng bạc. »

Hai đồng bạc thời bấy giờ

giá trị gần 200đ ngày nay. Tuấn và bốn đứa bạn, do-dự, không dám làm công việc lạ-lùng ấy mà các trò không hiểu tại sao. Nhưng ông Tây Quan Ba cứ năn-nỉ, van lơn, và đưa trước cho mỗi trò 2 đồng bạc. Sau cùng, Tuấn bảo các bạn : « Tụi mình cứ làm theo như ông dặn, nếu có xảy ra việc gì thì chạy chốn ! Trời tối, đêm vắng núi hoang, sợ cóc gì, hè ! »

Nhưng Tuấn hỏi ông Quan Ba :

— Trò chơi chi mà kỳ-cục thế, ông ?

Ông Quan Ba mỉm cười đáp :

— Các em làm cái việc ấy, xong rồi tôi sẽ kể chuyện cho nghe.

— Tụi tôi đánh ông, rồi ông có đánh lại tụi tôi không ?

Ông Quan Ba cười :

— Không. Tôi là Quan Ba Tàu, tôi không phỉnh gạc các em đâu.

— Lỡ đánh ông rồi tụi tôi bị bắt ở tù thì sao ?

— Nơi đây vắng vẻ, có ai biết đâu ? Chính tôi đề-nghị các em cái trò chơi ấy cơ mà. Nào !

bây giờ các em xúm lại lột áo lột quần của tôi ra đi ! Chúng ta bắt đầu cuộc chơi rất say-mê này ! Nào !... Các em ra tay đi !...

Tuấn cười, bảo mấy đứa bạn cùng xáp vào thi-hành « trò chơi » ly-kỳ và bí-mật mà các cậu chưa biết kết cuộc sẽ như thế nào.

Đề kích-kích sự can-đảm của 4 thiếu-niên « An-nam », ông Quan Ba tự cởi hết áo hết quần ra.

Tuấn lấy sợi giây-dừa, cùng 4 đứa bạn bắt đầu trói tay trói chân ông Tây...

(còn nữa)



— Tức thật ! rõ ràng mình nhìn thấy nó bay xuống đây mà ! Nó đâu ?

sắc hồng thắm

(Hương ứng « nguồn vui ánh sáng »)

Sắc thắm hồng mây,

Sắc thắm hồng mây !...

Vương trong nắng sớm, tỏa ngàn cây hương trời,

Bừng muôn nơi, thắm ngàn đời sắc nước !

Theo ánh sáng về đây,

Theo ánh sáng ngập đây !

Tiếng hờn tan vỡ, trở về đây sắc hồng...

Bừng ý sống...

Mảnh gương trong...

Soi vạt đậm, sợi, tơ đồng rộn-rã,

Ca vang lên, giọng trầm hùng cao cả.

Xóa rên la...

Thắm mặn mà !...

Sắc hồng tô — lộng ánh sáng — thắm ngàn hoa.

Giây tơ duyên — trùng âm-ba — vang lộng...

Trùng dương sấm dậy,

Cạnh hồn trong đây !

Tay nắm tay, đem kiến-thức giúp chung xây,

Đem máu hồng, tô-diềm nước non này.

Ai trí dũng, ai anh tài, đứng dậy !

Phấn hương nồng, men đắng ngọt,

Sắc thắm hồng, theo ánh sáng về đây,

Theo ánh sáng về đây...

Ước nguyện đây, mộng chung xây,

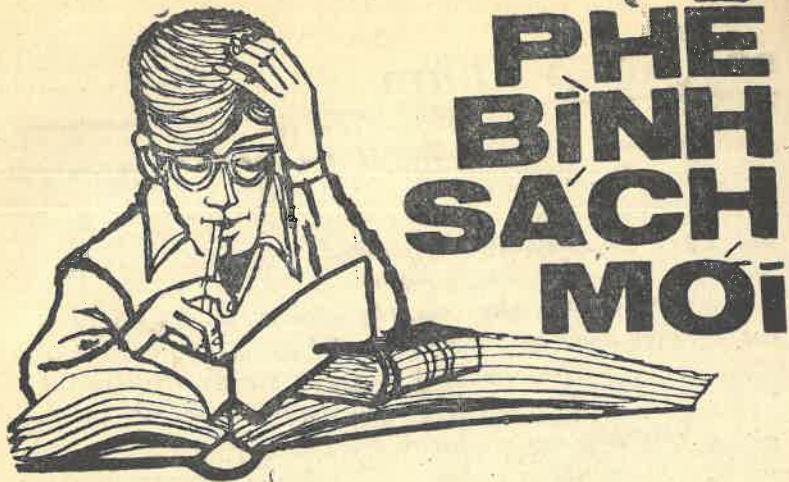
Bao ý sống, bừng lên nguồn sống

Sắc thắm hồng mây,

Ánh sáng ngập đây...

Nguồn vui ánh sáng — Sắc thắm hồng mây...

★ HƯƠNG-NGUYỄN



★ THẨM - THỆ - HÀ

LUỐNG BIÊN

Tác-giả : **HỮU-PHƯƠNG**
nhà xuất-bản : **THANH-TÂN**
1962



LUỐNG-BIÊN là một thi-phẩm gồm 38 bài thơ của một thi-sĩ mới đánh dấu có sự có mặt của mình trong làng thơ : *Hữu-Phương*.

Tác-phẩm khởi đầu sự bằng bốn câu thơ thay lời Tựa :

Mắt tôi đã rớm buồn ly biệt,
Chân ngập-ngừng đi, lúc tiễn
nhau.

Ven xóm bao lần nghe tiếng
sóng,

Bôn-chôn luống nước, đuổi sau
tàu..

PHÊ BÌNH SÁCH MỚI

Bốn câu thơ tuy giản-dị nhưng hàm-súc cả nội-dung thi-phẩm. Có thể nói đó là bốn câu thơ chung-kết lại bao nhiêu nguồn thi-cảm, thi hứng của tác-giả, mà nếu để ý phân-tích, ta sẽ thấy nổi bật lên hai đối tượng : *Người yêu* và *Biển-cả*.

Chàng có hai mối tình : mối tình đôi với *Người yêu* và mối tình đôi với *Biển cả*. Chàng yêu vẻ đẹp của người lẫn vẻ đẹp của thiên-nhiên. Cả hai vẻ đẹp xâm chiếm trọn tâm-hồn chàng, gieo cho chàng sự rung-cảm thiết-tha, tạo cho chàng những nguồn thơ chan-chứa.

Nhưng *Người Yêu* và *Biển-cả* vốn cách nhau giữa hai bờ không-gian bát-ngát, làm sao thi-nhân có thể hòa-hợp cả hai ? Chàng chỉ đành ao ước làm con nhạn trắng, khi tung mây thì nhớ người trong xóm cũ, khi về quê lại khao-khát mộng sông hồ...

Từ tang gió rét cũng đành,
Ciao em mãnh đất, anh giành
lấy khơi.

Ngàn xưa có dấu chân người,
Đan khơi vá biển mấy đời
đó em !

*Tim anh vẫn thấy ước thêm.
Làm con nhạn trắng, loài chim
hải-hồ.*

*Bởi chưa tròn vẹn giấc mơ,
Đừng cầm anh lại bên bờ
môi em.*

(Giã-từ)

Thượng-Đề vốn sinh thi-nhân với tâm-hồn yêu cái Đẹp, trách sao chàng không để lòng rung-động trước một dáng mơ buồn mà sóng mắt, làn môi như muốn ru hồn người thơ vào cõi mộng :

*Ta muốn em : thần-tượng của ta,
Với làn mắt ấy, mắt sao sa,
Với làn môi ấy : môi kiều-mộng
Với thoáng buồn kia, thoáng
của hoa.*

(Mơ-màng)

Nhưng cái quyền-rủ của làn môi kiều-mộng, ánh mắt sao-sa vẫn không ngăn được cánh chim giang-hồ, không lấp được lòng khao-khát không-gian vô-tận. Cho nên chàng lại trở về biển, mừng cái mừng ngày nào biển đẹp, vui cái vui trên sóng bão gập-ghenh :

*Tôi trở về biển như mọi lần,
Biển đẹp ngày nào, tôi mừng
ngày ấy.*

Vì đường tôi khi găm nhưng
lộng-lẫy,
Khi gặp-ghềnh sóng bão, lúc
chênh-vênh.
Nhưng chúng tôi muôn thuở
bóng với hình,
Người sẽ hiểu vì sao tôi tự-
đắc...

(Trùng-dương ca)

Mặc dầu thi-nhân tự-đắc
với cái chí sông hồ của mình,
song lúc nào ta cũng thấy
bằng-bạc trông tâm-hồn chàng
những nỗi nhớ, niềm thương.
Giữa bề khơi, chàng thường
gói niềm thương gói về lục-
địa. Khi tàu rời bến, chàng
nhìn về xóm nhỏ mà cảm thấy
như nỗi buồn len nhẹ vào
hồn :

Mái gianh, sông vắng êm đêm :
Buồn đây xóm nhỏ, trăng chìm
biên sương.

Nửa khuya sao nở mười
phương,

Lửa thành đã nhạt, cổ hương
lạnh-lùng !

Chân tôi bỗng thấy ngập ngừng,
Đường ra biên-viên như chừng
chưa quen,

Nhà nhem đứng lặng thắp đèn,
Trăng mờng giấu mặt, buồn len
ngõ hẻm.

(Buồn bến nhỏ)

Thơ lục-bác của Hữu-
Phương thật êm-ái, nhẹ-nhàng
và vô cùng gợi-cảm. Bốn câu
trên đẹp như một bức tranh
thủy mặc, đượm một vẻ buồn
nên thơ. Bốn câu dưới diễn-
tả được sự hòa-hợp giữa
cảnh và tình, gợi lên một
nỗi nhớ-nhung u-hoài, man-
mác...

Người ta thấy ở Hữu-
Phương một tâm - hồn thi
nhân đa-cảm hơn một tâm-
hồn chiến-sĩ hào-hùng. Cái
« tự-đắc » của chàng bị chìm
mất trong những điệp-khúc
buồn lê-thê, cả những bản
nhạc trùng-dương cũng tàu
lên những điệu khi thì ê-
chề, khi thì vu-vơ, khi thì
thê-lương áo-nào.

Ngân khơi màu hoang vắng,
Nhạc sóng vọng ê-chề.

(Độc hành)

Đàn khơi dạo khúc vu-vơ,
Hồn trong ly-cách thần-thờ
tìm nhau.

(Rời bến)

Khắc - khoải mầu đêm khơi
sóng lộng,
Ngân phương ai-khúc vọng
muôn đời !

(Hải-đảo đêm trăng)

Những nét chấm phá trên
đầy không có gì đặc-sắc, lời
và ý đều tầm thường, nhưng
lại phản-ảnh trung-thực tâm-
hồn đa-cảm của thi-nhân.

Ngoài những bản nhạc
trùng-dương, thi-nhân còn bị
ám ảnh bởi những « luống
nước, luống bề, luống khơi »
tất cả đều biến thành những
« luống sầu » điệu vơi. Thơ
của Hữu-Phương chan-hòa
những tình-cảm u-buồn cũng
phải, vì chàng đã nhìn, đã nghe
vạn-vật qua điệu đàn nào nuốt

của lòng mình. Chàng là
người yêu bề khơi, nhưng thơ
chàng lại làm cho ta chán bề
khơi.

Về kỹ - thuật, thơ Hữu-
Phương tuy chưa có gì độc-
đáo nhưng đã vượt khỏi mức
trung-bình. Về nội-dung, thơ
của chàng thiếu « sức sống »
trong những đề tài chứa đầy
« sức sống ». Chính vì lẽ đó
mà ta cảm thấy mất ít nhiều
hứng thú khi đọc xong toàn
tập LUỐNG BIÊN của Hữu-
Phương.



T H Ơ TRĂNG

Tác-giả : **TÙNG - LINH**

tác-giả xuất-bản 1962

trình-bày : Họa-sĩ **BÉ-KÝ**

T H Ơ T R ĂNG là thi-
phẩm của **Tùng-Linh**, gồm 24
bài thơ, do chính tác-giả xuất
bản, nữ họa-sĩ **Bé-Ký** trình-
bày và minh-họa.

Giới-thiệu **Tùng-Linh**, ông
Hà-Thủy viết : « **Tùng-Linh** sẽ
đưa bạn trở lại quá-khứ với
quãng đời hoa bướm của đẹp
và hiền. Rồi đôi khi cũng băng-

khuông lo-lãng «văn-vơ» cho tương-lai, cho cuộc sống, hay chia-ly, hay nước mắt giận hờn... Chỉ thế thôi! Thơ Tùng-Linh không quá cầu-kỳ, khó hiểu tuy-nhiên những chữ và âm-thanh anh chọn lựa rất kỹ càng — cân đối ».

Xem một văn-phẩm hay một thi-phẩm, tôi rất thích được đọc lời Tựa hay Lời nói đầu để có một ý-niệm tổng-quát về lập trường, tư-tưởng hay nghệ-thuật tác-giả. Lời tựa đặc sắc sẽ điểm duyên thêm cho nghệ phẩm rất nhiều. Trái lại lời giới-thiệu vụng về sẽ làm cho người đọc thêm bức mình, do đó sẽ làm mất cả mỹ cảm đầu tiên. Trường hợp thứ nhất, ta có thể tìm thấy ở bài tựa của Thê-Lữ để thi-phẩm «Thơ Thơ» của Xuân Diệu, ở bài Tựa của Xuân Diệu để tập «Lửa thiêng» của Huy-Cận, ở bài Tựa của Romain Rolland để quyển truyện Amok của Stefan Zweig. Trường-hợp thứ nhì, ta có thể tìm thấy ở Lời giới thiệu của Hà-Thủy về tác-phẩm «Thơ trắng» của nhà thơ thuộc lớp trẻ: Tùng-Linh.

Lỗi hành-văn kiêu-cách, bắt chập cả cú pháp của Hà-Thủy làm cho tôi khó chịu. Thêm vào, bức tranh bìa cầu-kỳ, bức minh-họa lập-dị của nữ họa-sĩ Bé-Ký thật là tương-phản với lời giới-thiệu và tương-phản cả với nội-dung thi-phẩm. Bé Ký muốn trào-lộng với nàng thơ hay với Thi-sĩ Tùng-Linh?

Bây giờ, xin đi sâu vào «Thơ trắng».

1. — Điều tôi ghi nhận trước tiên là: Tùng Linh rất yêu màu trắng. Cũng có thể nói rằng: chàng «cô ý» yêu màu trắng để tứ thơ phù-hợp với nhan-đề tập thơ. Ta hãy đọc bài thơ nồng-cốt của tác-phẩm:

THƠ TRẮNG

Thơ trắng xô nghiêng đồ bên
sầu,
Tình ơi! xuôi mãi đến bao
lâu,
Mắt sâu giam trọn vào hư
ảnh,
Nghịch-dĩ run mình tuổi đếm
mau.
Múa bút toan tô hồng hết
mộng,

Nghẹn-ngào vẫn chỉ nét hoang
sầu.

Trắng đêm, tay dựng văn xiêu ngã,
Đỏ vớ thêm cay loạn sắc màu.
Không rượu mà sao thơ ngắt
ngưỡng

Nằm nghe giường lạnh, chiều
chấn đau.

Phấn son chưa đỏ vào thiên hạ,
Còn áo khăn nào trả nghĩa
nhau?

Mà bỗng rung-rung là bỗng ngại
Ngậm ngùi vô mãi suốt canh
thâu.

Cứ đóng-đưa lăm vào thương,
nhớ,

Lạc-lỡng rồi ra xuôi đến đâu?
Đem đốt hoang liêu ngày cũ lại
Chờ nghe lòng kể chuyện mai
sau.

Ô hay! thì vẫn từng trang đây,
Thơ trắng xô nghiêng đồ bên
sầu.

Thi-sĩ toan dùng màu hồng để điểm tô cho giấc mộng lần cuộc đời, nhưng rồi màu hồng cũng «loạn sắc» mà biến thành màu trắng. Chỉ một bài thơ mà tác-giả dùng đến chữ «trắng», đủ rõ thi-sĩ thấm-thiết với màu trắng đến mức nào! Hình ảnh trong thơ cũng loạn như màu sắc; điệu thơ nào nuốt như tâm-sự của người thơ.

Cái gì tham-lam quá cũng có hại. Một chữ dùng nhiều quá sẽ làm cho chât nghệ-

thuật trở nên nghèo nàn. đầu tác-giả khéo léo biến nghĩa và biến cả tự-loại văn phạm. Tùng-Linh muốn tạo cho mình một bản sắc riêng nhưng vô tình đã làm hại nghệ-thuật mà vẫn không được bản-sắc. Ta hãy đọc những vần thơ sau đây với tất cả mỹ-tình sẵn có:

Trắng tay, vung cả vào tay
trắng,

Còn hỏi sao em chẳng vớ-vàng.
(Gửi chị)

Áo trắng, ai đi vào cách biệt,
Phượng hồng vừa đến báo
chia tay.

(Cách biệt)

Nao' nao đêm trắng ngồi chong
bút,

Rung-rức sầu lên cao vút trôi.
(Nao nao)

Thoát đã mai tươi rụng thắm
bờ,
Vừa nghe mây trắng liếm hồn
thu.

(Vô đề I)

Thì ra, tôi nhớ mà không nhớ!
Buồn đã theo nhau rụng trắng
đường.

(Người đi)

Còn nhiều «trắng» nữa, nhưng tôi xin tạm ngưng nơi đây. Lời nhận-xét của tôi có chủ-quan, hay nghiêm-khắc,

hay lệch - lạc hay không, xin nhờ các bạn yêu thơ phê phán.

2 — Điều tôi ghi nhận thứ nhì là : *Tùng-Linh* sở trường về loại thơ thất-ngôn trường-thiên độc-vận.

Những bài thơ có giá trị tương đối trong thi-phẩm như *Thơ trắng* (tr. 13) *Vào thu* (tr. 15) *Gửi chị* (tr. 16) *Tha thiết* (tr. 24) *Vô đề 1* (tr. 29) đều viết theo loại thơ này.

Tứ-thơ chân-thành, pha lẫn màu tình cảm lẫn tượng-trưng: *Trăng thả hồn theo mây ngàn-ngõ,*

Ô hay ! hoang vắng tự bao giờ
Mấy hôm trở gió mà tha thiết
Thu đã nghiêng mình em biết chưa ?

(Vào thu)

Thơ *Tùng-Linh* thiên về tự sự nên cảnh chỉ là nền nếp phác đơn-sơ, mơ-hồ lung-linh qua những tràng cảm-xúc. Cảnh cũng điểm màu - sắc tượng-trưng :

Vỡ đêm trắng bạc màu ly cách
Thờ thần vàng rơi lên mắt trong.

(Nhớ)

Cuối sông xưa vẫn nhiều mây trắng,
Bến cũ chưa cầu bắc nối ngang
Khấp-khênh hàng cau đo nắng mãi,

Trăng già thao-thức khóc mây hoang.

(Gửi chị)

Những bức họa cảnh của *Tùng-Linh* tuy đơn-sơ nhưng rất linh-động, nhờ cách dùng chữ vừa gợi hình, vừa táo-bạo, vừa nên thơ.

✱

Sau cùng, tôi xin thành-thật hỏi bạn *Tùng-Linh* : « Có phải bạn yêu thơ Nguyễn Bính lắm không ? Có phải bạn thích nhất những bài « *Xuân tha hương* », « *Xuân lại tha hương* » của họ Nguyễn viết gửi cho chị Trúc thời tiền-chiến ? »

Thú thật, tôi cũng yêu những bài thơ ấy của Nguyễn, và vì vậy, tôi thấy sao loại thơ thất ngôn trường-thiên độc-vận của bạn giống thơ của Nguyễn quá. Tôi nói rằng bạn chịu ảnh-hưởng ít nhiều Nguyễn Bính, chỉ riêng về loại thơ này, nhất ở bài « *Gửi chị* » của bạn. Và bạn có công-nhận như tôi : Thơ Nguyễn Bính có cái duyên gì độc-đáo, quyền rũ lạ thường. Người chịu ảnh-hưởng không thể nào đoạt cái duyên ấy ở Nguyễn được.

THÂM-THỆ-HÀ

MÌNH ƠI,

TẠI SAO

CÓ NHỮNG

ĐÀN - BÀ

TRẺ ĐẸP

MÀ KHÔNG

SINH CON?

LỖI TẠI

CHÔNG

HAY LỖI

TẠI VỢ

?

MÌNH ƠI !

— Ơi rồi.

— Mình biết con Nga Calmette nó than phiền với em chuyện gì không ?

— Nga Calmette là ai ?

— Con Thúy-Nga, bạn học cũ của em, ở đường Calmette đó, vợ mới cưới của kỹ-sư Hà đó.

— Tưởng là ai, chứ Thúy-Nga thì được chồng nưng như nưng trứng, húng như húng hoa, mà còn than-phiền nỗi gì ?

— Nga than-phiền là vợ chồng nó lấy nhau hơn một năm rưỡi nay mà chưa có con.

— Em trả lời Nga như thế nào ?

— Em biết gì mà trả lời ?

— Em cứ an-ủi Thúy-Nga rằng một năm rưỡi chưa có con thì hai năm rưỡi sẽ có. Nếu hai năm rưỡi cũng chưa có, thì ba năm rưỡi sẽ có. Sớm muộn gì rồi cũng có.

— Sao em thấy phần nhiều vợ, chồng lấy nhau là có con liền, hả Mình ? Lại cũng có nhiều cặp chưa lấy nhau mà đã có con rồi. Sao họ chóng-vánh thế, mình nhĩ ?

— Thời buổi nguyên-tử, làm gì cũng nên làm lẹ-lẹ.

— Nhiều người muốn làm lẹ-lẹ mà không được chứ ! Như Thúy-Nga với Hà đó, ăn-ở với nhau 18 tháng rồi mà chưa có con, như vậy là Nga không sinh-dễ được sao ? Tại nó thiếu điều-kiện thụ-thai, hay là tại chồng nó không có khả-năng... làm chồng ?

— Đừng nên nghi oan cho ai vội. Trong nhiều gia-đình không con, thường thường tuy ngoài mặt ai cũng cố giữ vẻ điềm nhiên, nhẫn nại, nhưng trong thâm-tâm, vợ hay chồng thừa cho chồng, chồng thừa trách-nhiệm về phần mình. Nhưng lấy trung-bình, thì độ 70 phần 100 không con là do người vợ, và 30 phần 100 do người chồng. Nghĩa là trách-nhiệm của người chồng ít hơn.

— Xí ! Mình thì lúc nào cũng nói xấu tội phụ-nữ chúng em.

— Thừa cô Tú, mấy con số tỷ-lệ vừa kể ra không phải tự tôi bịa-đặt ra đâu ạ. Đây là lời chứng-minh của một người trong phái Đẹp, và Mạnh (chứ không dám gọi là phái yếu nữa ạ) là Nữ Bác-sĩ Catherine Robert, một nhà psycho-sexologue trứ-

MÌNH ƠI !

danh của nước Pháp, chuyên môn về khoa tâm-lý-ái-tình-Nam Nữ-ái-ân sản-dục, v.v..., v.v...

— Như thế là trong việc vợ chồng không có con, đàn-ông cũng có lỗi đấy !

— Chứ nào ai có chạy chối đi đâu ! Nhưng phải có Bác-sĩ khám-xét mới biết được rõ-rệt là do đàn-ông hay đàn-bà, và do những yếu-tố nào làm cản-trở sự thụ-thai, hoặc chậm thụ thai, hoặc không thụ-thai được. Trong trường-hợp Thúy-Nga và Hà, mới sống chung với nhau 18 tháng mà đã lo sợ không có con, thì sự lo sợ ấy hơi sớm đấy. Em nên nhớ rằng căn-cứ trên sự khám-phá của bác-sĩ Nhật Ogino, người đàn bà chỉ có thể thụ-thai trong thời-gian rất ngắn-ngủi là ngày thứ 14 sau kinh-kỳ, hoặc trước hay sau đó 3 hay 4 ngày, nghĩa là từ ngày thứ 11 đến ngày thứ 18, thì rất có thể có nhiều lý-do khiến Tinh-trùng và Noãn-châu không gặp nhau được trong thời-gian hẹn-hò ấy. Những cặp vợ chồng lấy nhau hai ba năm mà không có con, cũng có phần vì nguyên-nhân trên kia. Nhưng chỉ một phần thôi, vì còn nhiều nguyên-nhân quan-trọng hơn, hoặc trầm-trọng hơn.

— Mình kể hết các nguyên-nhân « không con » cho em nghe nhé ?

— Nói như sự thật của La Palice, muốn có con, đàn-bà phải thụ thai, và muốn thụ thai, phải có 3 yếu-tố :

1) Buồng trứng của đàn-bà phải rụng trứng.

2) Tinh-dịch (Sperme) của đàn-ông phải có tinh-trùng (Spermatozoïdes).

3) Hai phần-tử trên, trứng và tinh-trùng, đã phối hợp nhau rồi, thì cái trứng đã được thụ thai ấy phải dính vào bên trong tử-cung.

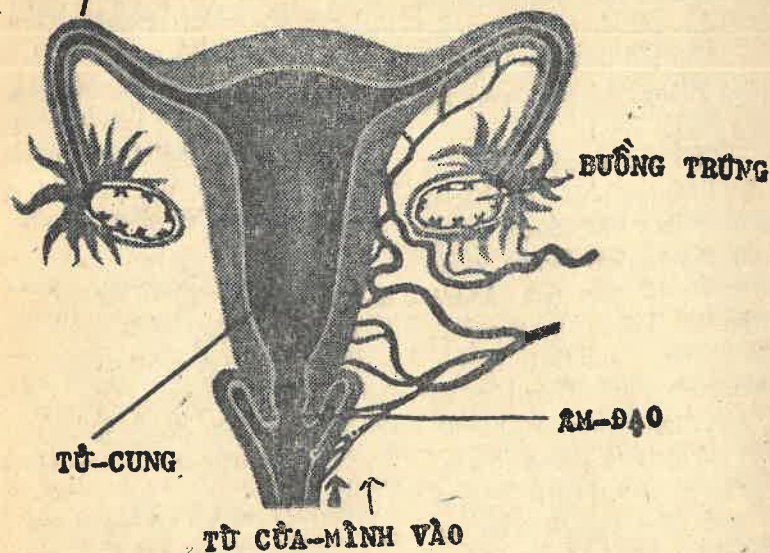
Yếu-tố 1 và yếu-tố 3, đều do nơi người đàn bà. Yếu tố 2 do nơi người đàn ông. Thiếu một trong 3 yếu tố ấy, là không thể thụ-thai được.

Vậy, muốn tìm hiểu « tại sao không con », chúng ta nên phân-tách kỹ-càng riêng mỗi yếu tố, và tìm xem Y-học đã có phương-pháp cứu-chữa trong mỗi trường hợp như thế nào.

— Mình nói thật rõ-ràng, cho em dễ hiểu, Mình nhé !

— Dạ... ! Trước hết nói về hai yếu-tố 1 và 3 của Đàn-Bà. Cơ-quan sinh-sản của đàn-bà, ở bên trong Cửa-mình, gồm có 3 bộ phận : Buồng trứng, Eo, và Tử-cung. (Tử-cung, cũng thường gọi là Dạ-con.)

EO TỬ-CUNG



1) Có thể Tử-cung bị-sưng (*mérite*), hoặc bị một bệnh gì khác, bị làm độc, bị thối, v.v... Do đó, trứng rụng xuống và ra đến đây dù có gặp Tinh-trùng cũng không đậu được. Trong trường hợp này, 100 phần hết 99 phần không thụ-thai.

Bác-sĩ khám thấy thế, sẽ lo chữa cho Tử-Cung lành hẳn rồi mới tìm đến các nguyên-nhân khác. Nhiều khi, chữa cho Tử-Cung hết bệnh là người đàn bà có thể thụ-thai được ngay.

2) Đôi khi, chất nhớt do âm-hộ phát tiết ra chứa nhiều

vị cường-toan (*acide*), cũng không thụ-thai được. Vì cường-toan làm loãng tinh dịch, giết chết tinh-trùng. Nếu phân-chất nước nhớt này mà thấy có nhiều cường-toan, và thường nên chích các thuốc *alcalin* vào, (chất Kiềm) thì có thể thụ-thai được.

3) Bộ-phận quan-trọng nhất, là Tử-Cung (Dạ-con). Trong số các người đàn-bà không thụ-thai, hơn một nửa bị các bệnh tật ở trong Tử-Cung. Nhiều thiếu-phụ, tuy đã lớn tuổi nhưng

Dạ-con hãy còn nhỏ quá, chưa nẩy-nở hoàn-toàn, và chưa đủ sức thụ-thai. Trong trường-hợp này, thường phải chích các kích-thích-tố (*Hormones*), hoặc chữa bằng điện để cho Tử-cung nẩy-nở đầy-dặn.

4) Nhiều người đàn-bà có Dạ-con không đứng chỗ, hoặc quá trôi ra trước (*Antéversion*), hoặc quá thụt vào sâu (*Rétroversion*), hay là âm-đạo (*Col*) từ ngoài Cửa-Mình vào hơi dài quá, thành ra Tinh-trùng và Noãn-châu khó tiếp-xúc được với nhau, và do đó mà khó thụ-thai. 35 phần trăm phụ-nữ không có con, là bị các tật ở Tử-cung như thế. Y-khoa có thể chữa được bằng phương-pháp giải-phẫu.

— Giải-phẫu là thế nào, hả Mình?

— Giải-phẫu là mổ-xẻ. Phải mổ ra để sửa lại Tử-cung cho đúng vị-trí của nó. Nếu không chịu mổ, thì đừng hy-vọng có con. Bởi lẽ đề y-nguyên như trên, thì khó mà Tinh-trùng và Noãn-Châu gặp được nhau. Hoặc gặp thì cũng không còn đủ sức để phối-hợp cho được « loạn phụng hòa minh » « sắc cầm hảo-hiệp » !..

5) Trường hợp nguy-nan nhất

là Buồng trứng bị tê-liệt. Vì nhiều lý-do, buồng trứng có thể không làm tròn nhiệm-vụ sản xuất Noãn-châu, và đến ngày kinh-nguyệt mà **không có trứng**. Thường-thường, sự tê-liệt của Noãn-sào (buồng trứng) hay sinh ra các chứng khó-chịu sau đây: Kinh-nguyệt chậm, ra huyết-bạch, đau quặn trong bụng. Để chữa các chứng này, Y-khoa áp-dụng phương pháp điện nhiệt (*diathermie*), hoặc chích nhiều kích-thích-tố và sinh-tố

6) Một nguyên-nhân khác cũng cản-trở rất nhiều sự thụ-thai, là cái Eo không thấm nước. Cái Eo này, trong Y-học gọi là *Trompe de Fallope*, là một cái vòi nối từ Buồng-trứng qua Tử-Cung. Nó có bần-phận đưa đường chỉ lối cho cái Trứng rụng (Noãn-châu) đi qua Tử-cung với Tinh-trùng, nơi đây hai cô-cậu mới có chỗ rộng để xây ò ái-tình. Nếu đường Eo kia không thấm nước, (*impermeable*) nghĩa là không thu-hút Noãn-châu không qua được, thì thôi rồi, đừng có hồng mơ tưởng đến việc sinh con đẻ cháu! Y-khoa vẫn cố tìm cách làm cho Eo này hết.. « làm eo » bằng cách xịt vào đấy các loại thuốc kích-ứng để làm cho Eo được mềm-mại và thấm nước

để dằn, để dọn đường đón tiếp Noãn-Châu công-chúa ra làm lễ hợp-cần với hoàng-tử Tinh-trùng.

Eo Fallope còn bị một chứng bệnh gọi là *Salpingite*, sưng lên, vì bị vi-trùng lao, hoa liễu, v.v...

Đôi khi, xịt các thứ thuốc nước kia vào, như *Lipiodol* chẳng hạn, mà không thấy có hiệu quả gì, thì người ta phải mổ cắt bỏ cái Eo, và lượm cái trứng đem gieo trực-tiếp vào Tử-cung. Để nó «bắt-bò» mau lẹ với Tinh-trùng từ ngoài Cửa-mình phóng vào.

Đây, sáu nguyên-nhân «tội-lỗi» không thụ-thai được, mà «thủ-phạm» chính là đàn-bà.

— Còn đàn ông, chắc là tội lớn bằng cái đình !

— Đàn-ông chỉ có mỗi một cái tội, và chỉ có một số đàn ông không may bị tội ấy mà thôi. Đó là những kẻ mà Tinh-dịch (*sperme*) không có Tinh-trùng (*Spermatozoïdes*). Có hai trường hợp, trọng và khinh: 1) không có Tinh-trùng một thời-gian nào đó, rồi lại có. 2) không có Tinh-trùng vĩnh-viễn.

— Trường hợp nào gọi là «giảm khinh» ?

1) Trường-hợp tạm thời. Nhiều khi cái ống dẫn tinh (*Canal déférent*) bị nghẹt, phải

mở nó ra để rửa cho nó lưu thông được, cho tinh-dịch chuyển vận dễ-dàng.

2) Còn trường-hợp «gia-trọng», là người đàn ông bị liệt-dương, hoặc không có tinh-dịch, hoặc trong tinh-dịch không có tinh-trùng (*Azoospermie*) Y-Khoa cứu chữa bằng nhiều phương pháp để sản-xuất Tinh-trùng :

— Bỏ-dưỡng kích-thích-tổ.

— Dùng thuốc *hyaluronidase*, bào chế bằng trứng-giải của bò-tót. Nhưng thứ này hiếm lắm. Cũng có thể dùng các thuốc kích-thích-tổ của Nhật.

— Cấm hẳn uống rượu và hút thuốc.

3) Ngoài ra, có thể một vài bộ-phận của cơ-quan sản-xuất tinh-dịch bị bệnh, như ống tiêu, niệu-hệ-tuyến v.v... Phải chữa bằng các thuốc trụ sinh, các thuốc chích trừ vi-trùng, v.v...

Đôi vợ-chồng muốn trì-chí có con, người vợ muốn hy-vọng có thai, ngoài các yếu tố trên kia cần phải sự khám-xét và săn-sóc của **Bác-sĩ giỏi**, còn nên áp-dụng một vài phương-tiện cần-thiết sau đây :

1) Vợ chồng không nên chung-chạ quá thường xuyên.

2) Dùng những ngày có thể thụ-thai, theo phương-pháp Ogino (nếu kinh-nguyệt đều) và phương-pháp nhiệt-độ, nếu kinh-nguyệt bất thường (1)

3) Triệt-đề giữ vệ-sinh nơi các cơ quan sinh-sản.

4) Đàn-bà kiêng các đồ chua.

5) Đàn-ông kiêng rượu.

— Mình ơi, đàn-ông ốm yếu chắc là không đủ khả-năng... làm chồng, phải không, Minh ?

— Không đúng. Dương-thịnh, hay suy, không có liên-quan đến sức khỏe của đàn-ông. Có những người thật mập, mạnh, nhưng vẫn không có Tinh-trùng. Sự không có con thường liên-hệ đến cả âm và dương.

Thí-dụ : Thầy Hai Hủ-Tiểu dương-thịnh 65% có thể không có con với chị Ba Heo-Quay âm-suy 40%, nhưng thầy ấy có thể có con với cô Tám-Hột-Vịt-Lộn âm-thịnh đến 75%. Cho nên có những người mập-mạp như ông Hộ-Thấp mà không có con, trái lại nhiều anh chàng ốm còm còm còm với chị vợ yếu xịu như cây ớt thể mà đẻ ra hàng lô con trai con gái. Dĩ nhiên, trong câu chuyện hôm nay chúng ta chỉ nói đến vấn-đề «sinh-sản», chứ không nói đến sức khỏe của vợ chồng và con cái. Em hiểu không ?

Bà Tú đang vui, bỗng nhiên trở quạu :

— Hiều chớ sao không hiểu.

Ông Tú cười :

— Có chuyện chi mà nét mặt xinh đẹp thế kia tự-nhiên bí-xị vậy, cô nàng ?

— Sao Minh cứ nhắc đến cô Tám-Hột-Vịt-Lộn hoài vậy ?

— Thì thôi. Anh nói thí-dụ cho em dễ hiểu vậy đó mà ! Lại có trường hợp đôi khi vợ chồng ở với nhau 10 năm, 20 năm không có con, mà vợ lớn lấy vợ bé cho chồng, bà V2 sinh được đứa con rồi tự nhiên sau đó bà V1 cũng sinh ra đứa con

— Tại sao lại phải có V1-V2 ?

— Tại có sự kích-thích trong tâm-lý gây ra sự kích-thích trong sinh-lý, theo thuyết của Bác-sĩ Neffert.

Bà Tú véo ông Tú một cái đầu-điêng, rồi hỏi tiếp :

— Người ta nói đàn bà mập-ù cũng khó có con, có đúng không, Minh ?

— Đúng. Vì 40 hay 50 ki-lô mỡ thừa-thai của Bà Ủ đã làm tiêu-tan hết một phần lớn các kích-thích-tổ của bà. Nếu bà Ủ uống thuốc và tập thể-thao, hay tập Yoga, cho mất cái bụng mỡ ấy đi, cho gầy ốm bớt,

(1) Về phương-pháp Nhiệt độ nên thực hành đúng theo bài «Mình ơi» trong *Phổ-Thông* số 65.

thì vài tháng sau bà Û có thể thụ thai ngay.

— Tại sao có những ông Cụ già 70, 80 tuổi còn lấy vợ, để chi?

— Đàn-bà từ 40 đến 43 tuổi là hết đó, Buồng trứng đã tàn. Nhưng có nhiều bà Cụ tóc bạc răng long nhưng âm vẫn còn, thịnh, vì kích-thích-tổ vẫn còn như các bà Từ-Hi Hoàng-thái-Hậu, Vũ-Hậu, Vi-Hậu, Catherine II, Marie-Louise, v.v... Tuy nhiên, họ cũng không thể thụ thai được nữa, vì mặc dầu âm còn thịnh nhưng buồng trứng cũng đã tàn-tạ từ hồi 43, 44 tuổi. Quá lắm, 50 tuổi là « hết đường »

Đàn-ông thì đa số tuy tuổi già nhưng dương còn thịnh.

Bác-sĩ Neffert có làm bản thống kê đại-khái cho rằng từ 60 đến 70 tuổi, nhiều ông già còn lấy vợ 20 tuổi và sinh con vẫn đông-dúc và khoẻ mạnh. Từ 70 đến 80, Tinh-lực sản xuất còn có thể mạnh đến 59%, từ 80 đến 90, cổ gượng gạo vẫn còn được 48%.

Bà Tú cười rữ-rựi :

— Già mà còn 35 dư hôn!

— Trẻ mới là 35, già phải đến 70, nghĩa là 2 lần 35 lận à!

— Còn Mình? Chắc hồi nhỏ Mình cũng 35, bây giờ là 35X2, chừng mình già chắc 35X3 là ít!

— Em cứ khen anh hoài! Làm anh mắc-cở!...

Diệu-Huyền

Công-Ty Bảo-Hiêm

« LE SECOURS »

Công-Ty Bảo-Hiêm và Liên-Hiệp Bảo-Hiêm những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30-32, đường Laffitte — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông :

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigon

Điện thoại : 20.461

● Bồi thường mau lẹ

● Nghị thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.

SƯỞNG RƠI

★ NGUYỄN-VỸ

Sương rơi
Nặng trĩu
Trên cành
Dương-liều...
Nhưng hơi
Gió bắc,
Lạnh-lùng
Hiu-hắt,
Thấm vào,
Em ơi,
Trong lòng
Hạt sương
Thành một
Vết thương!...

Rồi hạt
Sương trong
Tan-tác
Trong lòng,
Tả-tơi.
Em ơi,
Từng giọt
Thánh-thót,
Từng giọt
Đều-lên
Trên năm
Mồ hoang!...

Rơi sương,
Cành Dương
Liều ngã.
Gió mưa
Tơi-tả,
Từng giọt
Thánh-thót,
Từng giọt
Tơi-bời,
Mưa rơi,
Gió rơi,
Lá rơi,
Em ơi!

The Dew thuds
Staccato
On the buds
Of willow.
Yet chill gusts
Will explore
With harsh thrusts
The Dew's core!

the fall of dew

★ ĐẶNG-CÔNG-THẮNG

This deep harm
Will shatter
Poor Dew's charm:
Ruin fore'er
Sweetheart, peer!
Its sighs drip
On a grave,
A wild strip,
None can save!
Sweetheart, wave!

The willow's boughs
Quake and droop,
In storms douse.
Who'll recoup?
Sweetheart, stoop!
Wailing drops
Sprinkle below.
Some rain slops
As gales grow.
Sweetheart, woe!

Les branches
De saule
Se penchent,
Molles,
Chargées
De rosée,
Ô Bien-aimée!
Mais voici la bise
Glaciale
Qui pénètre
Et râle
Dans le cœur
De la rosée!
Larme pure

La Rosée tombe

★ N. V.

Telle une blessure,
La rosée s'égoutte,
Goutte
À
Goutte,
Toute
Brisée,
Et tombe
Sur la tombe
Abandonnée.
Les branches
De saule
Se balancent,

Folles,
Et ploient
Sous le poids
De la pluie.
Et les gouttes
S'égouttent,
Goutte
A
Goutte,
Toutes
Brisées...
Et la pluie
se déverse,
Et le vent déferle,
Et les feuilles
se dispersent,
Ô bien-aimée!

* TÂN-PHONG

(Tiếp theo P.T. số 87)

* Vài điều xin nói thêm về sự Chào và sự Giới-thiệu.

Al cũng biết xã-giao rất là quan-trọng trong đời sống văn-minh, và một người biết phép lịch-sự luôn luôn gây được cảm-tình chung-quanh mình, và thành-công trong nhiều trường-hợp. Chào chính là sự biểu-diễn đầu tiên của phép xã-giao trước một người, hoặc trước công-chúng, cho nên ta xem cách chào có thể biết được tư-cách con người. Không phải người nào có học-thức,

XÃ - GIAO

theo Đời Sống mới

địa-vị, hoặc tiền-tài, đều biết phép xã-giao. Bởi có những người có kiến-thức rộng, địa-vị cao, nhiều tiền của, mà vẫn kém lịch-sự trong khi giao-thiệp. Trái lại có những người ít học, địa vị xã hội thấp-kém hơn, hoặc nghèo hơn, nhưng lại thường tỏ ra tư-cách lịch-thiệp và tao-nhã hơn. Những người sau đây luôn luôn được thương mến, nể-vì. Những kẻ trên kia đều bị ác-cảm, khinh ghét.

• Mình ý có địa-vị cao, gặp người thấp kém hơn cắt mủ

XÃ GIAO THEO ĐỜI SỐNG MỚI

chào mình, mà mình làm ngo, không đáp lễ lại, thì cái bộ mặt vênh-váo của mình chỉ chứng tỏ mình là một kẻ *thô-lỗ*. Tiếng Pháp gọi là *un goujat*, tiếng Anh: *A vulgar fellow*. Kẻ trọng phép xã giao không bao giờ có thái độ *thô-lỗ*, bất cứ với ai, với hạng người nào, dù với đứa con nít.

• Hai người đã quen biết nhau, ông A, và ông B. Ông A có lần đến mượn tiền ông B, ông B không có tiền, không làm thoả-mãn ông A. Hôm sau ông A gặp ông B, không thêm chào.

Hoặc ông A và ông B là đôi bạn bình-nhật vẫn chơi thân với nhau. Có chuyện xích mích giữa hai người, ông A giận ông B. Rồi từ đó ông A gặp ông B, không thêm chào.

Lấy hai trường-hợp điển hình trên làm thí-dụ, chúng ta thấy thái-độ thù oán của ông A như thế cũng là *thô-lỗ*.

Theo phép xã-giao, ông A dù không còn thân mật với ông B nữa, dù trong lòng ghét ông B thế mấy đi nữa, nhưng ông A cứ chào ông B. Dĩ-nhiên là cách chào không còn niềm nở như trước nữa, nhưng vẫn phải chào người ta để giữ phép lịch-sự, và tư cách *tao-nhã, quân-tử* của mình. Còn ông B có chào lại hay không, ông A không cần quan tâm. Nếu ông B không chào lại, ông ấy chỉ chứng tỏ rằng ông là kẻ *tiểu-nhân*.

Hoặc giả, nếu ông A nhất định khinh ghét ông B, và không muốn giao-thiệp với ông B nữa, thì tốt hơn là tìm cách tránh mặt đi trước khi gặp ông B, để khỏi phải chào.

Dĩ-nhiên, nếu giữa hai người có thù-oán nhau trầm-trọng, thì sự xã-giao không còn là vấn-đề nữa.



• MỘT VÀI LỐI CHÀO NHAU Ở CÁC XỨ LẠ

Ngày nay, sự chào nhau bằng một bắt-tay (*a shake-hand*), đã thành ra thông-dụng

khắp nơi. Tuy nhiên, nhiều xứ còn giữ các lối chào theo phong tục riêng của họ.

★ Ở **Turquie**. (Thờ-nhĩ-kỳ), chào gọi là « *Salamalec* » : Khẽ cúi mình xuống, đưa hai tay ra trước như muốn ôm lấp người ta. Người kia chào lại bằng cách khẽ cúi đầu và để bàn tay trên ngực.

Gặp bạn, gọi nhau bằng danh từ : *Djanoum* (tâm hồn của tôi).

Gặp người yêu (traí, gái) gọi nhau bằng : *Djiherim* (lá phổi của tôi), hay là : *Chekerim* (cực đường của tôi). Chữ « *cực đường của tôi* » là thông dụng nhất trong cách xưng hô của đôi trai gái yêu nhau.

★ Ở **Nga**, người ta không bắt tay. Chào nhau, chỉ gật đầu. Trong xứ họ, hoặc gặp người Cộng sản xứ khác, họ gọi nhau bằng tiếng « *Tovarichtch* » (đồng chí), Gặp người ngoại-quốc không phải cộng-sản, họ gọi : *Gospodine* (ông), hay là *Gospoja* (Bà).

★ Ở miền **Bắc băng Dương**, từ thế kỷ XIX trở về trước, người **Esquimaux** chào bằng cách cọ hai cái mũi với nhau. Từ đầu thế kỷ XX, theo phép xã giao của người Tây-phương, họ cũng bắt tay, nhưng thay vì nắm tay rồi buông ra

liền, họ nắm bàn tay đưa lên đến ngang trán rồi mới buông ra.

★ Ở **các nước Nam-Mỹ**, (Argentine, Bresil, Chili v.v...) Chào nhau bằng cách bắt tay, theo tục lệ của người Espagnols, nhưng không có tục hôn bàn tay đàn-bà, như ở Pháp, Anh, Đức, Ý.

★ Ở **Iran** (Ba-Tur), quê-hương của Hoàng-hậu **Farah Diba**, người ta chào nhau bằng cách cúi mình xuống và co cánh tay phải đưa lên trán. Hầu hết các xứ Á-rập, đều áp-dụng lối chào ấy, đối với người ngoại-quốc cũng thế. Thí-dụ như bạn có dịp đi du-lich sang xứ *Một-ngàn-lẽ-một-đêm*, bạn gặp một người mà bạn muốn làm quen, bạn đỡ mũ để chào, và đưa bàn tay ra, thì bạn đừng ngạc-nhiên thấy người dân Ba-tur không bắt tay bạn, mà lại nghiêng mình xuống và co cánh tay phải đưa lên trán họ, và họ lặp đi lặp lại cử-chỉ lễ-phép ấy ít nhất cũng ba bốn lần. Sau đó, họ có thể mời bạn đến một tiệm « *Tchaikhané* » cũng như « *tiệm café* » ở xứ ta, để mời bạn hút thuốc trong một

binh điệu đặc-biệt gọi là *Kalian* (gần giống như kiểu điệu *Narghileh* của Ấn-độ, và Á-rập, và ăn một loại trái cây khô, thật thơm và dòn, gọi là *Yeddhi luyn*.

★ Ở **Israél**, quê-hương của Dân **Do-Thái**, dân-chúng cũng không bắt tay theo kiểu Tây-phương. Họ cho rằng bắt tay là kém vệ-sinh, và chỉ chào nhau bằng một tiếng duy-nhất : « *Chalom* », một tiếng độc-đáo mà nếu bạn dùng bất cứ ở nơi nào, trên xe lửa, trong tiệm café, trong tiệm ăn, trong nhà giầy thép v.v..., bạn sẽ được dân bản-xứ trọng-vọng, coi bạn như người lịch-sự, người khách quý. « *Chalom* », nghĩa chính là *Hòa bình, Thái-bình, bình-yên*, là danh-từ thường dùng nhất, để *Chào* trong tất cả các trường-hợp, bất cứ đối với ai.

Gặp nhau, người này nói : — *Chalom* !

Người kia đáp : — *Chalom* ! Thế là đủ.

★ Ở **Syrie — Liban**.

Danh-từ dùng để chào, lại khác.

Lời chào : — *Ifadale* !

Lời đáp lại : *Mamnoun* !

Có thể dịch tạm sang tiếng Việt đại-khái là :

Lời chào : — *Chào vui-vẻ* !
Đáp lại : — *Hạ-nhĩ* !

★ Ở **Ấn-Độ**, trừ những người Tây-học, theo cách bắt tay (shake-hand) của người Anh, còn thì hầu hết dân bản-xứ vẫn theo tập-tục truyền thống :

— Chào Phật, hoặc các vị Chúa của Ấn-độ giáo, hay Hồi-giáo : Chắp hai tay đưa lên trán rồi cúi đầu, (gần như kiểu người Việt-Nam lễ-bái.)

— Chào đàn ông : Chắp hai tay đưa lên ngực, bên phải.

— Chào đàn bà : Chắp hai tay đưa lên ngực, bên trái.

Trong lúc chào, thường nói một tiếng : « *Namaskarem* » có nghĩa là « chào ».

★ Ở **Indonésia**, cái đầu rất là quan-trọng. Không bao giờ sờ vào đầu ai, hoặc sờ vào nón của ai. Cho nên chào nhau, không cần đỡ nón, đỡ mũ. Ai cũng có quyền đội nón đội mũ trên đầu, mặc dầu trước ông Tổng-thống *Sokarno*. Nơi các đảo Java, Sumatra, Célebes v.v. gặp nhau chào phải cúi đầu một tý thôi và chắp hai tay lên ngực. Thân nhau lắm, hoặc muốn niềm nở với khách quý, hay bạn quý, thì đưa cả hai bàn tay ra nắm chặt lấy bàn tay của bạn.

Nên nhớ một điều rất quan trọng, là ở Indonésia không bao giờ chào bằng tay trái. Tại các nước khác, ở Việt-nam cũng thế, nếu lỡ tay phải bị bạn cầm một vật gì nặng, bị đau, bị dính dầu mỡ, v.v... trong trường hợp có thể tha thứ chào bằng tay trái. Ở Indonésia nhất định không được. Chào bằng tay trái không những là vô-lẽ, mà còn là xúc phạm nữa.

Trong khi chào người đàn ông lớn tuổi, bất cứ làm nghề gì, một ông Bộ-trưởng, hay một ông lính cảnh-sát, một ông phu quét đường, đều phải gọi bằng « *Papak* » (có nghĩa là *Cha* hay *Cụ*, gốc ở chữ *Papa* của Tây phương).

Nếu là đàn bà có tuổi (bà Bộ-trưởng, bà thư-ký, bà vú-già, bà ở v.v...) bất cứ ở địa-vị nào, đều phải gọi bằng *Ibou* (nghĩa là Mẹ, hay bà *Cụ*)

— Ở Đảo Bali (Lãnh thổ Indonesia), đàn-bà con gái miền quê thường không mặc áo, và để hở cả bộ ngực ra. Nhưng gặp người quen, hay lạ, họ chào bằng cách lấy tay che vú. Che vú, không phải vì mặc cỡ, đó chỉ là một lối chào của phụ-nữ Bali.

★ Ở Philippines, chào nhau theo lối Mỹ.

★ Ở Nhật, chào cúi đầu thật thấp, dể hai tay thông xuống theo thân mình, hoặc đặt trên đầu gối, các bạn đều biết, không cần nói thêm.

★ Ở Ethiopie (Phi-Châu) Chào nhau bằng cách sè bàn tay ra đặt trên bàn tay của người đối-diện, bất cứ quen lạ, đàn ông hay đàn bà, rồi rút bàn tay đưa lên dấp khẽ vào ngực mình. Dấp nhiều lần chừng nào là tỏ rằng mình quý-trọng người ta nhiều chừng nấy.

★ Ở Bắc-Phi (Tunisie, Maroc, Algérie), chào một tiếng A-rập : — « *La besse ?* », nghĩa là (mạnh giỏi chứ?). Đáp lại : — *Hamdoullah !* (Nhờ Trời ban phước lành !)

★ Các giống dân da đen ở Trung-Phi (Congo, Cameroun v.v...) chào đủ cách lạ kỳ : Chào khách quen : đưa thẳng cánh tay ra, lắc qua lắc lại rồi rút tay vào dấp lên ngực ba bốn lần.

Chào các nhà chức-trách : vỗ tay, dấp chân, chào trong lúc đang chào ghe : đưa cao mái chèo lên chào.

★ Ở Ai Cập.

Chào một tiếng « *Izzayak ?* », nghĩa là (Khỏe-mạnh ?).

Đáp lại, dù khỏe-mạnh hay đau ốm, cũng phải nói :

« *El Hamdu lillah !* », nghĩa là *Chúa ban phước lành !* Nhưng tùy nơi giọng nói, vừa nói vừa cười vui-vẻ, nghĩa là khỏe-mạnh. Nói mà nét mặt rầu-rĩ, nghĩa là « *tở bệnh lắm* ».

Gặp trai gái chào nhau, sau khi nói và đáp :

— *Izzayak ?*

— *El Hamdu lillah !*

Thì tỏ ngay tình yêu bằng cách đưa bàn tay dể lên môi mình. Đưa bàn tay dể lên ngực là tỏ tình kính mến bạn-hữu, thân thuộc. Đối với khách lạ, đưa bàn tay dể lên trán. Ngoài ra, còn những lối chào quen lệ : con trai hôn bàn tay cha (không được hôn bàn tay Mẹ). Vợ hôn bàn tay chồng, người ở hôn bàn tay ông chủ.

★ Ở Úc-Châu (Australia)

Người Châu Úc theo phong-tục người Anh, vì họ nói tiếng Anh, nhưng cách chào lại khác.

Gặp nhau, chỉ hỏi tiếng Anh : *How do you do ?* (Anh mạnh giỏi không ?), và dùng đưa bàn tay ra. Ở Úc không có tục bắt tay. Người kia cũng hỏi lại : *How do you do ?*, chứ không trả lời. Người Úc-châu ít nói như người Mỹ :

How are you ?

Người lịch-sự, ở Úc-châu, không bao giờ nói câu thông thường sau đây mà người Anh hay nói : *Pleased to meet you !* (Vui-sướng được gặp ông, được quen ông). Chính người Pháp bây giờ (từ sau đệ-nhi Thế-chiến) cũng không nói : *Enchanté* (hay : *Heureux*) *de faire votre connaissance*.

Ở Úc-châu, gặp nhau, nhiều khi quen nhau quá, không cần hỏi *How do you do ?* Chỉ ngó người bạn, mỉm cười, là đủ. Hoặc nếu có đội mũ, thì chỉ đưa tay lên sờ vành mũ và mỉm cười, là lịch-sự lắm rồi. Họ tránh những câu quá khách-sáo.

★ Ở Quần-đảo Tahiti Polynesie

Chào nhau bằng một tiếng : *laorana !* nghĩa là : *Chúc anh sống !*

Đáp lại bằng một cái vỗ tay nhẹ vào bụng, và nói : *Ahe ! ua roa tou opu !*

(À ! cái bụng tôi no đây !)

Thế là vui-vẻ, và cứ tin-tưởng rằng cái bụng sẽ no đây mãi, và sẽ sống mãi !

TÂN-PHONG

★ Đáp bạn Nguyễn văn Ký, Anoiang

Nếu ông sửa xe đạp hai tay đều bàn, mà phải chào ông công-chức nọ, thì khẽ gật đầu chào miệng. Ông kia đã lỡ đưa tay ra, thì mình nhả-nhận nói : « *Hat tay tôi dính dầu mỡ, bàn quá, xin ông tha lỗi* » Ông kia thông-cảm, không thể giận được.

CÁI CHẾT

CỦA

NÉRON

★ TÔ-THÙY-YÊN dịch

Vì đêm đã đến, Philitta không thể nhìn rõ khuôn mặt của người mà nàng chờ đợi, nhưng nàng nhận biết tiếng bước nhẹ nhàng của chàng trên lá cây, và vẫn lo âu vì chàng về trễ, nàng gọi chàng, với một giọng thấp nhỏ, xuyên qua bóng tối:

— Anh Sélius đây à? Sao anh về trễ thế? Em sợ quá. Có chuyện gì không anh?

Gã thiếu niên đáp:

— Chẳng có chuyện gì hết. Nhưng con cú mèo đã kêu không khiếp khi mặt trăng bị che khuất. Súc vật hoang

sợ; anh phải chạy đuổi theo con dê già, và đêm nay bỗng trở nên tối tăm quá chừng, dưới những vầng mây đó. Người ta không trông thấy gì cả. Cuối cùng anh đã chụp kịp con dê già Cornilia và bây giờ thì anh đã buộc chân nó rồi và các cửa chuồng đều đã đóng chặt.

— Em sợ quá chừng, anh Sélius ạ. Em tưởng chừng trái đất đã động đấy.

Hai đứa trẻ đã bước vào trong cái hang đá mở ra ở giữa đồng cát và mặc dù bóng tối, chúng phải mò mẫm

nhưng vẫn đèn được dễ dàng cái giường bằng lau sậy nơi chúng thường tìm gặp nhau, ban đêm, để đánh giặc. Vì còn là những đứa trẻ, chúng chỉ chơi trò vợ chồng bằng lời nói. Tuy vậy, chúng cũng yêu nhau bằng một mối tình rất đậm thắm. Hai đứa chỉ có nhau ở trên đời nên chúng chỉ có việc là săn sóc cho nhau và cho đàn súc vật mà một người trại chủ ở thị trấn gần đây đã giao phó cho chúng trông nom, đưa đèn đồng bằng Maremmè cho ăn cỏ. Và chúng chẳng hề hay biết gì về các chuyện ở ngoài đời, về những điều thiên hạ đã làm và bàn tán ở La-Mã hay ở Ostie. Chúng chỉ biết có đàn dê của mình và niềm vui tìm gặp nhau, mỗi buổi tối, trong hang đá đó, nằm bên cạnh nhau, ôm nhau cho ấm, cánh tay của Philitta luôn dưới đầu Sélius. Thỉnh thoảng chúng cũng có hôn nhau mà không hề nghĩ bậy. Và lại chúng cũng không biết thế nào là điều bậy.

Bây giờ thì chúng đang ăn. Sélius nói:

— Đây là những trái dâu rừng anh đã hái cho em.

Cô gái nói:

— Còn em, đây, em đã làm cho anh một miếng phô-mai bằng cách để sữa trừa nhỏ giọt trên tấm vải.

Chúng vừa ăn vừa cười; và hai đứa đùa nghịch sờ soạng cắm đầu vào miệng nhau những trái cây rướm mật, những mẩu sữa đặc nhỏ có mùi chua và mùi lông trừa. Chúng sờ mặt nhau mà cười. Rồi khi đã ăn xong, chúng nằm dài bên cạnh nhau và nín lặng. Ở cửa hang mà những buổi tối khác trông thấy trời sáng, bữa nay người ta không trông thấy được nền trời xám tối. Và hơi thở trẻ con của chúng dâng lên bình yên trong tĩnh mịch.

Bỗng chúng cùng thức giấc một lượt, chẳng biết mình đã ngủ và ngủ từ bao giờ; và cả hai cùng nín thở, siết tay nhau mà lắng tai nghe. Đêm vẫn đầy im lặng. Nhưng chắc chắn là có người ở trong hang. Mắt đã quen với bóng tối, chúng nhìn thấy cửa hang

sáng hơn. Mặt trăng chắc đã xuất hiện trở lại, tạo thành một ánh sáng lơ mờ xuyên qua những cụm mây. Trong kẻ nứt mà ánh sáng lơ mờ đó chiếu rọi, ở phía ra vào của hang đá, Sélius nhận thấy hai người đàn ông, một người đứng có vẻ nghe ngóng ở bên ngoài; còn người kia, ngồi trên một phiến đá, cúi chỏ chống trên gối, ôm đầu trong tay. Hơi thở của hắn ngắn, như hơi thở của một người đã chạy mệt; hắn rên rĩ từng hồi, gã đứng có vẻ bình tĩnh hơn. Hắn hơi nghiêng mình ra khỏi hang và vì gã ngồi rên rĩ to hơn, hắn khoát tay trên đầu gã, không quay mặt lại và cất tiếng nho nhỏ ra lệnh cho gã kia im lặng.

— Nhân danh Jupiter, ngài im đi cho. Người ta sẽ nghe thấy ngài ở cách đây năm mươi bước. Ngài sẽ làm chúng ta bị tóm đây!

Philitta và Sélius nằm ép vào đáy hang, cò nén thở. Gã ngồi nói thì thảo:

— Có thể chúng ta đã tiếp tục đi thẳng. Nếu chúng không tìm thấy dấu vết chúng ta

là ta thoát. Chỉ còn đến Ostie... Một chiếc tàu, qua Ai-cập... nhưng bây giờ thì làm gì? Ở lại đây? Đợi trời sáng ư? Người nghĩ thế nào, hỡi Sporus?

Gã tên Sporus cúi xuống để trả lời người đàn ông kiệt lực nhưng bỗng hắn đứng thẳng người dậy, bàn tay bắt động ra hiệu im lặng. Lúc đó, người ta nghe tiếng vó ngựa dâng lên từ đằng xa trong đêm tối; có lúc tiếng vó ngựa ngừng lại rồi tiếp tục. Những tiếng nói mơ hồ bay đến, do gió đưa đi. Người ngồi đứng dậy, muốn làm một cử động về phía cửa hang, như để trốn chạy. Trong một lúc, Sélius nhìn thấy hắn hiện như một tâm hình cắt trên nền trời nhợt nhạt của lối ra vào. Hắn đầu trần, nhỏ thó nhưng rất phệ, với đôi chân gầy và ngắn. Hình như hắn có một bộ râu. Người bạn hắn đẩy hắn vào trong hang, bằng một cử chỉ tàn bạo, xô hắn vào vách hang. Người đó nói:

— Trễ quá rồi. Chúng đến nơi; trong một phút nữa, nếu tìm ra lối đi, chúng sẽ tới đây.

Gã kia lại bắt đầu rên-rĩ.

— Đã đến giờ rồi ư? Chúng sẽ tóm được ta! Ta không muốn rơi vào tay chúng, còn sống. Chúng sẽ đánh đập ta cho đến chết. Như thế không xứng đáng! Sporus, người hãy nhớ lại điều người đã hứa với ta... Trời thần ơi, chết ở tuổi ta! Một nghệ sĩ nào sẽ chết ở trong ta đây! Sporus?

Sporus nghiêng mình ra ngoài hang, cúi nửa thân xuống đất. Hắn nhìn thấy những cụm mây đen chạy nhanh trên trời. Một vầng trăng tái nhợt và căng phình, lớn cực kỳ như xuống gần đất, hiện ra giữa hai khối bóng tối. Hắn có thể trông thấy đằng chân trời những kỵ sĩ phi ngựa theo hàng một, trên lối đi hẹp viền lau sậy chạy dài theo bờ hồ.

Hắn vừa bước vào vừa nói:

— Bọn chúng kia rồi.

Hắn thấy gã phệ hoảng hốt, rung rẩy trước mặt hắn, khăn cầu.

— Người hãy chém vào cổ ta, một nhát thôi.

Nhưng Sporus còn ngần

ngừ. Hắn biết gã hèn nhát đó lắm nguy nhưng đó là chủ hắn. Gã phệ nhanh nhẹn đưa tay giựt lấy thanh gươm còn nằm trong vỏ, mà Sporus đang cầm lấy chuỗi.

— Nếu người sợ, ta sẽ chém lấy ta vậy. Người trung tín dữ a!

Thanh gươm chiếu sáng. Gã phệ vút bỏ chiếc áo choàng ngắn bọc phủ người hắn, chìa cổ ra.

— Nào... chém đi... Sporus, với tính cách bằng hữu. Người đã thế rồi mà.

Sporus nâng thanh gươm lên và cầm lấy hai tay, chìa mũi vào cái cổ chìa thẳng, ở chỗ tĩnh mạch và không một lời nào, vận dụng toàn lực ấn thẳng vào, rồi bỏ chạy, trong khi thể xác gã phệ ngã quỵ xuống với một tiếng động khủng khiếp của không khí thổi hắt ra và của máu chảy òng ọc.

Philitta run rẩy trong đôi cánh tay của Sélius cũng run rẩy, đầu nàng ép vào chàng. Ngay sau đó, tiếng vó ngựa vang dội khắp hang

đá, đoàn ngựa ngừng lại ở trước cửa ra vào. Một toán kỵ sĩ nhảy xuống đất và khua động khí giới, chôn rón, gươm hoặc giáo cắm tay, có vài kẻ cầm đuốc. Vì đây hang hơi ngoẻo một chút, thành thử họ không nhìn thấy hai đứa trẻ chần chẫn nằm ép trong một góc tối. Và lại, họ đang đứng vây quanh người chết, tất cả cùng nói, và giọng họ biểu lộ sự hân học, xung kích, giận dữ. Một người trong bọn, nhận ra xác chết, đưa chân lật nó lại vì hắn đã ngã quỵ úp mặt xuống đất, và đưa bó đuốc đèn gần để xem, bỗng đứng giật dậy, kinh hoàng. Hắn kêu lên:

— Hoàng đế... chết rồi. Hắn còn nóng hổi. Chưa lâu đâu. Tiếc quá, phải chi bắt sống được hắn! Ôi mà cũng thế thôi... Nhưng tôi không tin hắn đủ can đảm để tự sát lấy. Làm thế nào hắn tự sát được nhỉ?

Không có vũ khí nào ở gần người chết, ngoại trừ hai con dao găm còn nằm trong vỏ, không được xử

dụng đèn. Sporus đã bỏ trốn, cầm theo thanh gươm để tự vệ, nếu bị rượt đuổi.

Viên sĩ quan đã nói, lại tiếp lời:

— Trời thần ơi! Chính một kẻ trong bọn hắn đã hạ sát hắn. Chắc nó chưa chạy ra đâu. Ta cứ theo bắt nó.

Rồi hạ lệnh cho một tên quân:

— Tullio, nhà người hãy ở lại đây, canh chừng cái xác chết này và đừng để nó tẩu thoát. Mai ta phải đưa nó về La-Mã. Ta sẽ trở lại đây ngay. Còn mấy người kia, lên đường.

Viên sĩ quan dẫn toán lính đi, bỏ Tullio lại với người chết. Hắn nhìn một lúc cái xác đỏ sộ, nằm trong một vũng-xăm, rồi nhún vai và ngồi xuống ở cửa hang, trên phiến đá mà lúc nãy, gã phe đã ngồi và hắn cầm thanh kiếm xuống đất, ở vừa tầm tay, trước mặt hắn.

Sau đó, thấy tên quân đã ngủ, hai đứa trẻ liền quyết định rời khỏi chỗ nằm. Chúng bước ra cửa hang, cố gắng không gây một tiếng động nào.

Chúng đã ra đến ngoài, và khi tên quân nghe thấy tiếng chân, thức giấc, nhìn thấy hai đứa trẻ ở trên ngưỡng cửa hang, bên lề lối đi, hắn nhận ra đó là những tên chần chẫn và tưởng là chúng chỉ đi ngang qua trước cửa. Sélius hiểu điều đó và muốn cho tên lính đừng biết, liền giả vờ khám phá ra cái thầy ma và xáp lại gần, ra vẻ quan tâm. Philitta đứng sau lưng chàng, vẫn còn run sợ nhưng hiểu kỳ. Sự kinh hãi làm cho nàng có vẻ dần dần.

Sélius ngăm nhìn người chết. Ngày ló dạng. Người đàn ông đó rất phê, khuôn mặt trắng bệch trong một bộ râu hung đỏ. Mắt hắn vẫn còn mở, với một vẻ kinh hoàng, tưởng chừng như lọt ra khỏi đầu hắn. Cái cổ mập mờ ra với một đường rạch ghê gớm và máu đã đen đi và đặc lại.

Tên quân hỏi:

— Bây là ai? Làm gì ở đây?

Sélius đáp:

— Chúng tôi đi tìm con dê chạy lạc. Ông có thấy nó chạy vào hang không?

Người lính bảo:

— Quả tình không thầy. Nhưng này, đàn vật của bây chắc cũng ở gần đây. Ta khát

rối. Nếu mày mang đến cho ta một bình sữa (hắn bật cười), ta sẽ kể cho mày nghe một câu chuyện hay, rồi mày sẽ thầy...

Sélius và Philitta bước đi. Lát sau, chúng trở lại; Sélius cầm một cái bầu bằng da dê. Chàng trao cho tên quân; hắn nghiêng đầu, cầm rót vào miệng, hai tay giơ lên bóp lấy bầu.

Khi đã uống xong, hắn nói:

— Ngon lắm. Và ta đã hứa kể chuyện cho bây nghe!

Hắn quay mặt lại và chỉ người nằm chết.

— Bây có biết gã đó là ai không?

Sélius và Philitta lắc đầu, không biết. Hắn liền nói:

— Vậy thì nếu thích, bây có thể kể lại chuyện này với bất cứ ai cũng được nhưng sẽ chẳng có ai tin bây đâu... Đó là hoàng-đế đây.

Philitta và Sélius nhìn người lính, ngạc nhiên. Rồi chúng lại nhìn nhau, không hiểu. Mỗi một lúc sau, Sélius mới cất giọng hỏi tên quân:

— Hoàng-đế nào vậy ông?

• Emile HENRIOT
(trong Hòn-Lâm-Viện Pháp)

LỢI NGỌC

Truyện dài trào-phúng xã-hội ★ NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. số 89)

Q U thẳng Ngọng, tên tiểu - đồng của tôi, bị bắt giam trong Bót, làm sôi - nổi dư-luận trong tỉnh. Thiên-hạ bàn-tán dữ lắm, nhưng thật ra cũng chỉ bàn-tán suông, và phản-đôi âm-thảm, đâu ai dám nói công-khai. Duy có thẳng-tôi cứ ngẫm-nghĩ tức cười. Tức cười cho cái thẳng nhãi-con ngọng-nghịu thê mà làm cho cả tỉnh phải xôn-xao, cho Bà vợ ông Lớn phải tức mình.

Vì nguyên-do nào Bà bảo Cảnh-sát bắt giam thẳng

Ngọng, thì trong tỉnh còn ai mà không biết! Bài hát của nó là một bản tò-cáo, mà «phụ-nhân» là người rất thông-minh, càng thấy chua-chát hơn ai hết thấy. Nhưng có đôi người không hiểu tại sao chính ông-lớn lại gọi điện-thoại ra lệnh cho Cảnh-sát giam-giữ nó? Mà người ấy chắc không hiểu rõ thực-tê. Thực-tê là ông lớn sợ bà-lớn còn hơn sợ Cọp trong rừng. Giả-sử có một «Hội Sợ Vợ», hay là một «Ủy-ban bảo-vệ Triết-lý Sợ vợ» thì ông lớn sẽ xứng-đáng được bầu làm vị

LỢI NGỌC

chủ-tịch. Trước mặt đồng-bào hoặc những buổi ông đi kinh lý trong các quận, thôi thì ông «le» lắm! Ông «ban huân-từ» được đồng bào hoan-hô râm-rập. Nhưng về nhà, ông lại bị «quý phụ-nhân» ban huân-từ trở lại.

Sáng hôm ấy, «phụ-nhân» từ trong tiệm vàng Khánh-vân đi ra, lái xe đèn thẳng Văn-phòng ông lớn. Bà đi như gió bão. Bà xô cửa vào, đi thẳng đến chỗ, mét cho chồng biết là thẳng Ngọng hỗn xược, phao tin đón vô căn-cứ để nói xâu bà ngoài chợ. Rồi bà ra huân-thị cho Ông Lớn: «Mình gọi điện-thoại bảo Cảnh-sát giam thẳng du-côn cao-bồi đó một tuần lễ đi!» Ông-Lớn lẳng-lặng gật đầu, thò tay ra cầm điện-thoại, quây máy con số, rồi bảo trước ông nói: «Ông Cảnh-sát trưởng giam thẳng Ngọng một tuần lễ nhé.» Nghe một tiếng «Dạ» đáp lại, rồi ông đặt máy xuống.

Hàng xóm ai cũng có lòng tốt khuyên bảo tôi nên đến Bót để xin nhận lãnh thẳng Ngọng về. Nhưng hàng xóm đâu có rõ ý-nghĩ của tôi. Tôi

chẳng đi đâu cả. Tôi chẳng bao giờ quỳ-lụy xin xỏ ai.

Và lại, hơi đâu chạy theo cái guồng máy hành-chánh nó quây những vòng lẩn-quẩn theo thủ-tục của nó? Ông Cò bắt giam là do nơi ông Lớn ra lệnh. Ông lớn ra lệnh là do bà lớn chỉ-huy. Bà lớn chỉ-huy là tại ông lớn sợ bà. Kỳ không là ông. Kỳ-đà, Kỳ-đà là cha các-ké. Các-ké là mẹ Kỳ-nhông!..

Còn thẳng Ngọng, không ai biết nó bằng tôi. Trời sinh nó ra là thẳng Ngọng, nhưng để bù vào cái lưỡi bị cụt ngùn, Trời lại ban cho nó được khúc lưỡi ấy sắc-bén. Nó cắt đứt được mọi trở-ngại. Gặp hoàn-cảnh khó-khăn đến đâu nó cũng xoay-xở uồn nắn thê nào rồi êm xuôi cả. Ở với nó đã lâu, tôi biết khả năng của nó. Chuyện này, tự nó làm cho nó bị bắt, nhưng tôi tin rằng cũng tự nó sẽ làm cho nó được thoát thân.

Nó bị kẹt trong guồng máy, nhưng chính guồng máy sẽ nhả nó ra, rồi các bạn xem. Đã rồi cho nó là ông lớn đi

Sài-gòn đêm thứ Bảy, nhưng lại may cho nó là đèn lướt Bà lớn đi Sài-gòn chiều thứ Năm. Ông lớn đi Sài-gòn ăn chè. Bà lớn đi Sài-gòn cũng ăn chè. Không có gì lạ. Bà lớn vừa đi xong thì có bà lớn, nhỏ đèn văn-phòng kiểm chuyện: «Anh chỉ nghe lời vợ anh, làm những chuyện phi pháp để cho dư-luận chê cười. Em yêu anh, nên em mới đèn báo cho anh biết, anh đừng để cho con - mẹ xỏ mũi anh như thề mãi. Tại sao anh bỏ tù thằng Ngọng? Tại nó bắt gặp vợ anh nhảy dù trong cái đêm anh đi Sài-gòn đó phải không? Tại nó đặt ra bài hát «Bà-Lớn nhảy-dù», nó hát cùng ngoài phố, con-mẹ xấu-hỗ báo anh bắt bỏ tù thằng Ngọng để nó đừng hát nữa, phải không?» Ông Lớn tái mặt, ngó trần-trần cô tình-nhân, vợ một anh giáo-viên trường Tiểu-học trong tỉnh: «À ra thề đây là chuyện có thật hả?» Ông Lớn liền chụp lấy ông điện-thoại: «Allô! ông Cảnh-sát-trưởng đây phải không? Ông thả thằng Ngọng ra nhé!» Một tiếng «Dạ» đáp lại. Ông đặt ông máy

xuống, nét mặt còn hăm-hăm. Tôi thường có linh-tính báo cho biết trước một vài việc sắp xảy ra. Như việc thằng Ngọng chẳng hạn. Chiều thứ Năm, tự nhiên tôi chờ nó về. Tôi đứng tựa vào khung cửa từ 3 giờ, ngóng về phía Cầu Nhà-Đền. Đền 3 giờ 30, quả-nhiên thằng Ngọng hiện ra phía đầu cầu bên kia.

Nó đang chạy, chạy, chạy... Xa-xa, nó đã trông thấy tôi, lấy tay ngoắc ngoắc tôi. Áo nó rách hết. Tóc nó dựng đứng lên, bay phất phơ ngoài gió. Nó vừa chạy vừa hát:

Níp-níp nơ!
Níp-níp nơ!

A, cái thằng bắt-trị!

Vừa đèn công, nó chạy vào tôi, tôi ghay ra nó, nó ôm lấy tôi, tôi ôm lấy nó, hai tay trò mừng cuồng quít. Nó ập-a ập-úng:

— Cậu ơi, thề nà thề nào?
Bống nó òa ra khóc!

Tôi mỉm cười, vuốt-ve mái tóc nó. Một lúc nó nín, ngó tôi:

— Ông nhìn cảnh-sát mở cửa phòng giam, đuổi con ra, thề nà thề nào?

— Thề là con vô-tội.

— Con vô-tội mà bắt con, Thề nà thề nào!

Tôi ôm siết chặt nó, tôi cười. Nó cũng ngả đầu vào vai tôi, nó cười:

— Con ở trong tù, con nhớ cậu quá! Con cứ sợ không có ai đi chợ nấu cơm cho cậu ăn, thề nà thề nào.

— Còn con? Con bị giam từ sáng thứ Hai đèn nay, 4 ngày, họ có cho con ăn không?

— Họ đưa cơm vô với miếng khô-cá, nhưng con không ăn, thề nà thề nào.

— Tại sao con không ăn?

— Tại vì con không đói. Con muốn về nhà ăn với cậu. Con không chịu ăn cơm của người ta, thề nà thề nào. Bây giờ cậu cho tiền con đi chợ, thề nà thề nào.

Tôi vào nhà móc bóp lấy đưa nó 30 đồng. Nó ra đi. Trên đường Đồng-Khánh, tiếng nó lại trời dậy, nghe phắc tức cười:

Níp níp nơ!
Bà nớn nhảy-dù!
Níp-níp-nơ!
Thằng Ngọng ở tù!

Níp níp nơ!

Níp-níp-nơ!
Mưa gió mịt mù!
Níp níp nơ!
Bà Nớn nhảy dù

Níp-níp-nơ,
Thằng Ngọng ở tù...
Níp-níp-nơ...



Chương 2

XIN các-bạn cho phép tôi nói đến thằng-tôi. Ở chương này tôi không thể trốn tránh được. Hồi tôi 20 tuổi, học đã đỗ bằng Tú-tài toàn phần, nhưng tôi không làm việc nhà-nước vì lẽ tôi không thích làm việc Nhà-nước. Cha mẹ tôi đã chết, để tôi mồ-côi hồi mười bảy tuổi. Tôi không có vợ vì lý-do tôi không có tiền. Không có tiền thì đâu dám nghĩ đến chuyện có một người đẹp bên cạnh? Đồi với tôi, đó là việc xa-xỉ, vì đàn bà chính là một xa-xỉ-phẩm rất đắt tiền. Xin quý bà và quý cô hãy tha thứ cho tôi! Quan niệm của tôi là người đàn-bà tởm-trung

cái gì đẹp nhất, quý nhất trong đời người đàn ông. Nằm bên cạnh người đàn-bà, tức là nằm bên cạnh một kho vàng. Cho nên với một trái tim trống trơn, người đàn ông dễ gì mua được một nụ cười lợi-là ?

Phải có tiền, các bạn ơi ! Tình yêu mà thiếu tiền tức là tình yêu mắc-nợ. Trái tim mà không chứa đựng tiền, là trái tim không có vốn. Trái tim rỗng-không thì không bao giờ bảo-đảm được tình-yêu lâu bền. Tôi nói thật đấy, và tuy tình tôi ư mơ mộng nhưng hề nói đến tình-yêu là tôi không dám mơ mộng nữa đâu ! Ở thời-đại nhân-loại văn thờ con Bò-Vàng, tôi thấy rằng những người đàn-ông không có xu mà dám đi tìm kiếm tình yêu là những kẻ ngớ-ngẩn và không tự-trọng. Nếu lỡ họ tìm được một tình yêu, họ sẽ phải trả món nợ ấy cho đến tận đời kiếp ! Trừ khi nào tình-yêu được người ta cho không ! Nhưng, tình-yêu mà cho không, thì đâu còn phải là tình-yêu nữa, thừa có phải thế không a ?

Không cứ phải tiền rừng bạc bể, nhưng nhiều hay ít, đồng tiền cũng quyết định được tình yêu. Thừa quý bà, quý cô, hồi 20 tuổi tôi cũng

khả đẹp trai, nhưng đẹp trai mà làm gì một khi tôi tự thấy ở trên trái đất này tôi thuộc về hạng người túi không có tiền và trái tim không có vốn ! Cho nên tôi ở vậy... với thằng Ngọng của tôi.

Thầy nó cũng sớm mồ-côi cha mẹ như tôi, tôi xin nó về nuôi đã 3 năm, dạy nó học chữ và học lễ-phép. Tôi có mở hai lớp học, mỗi lớp 5 người học - trò. Lớp buổi trưa dạy Việt-văn. Lớp buổi tối, từ 7 đến 8 giờ, dạy Pháp-văn. Trong lớp buổi tối có một cô thiếu-nữ tên là Bích-Ngọc.

Cô Ngọc là cháu của ông Thừa Ba, gọi ông bằng bác ruột. Cha mẹ cô ở thôn-quê, nhà nghèo, cho cô theo bác ra học trường tỉnh. Cô học giỏi, đứng vào hạng nhất nhì trong lớp.

Tôi không nói cô đẹp hay không. Vì lẽ dĩ-nhiên là cô đã đẹp rồi, tôi có nói cũng bằng thừa. Và tôi làm gì có đủ chữ để tả sắc đẹp của cô ? Nhưng tôi có thể nói là cô đẹp nhất trong tất cả những người đàn-bà con gái mà tôi được gặp từ trước đến nay.

Ông Thừa Ba, bác ruột của cô, làm việc trong dinh Tỉnh-trưởng. Ông Thừa không có con mới nuôi cô Bích-Ngọc làm con-nuôi. Vợ ông là một người đàn-bà có hai gò má cao như hai gò núi. Hai con mắt của bà tròn, to và đục-ngầu. Đôi hàng lông-mày như hai cọng rau răm. Bà là người cay-nghệt nhất trong xóm, cả tỉnh ai cũng biết tiếng. Ông Thừa thì, trái lại, rất hiền-từ, chỉ phải hai cái tội : sợ vợ và ăn hối-lộ. Nhưng xét kỹ ra, ông Thừa không sợ vợ không được, và không ăn hối-lộ cũng không được. Bởi vì

ông Thừa là người chồng nhút-nhác và bà Thừa là một người vợ rất đáng để cho ông Thừa sợ : đó là lẽ dĩ-nhiên. Còn về việc ăn hối-lộ thì lương của ông không có bao nhiêu, không nhờ « bổng lộc ngoài » ông làm sao có đủ tiền nuôi bà vợ, để bà nheo-nheo trong nhà suốt ngày, nếu bà thua tứ sắc ? Cô Bích-Ngọc thì không tồn kém mảy. Học trường nhà - nước khỏi học-phí, mỗi tháng cô chỉ xin ông bác 200 đồng để cô trả tiền học thêm lớp Pháp-văn của tôi.

(còn nữa)

THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

231-233, Phạm Ngũ Lão — Sài Gòn

Điện-thoại : 25.861

Số thương-mại Sài Gòn số 640 A

Số Quốc Gia Danh Bộ 25 129 54 001

- In sách báo, các loại sổ sách, giấy tờ văn-phòng bằng Việt, Pháp, Anh, Hán-tự.
- In lịch treo — Lịch bỏ túi — Nhân hiệu, bao hộp — Đóng sách đẹp
- Cung cấp dài hạn ấn-phẩm, dụng-cụ văn-phòng cho công sở, tư sở tại Sài Gòn và các Tỉnh.
- Có xưởng máy cung cấp các thứ phù hiệu, cờ cho các hiệu đoàn, nhân cô áo (étiquettes) lớn, nhỏ đủ loại, đủ cỡ. Màu đẹp, bền không phai.
- ✱ Gửi bưu phiếu thanh toán xin dùng Thiếp phiếu mẫu CH. 1418 (do Bưu-điện phát không) chuyển tiền vào Trương mục :

Sài Gòn T/M số 2701

THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

- ✱ Gửi tiền bằng cách này không tốn cước mandat và cờ thơ chỉ cả, lại được nhanh chóng và không sợ bị thất lạc.

MỒ HÔI NƯỚC MẮT

Lời Tòa-soạn.— Chúng tôi vừa đọc trong «Sống Đạo» cơ-quan thông-tin nghị-luận Công-Giáo, 86 Nguyễn-Đu Saigon, một bài trong mục «Mỗi tuần một chuyện», nhan đề là «Mồ-hôi Nước Mắt». Thấy vui vui, chúng tôi xin trích đăng sau đây, để bạn đọc nhàn-lãng.

Ở Thủ-đô Sê-goòng có 1 biển cổ rất quan-trọng : đó là đám cưới của ông, Ngọc-Minh, giáo sư triết tại trường Đại học văn khoa, với cô Ánh, nguyên là « người ở » của ông.

Cuộc tình-duyên lâm ly lắt léo này đã kéo dài mấy năm và một số đông dân chúng tuần nào cũng hỏi nhau : ông Minh đã lấy được cô Ánh chưa ? Thật là một cuộc tình duyên « suýt-băng » (suspense) không thua mấy cuốn phim của Hít-Cốc.

Thiệt cái ông giáo sư đó cũng tốt quá cỡ. Ông là hiện thân của lòng bác ái, tính vị tha : giúp đỡ người tàn tật, chăm sóc kẻ âu lo, mẹ góa con côi ông đều đùm bọc. Con nhà nghèo thấy ông là bu lại như mỗi gặp bánh ngọt.

Ông yêu cô Ánh là « người ở » trong nhà đến nỗi chê cô gái của một ông Bộ-Trưởng. Rồi Ánh ra đi, ông cũng theo, săn sóc Ánh như gà mẹ săn sóc con, kính trọng Ánh như người anh cả kính trọng em gái. Không bao giờ ông có một cử-chỉ đáng gọi là « bầm-lắm ».

Ấy vậy mà cô ở đó lại phớt tỉnh « hồng chịu » cho ông cưới mới chết ! Cô ở này cũng thiệt là « xuất chúng » không những cô có học (có học đến sau này làm được thơ ký) mà cô lại đẹp, đẹp mê hồn : mặc áo bà ba cũng đẹp mà « xú chiêng » cũng đẹp ! không những đẹp mà còn thùy mị, đoan trang đủ mọi đức tính của người đàn bà Việt-Nam.

Một đôi trai tài gái sắc như vậy mà cứ xê tới xích lui trong mấy năm trường, thiệt con tạo cũng trớ trêu. Thời may, tuần rồi họ đã « Ô kê » với nhau ; nàng đã ngã đầu vào vai chàng và lần

đầu tiên, kêu chàng là « Anh của em ». Dân chúng thở một cái khi, hả dạ.

Riêng tôi cầu chúc cho họ loan phụng hòa minh sắc cầm hòa hiệp và sanh con đẻ cháu thiệt nhiều. Để cho xứ Việt-Nam đầy đầy những ông chủ bác ái anh hùng như ông Ngọc-Minh, những cô ở « Hoa khôi » đạo, đức như cô Ánh. Như vậy là giải quyết toàn diện cái vấn đề tranh chấp, muôn đời giữa ông chủ và thàng ở (hay cô ở).



LÝ-CHÂN

Tái bút : Quên lểng không nói với bà con rằng Trường Đại học Văn-khoa không có ông giáo sư triết nào tên Ngọc Minh. Ông này là nhân vật chính trong cuốn « Trường thiên tiểu thuyết » rất xây dựng của nhà văn Nguyễn-Vỹ, đang trong tạp chí Phê-Thông.



GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ
KEO SINH TỔ
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-ÓC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆN TRƯỞNG ĐƯỢC

Đã phát hành khắp nơi :

thi phẩm NƯỚC MẮT

Gồm nhiều bài thơ giá trị

của : ● **VŨ - BÌNH - THƯ**
● **PHƯƠNG-MINH**
● **CHẾ - VÂN**

Đã phát-hành khắp nơi :

Nguyệt-san **TIN SÁCH**

Do Trung-tâm Văn-Bút Việt-Nam xuất-bản.

số 3. Loại Mới. Tháng 9/1962

Xin hỏi tại các tiệm sách lớn hoặc tại tòa-soạn **TIN SÁCH**

38, Phạm-Ngũ-Lão, Saigon



* Bài Quốc-ca chấm dứt chương-trình Phát-thanh ban đêm.

(của ô. Dạ-yên-Trinh, đường Khải-Định, Phan-Thiết)

Thường thường ban đêm trước khi mở đầu và chấm dứt chương trình ca nhạc hoặc tin tức thì có hát bài Quốc-Ca. Tôi thấy làm như vậy thì bài quốc-ca trở thành một nhạc bản tầm thường mất, vì lẽ : Đêm nay, thành phố Phan-Thiết đang vui, trong một nhà hàng đông khách toàn những thanh niên mặc áo hờ cở, hút thuốc phà khời mù trời, đang cãi vả nhau ồn ào, trong lúc ấy trong máy Phát-thanh (Radio) Bản Quốc-Ca đang trôi khúc hùng hồn. Tôi thấy họ không cần đề ý hay nghiêm chỉnh chi cả. Nhưng theo tôi nghĩ thì bản quốc-ca phải được mọi người nghiêm chỉnh đón chào mới phải.

Ở một tỉnh nhỏ như Phan-Thiết thôi mà còn thế huống là nơi đô hội như Saigon ban đêm. Người ta say sưa bên những khoái lạc khác trong lúc bản Quốc-ca trôi lên, tôi lấy làm e ngại và áy náy quá.

Đó là ý nghĩ thiên cận của riêng tôi sợ rằng mình hiểu không nổi cái ý cao đẹp của chương-trình đại phát thanh nên lâu nay tôi mãi thắc-mắc. Chợt nghĩ đến Phở-Thông ! Một tạp-chí đã giúp đỡ bao nhiêu độc-giả giải rõ thắc mắc lòng mình nên tôi vội viết thư nhờ ông chỉ hộ : Bản Quốc-ca trôi lúc ban đêm như thế còn có ý nghĩ cao đẹp nào khác hơn là tưởng niệm những người đã đổ máu vì giống nòi và dân-tộc ?

L.T.S. — Chúng tôi đang bức thư trên đây, đề ban Giám-đốc đài Phát-thanh lưu-ý.

* Ô. Hoàng-xuân-Hãn, kỹ-sư Nguyên-tử-lực.

(của Bà Trần-Điệu-Tâm, đường Pasteur, Saigon)

... Trong Phở-Thông số 89, chúng tôi rất hoan-hỉ được đọc bài « Năng-lượng Nguyên-tử » của nhà Học-giả Hoàng-xuân-Hãn, mà chúng tôi (có lẽ tất cả bạn đọc Phở-Thông) đã có lòng ngưỡng mộ từ lâu. Chúng tôi thật không ngờ ông Hoàng-xuân-Hãn còn sống và đang ở Paris ! Chúng tôi cứ tưởng ông đã...

Số 89 Phở-Thông đã đem lại cho tôi và cả gia-đình chúng tôi một sự ngạc-nhiên vô cùng thích thú, và chúng tôi rất hạnh diện từ nay được đọc trong Phở-Thông nhiều bài có giá trị tuyệt đối của ông Hoàng-xuân-Hãn cũng như của các bậc nhân tài khác của Việt-Nam ta ở Hải-ngoại và trong nước. Nhưng thưa ông, nếu

chúng tôi không làm, thì hình như ông Hoàng-xuân-Hãn đã đỡ nhiều bằng cấp cao lớn lắm, chứ sao, theo ông giới thiệu trong Phở-Thông, ông Hãn chỉ tốt nghiệp đại-học Bách-khoa ? Chúng tôi còn hơi thắc-mắc về điểm này, mong ông chỉ giáo cho.

ĐÁP : Vì muốn tôn-trọng tính khiêm-nhường của ông Hoàng-xuân-Hãn, nên chúng tôi đã có vài lời giới-thiệu, như bà đã biết. Nhưng bà muốn biết hơn, thì đây chúng tôi xin nói rõ : ông Hoàng-xuân-Hãn ở trường Polytechnique đầu ra, tốt-nghiệp kỹ-sư Ecole Centrale và Thạc-sĩ Toán Pháp (Agrégé de Math). Ông lại là nhà Bác-học Việt-Nam đầu tiên đỗ Kỹ-sư Nguyên-tử-Lực (Ingénieur Atomiste) hiện đang nghiên-cứu và thí-nghiệm về Năng-lực Nguyên-tử. Ông cũng là một nhà thông thái rất giỏi về Hán-văn. Ông hứa sẽ viết thường xuyên cho tạp-chí Phở-Thông.

* « Hoa nở muộn »

(của cô Lê Tuyết-Hà, Nữ-sinh Ng-trường-Tập, Vinh-Long)

Thưa chị, có bao giờ một bài đã đăng rồi lại đem đăng trong một tờ báo khác với bút hiệu khác không ?

Em đã đọc truyện ngắn « Hoa Nở Muộn » của « Lâm vị Thủy » trong Phở-Thông số 83 trang 39, rồi hôm trước em có đọc trong một tờ nhật báo ra ngày 17-9-62 số 488 trong mục « Hội Tao Phùng » có bài « Hoa Nở Muộn » của tác-giả là Jacqueline V. T. nữ sinh đệ tứ trường Gia-Long đề tựa là « Sáng tác dự thi Hội Tao-phùng 1962 » bài số 119.

Em lấy làm lạ quá, sao có chuyện giống nhau kỳ thế, lời văn thì không sai tí nào rồi, duy chỉ có tên trong truyện thì đổi khác mà thôi, thí-dụ tên Lưu trong « H. N. M. » của Lâm-vị-Thủy, thì trong « H. N. M. » của J. Vinh-Tân lại đề là Vinh, và bác Nam thì đổi là bác Hai... thế thôi, còn lời văn thì giống hệt. Vài hàng hỏi chị.

Thưa chị, đã hai số báo qua rồi, P.T. không đăng truyện « MỘT GIÁC MƠ HOA » làm tụi em trông muốn hết hơi đi lận, em thích mục đó quá đi, em mong P.T. số 90 sẽ có đăng nó, em mong lắm.

Gởi về chị tất cả lòng luyến mến của tụi em...

* Đáp bạn Bốn-Phương

Vì kỳ này bài nhiều quá, không còn chỗ cho mục Đáp bạn, vậy xin lỗi bạn đọc. Tất cả những thư của các bạn, Diệu-Huyền sẽ xin phúc đáp trong số tới. D.H.

* CẦN TRỌN BỘ PHỞ-THÔNG

Một tòa Đại-Sứ Ngoại-quốc cần mua trọn bộ « Phở-Thông tạp-chí » từ số 1 đến số 47 còn mới, và chưa đóng thành bộ, với giá 470\$.

Xin do Tòa-báo Phở-Thông chuyển giao.

Tập Thơ

Hoang-Vu

Sẽ phát hành cùng một ngày
với số Đặc - biệt Phổ - Thông

ĐỆ - TỬ CHU - NIÊN
(I - II - 1962)

Bản thường in trên giấy impression : 30\$
Bản đặc - biệt in trên giấy duplicateur : 85\$



Các bạn ở những nơi không có Đại-lý bán tập Thơ «Hoang-Vu», xin gửi thư và bưu-phiếu đề tên tác-giả tại :

Tòa-soạn Tạp-chí PHỔ-THÔNG
231 đường Phạm-ngũ-Lão

hoặc Nhà in PHỔ-THÔNG
531, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo
SAIGON

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

Ai đau gan /

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC AUM

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

Số Kiểm-nhận 38/Q.C.D.P.-B.Y. ngày 22-7-60

Thuốc trị HO cao ho QUẢNG AN TIỀN

TRỊ: Ho cảm, ho đàm, ho khan, ho gió, đau cổ khan tiếng, ho nhiều ban đêm mất ngủ. Mọi chứng HO của người lớn nên dùng thuốc ho Quảng An Tiên.

Tổng phát hành: Lý Trắc, nhà thuốc Quảng An Hòa
169 Lê văn Duyệt Saigon. (Có bán ở các đại lý Việt Hoa)
Kiểm nhận số 198 ngày 31-7-62

THUỐC TRỊ GAN Quảng An Hòa (số 1)

TRỊ: Đau gan, yếu gan, yếu mật, táo bón, mất ngủ, ngứa, nổi mề đay, nổi mụ ở mặt, ăn chậm tiêu.

Và khi hết bệnh, nên bồi bổ gan, dùng thuốc

BỒ GAN Quảng An Hòa số 2

Tổng phát hành: Nhà thuốc Quảng An Hòa 169 Lê văn Duyệt Saigon, Lý Trắc. (Có bán khắp nơi)
Kiểm nhận số: 200 ngày 31-7-62

Thuốc Bỏ Thận, Cường Thận Tinh, Quảng An Hòa

TRỊ: Đau thận, suy thận, đau lưng, đái đêm, ù tai, mờ mắt, bái hoải môi, di mộng tinh, suy yếu cơ thể, ăn ngủ thất thường. Tổng phát hành: Lý Trắc nhà thuốc Quảng an Hòa, 169 Lê v Duyệt Saigon. (Có đề bán ở các đại lý Việt Hoa.

Kiểm nhận số: 196 ngày 31-7-62

THUỐC ĐAU LƯNG HÔNG-NGUYỄN



TRỊ Thân Suy
Yếu, nhức mỏi tay
chân, phong thấp,
gân xương đau nhức.

Nhà thuốc HÔNG-NGUYỄN

Bà Dương-xuân-Lang chủ

246, Đại lộ NG. HOÀNG Cholln

KIỂM-NHẬN SỐ 238. BYT/QCĐP. NGÀY 7.8.62.

POLYVIT C_a TÉVÉTÉ



ĐÀN BÀ DƯỠNG-THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU, ÉO-OT, CHẬM MỌC RĂNG

THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẤU-DƯỢC



BILAXINE

Thuốc
nhuận trường

CÓ BÁN KHÁP NHÀ THUỐC AU MY

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-thoại: 23.187



Phạm - văn - Lạng

Giám - Định Trắc - địa - sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

CALCIUM TANA

A L'ACIDE GLUTAMIQUE

Thuốc CALCIUM TANA à L'ACIDE GLUTAMIQUE là thuốc uống để phòng lao và bổ óc rất cần cho Sinh-viên và Trí-thức lao-lực để bồi bổ tinh thần và nâng cao trí tuệ.

Nhiều nhà Bác-học ÁU-MỸ đã dày công nghiên cứu và cùng đi đến kết luận sau đây: **CHẤT ACIDE GLUTAMIQUE** bồi bổ cho óc người lớn cũng như con nít được thêm trí nhớ và trí thông minh.

Trong thuốc Calcium TANA à l'Acide glutamique có thêm Glycocolle, chất này là một thứ Acide animé mà ta thường thấy trong Cao hồ cốt, Cao gạc, Cao dương, Cao quý v.v... Glycocolle đem sinh lực giúp cho người làm việc nhiều khỏi mệt nhọc và ăn được, ngủ được.

Cao và chất Calcium thì từ xưa đến nay đã được Y-học dùng để phòng và chữa các thứ bệnh lao, nhất là lao phổi mà các giới Sinh-viên, Trí-thức và lao động thường hay mắc phải. Chất Calcium cũng rất cần cho trẻ em ốm yếu, lớn lên cũng như cho phụ-nữ trước và sau ngày sanh đẻ.

Muốn đem áp dụng những kết quả tốt đẹp đó, nhà thuốc TANA chế ra thuốc **CALCIUM TANA à L'ACIDE GLUTAMIQUE** để Đồng-bào dùng.

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC ÁU-MỸ

XỔ-SỐ KIẾN-THIỆT

Hàng tuần vé số Kiến-Thiết
phát-hành 3.000.000 vé:

- 1.000.000 vé mang mẫu tự A,B,C v.v..
 - 1.000.000 vé mang mẫu tự AA,BB,CC v.v..
 - 1.000.000 vé mang mẫu tự AAA,BBB,CCC v.v...
- đều được ghi số như sau từ 000.000 đến 999.999.

NGÀY MỞ SỐ:

THỨ BA HÀNG TUẦN

TỔNG SỐ CÁC LỖ TRÚNG:

3 lô trúng độc đắc mỗi lô 1.000.000\$

15 — — 100.000\$

15 — — 50.000\$

180 — — 10.000\$

600 — — 5.000\$

3.000 — — 1.000\$

3.000 — — 500\$

30.000 — — 100\$

165 — an ủi — 2.000\$

Asphétyne



Đặc biệt trị:
• SUYỄN

*Không thua gì
thuốc ngoại quốc*

PHARMACIE
KIM-QUAN
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH
SAIGON

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản nhiệm: **NGUYỄN-VỸ**

In tại **THƯ LÂM ẤN THƯ QUÂN**
231-233, Phạm Ngũ Lão — Sài-gòn